

NAM A BANK

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN TÓM TẮT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

(Giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992;
Giấy phép thành lập số 463/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp ngày
01/09/1992; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 39 vào ngày 02/12/2019)

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

NAM A BANK

Trụ sở chính : 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-28) 3929 6699 Fax: (84-28) 3929 6688
Website : www.namabank.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

BMSC

Trụ sở chính : Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, Số 34A Phạm Ngọc
Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-28) 7306 8686 Fax: (84-28) 3824 7436
Website : www.bmsc.com.vn

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

(Giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992;
Giấy phép thành lập số 463/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp ngày
01/09/1992; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 39 vào ngày 02/12/2019)

Địa chỉ: Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 3929 6699 Fax: (84-28) 3929 6688
Website: www.namabank.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Ông Trần Ngô Phúc Vũ Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Điện thoại: (84-28) 3929 6699 Fax: (84-28) 3929 6688

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	4
DANH MỤC HÌNH.....	5
CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	6
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÂN HÀNG.....	8
I. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	8
1. Giới thiệu chung về Ngân hàng TMCP Nam Á	8
2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	10
3. Quá trình hình thành và phát triển.....	12
4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Ngân hàng Nam Á	16
II. CƠ CẤU TỔ CHỨC NGÂN HÀNG	26
1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng	26
2. Cơ cấu cổ đông, cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Ngân hàng Nam Á	32
III. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY LIÊN QUAN ĐẾN NGÂN HÀNG NAM Á.....	33
1. Công ty mẹ của Ngân hàng Nam Á.....	33
2. Danh sách công ty con của Ngân hàng Nam Á	33
3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết của Ngân hàng Nam Á	34
4. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối Ngân hàng Nam Á	34
IV. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	34
1. Ngành nghề kinh doanh chính.....	34
2. Thị trường hoạt động.....	54
3. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện	59
4. Hoạt động Marketing	60
V. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	62
1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á	62
2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng Nam Á	67
VI. VỊ THẾ CỦA NGÂN HÀNG SO VỚI CÁC NGÂN HÀNG KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH.....	69
1. Vị thế của Ngân hàng Nam Á trong ngành	69
2. Triển vọng phát triển ngành	73
3. Số lượng người lao động.....	77
4. Chính sách đối với người lao động	78
VII. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....	81
VIII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	81
1. Các chỉ tiêu cơ bản	81
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	82
IX. TÀI SẢN	83
X. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM TIẾP THEO.....	88
XI. CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG THỜI GIAN TỚI ...	92
XII. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN.....	94

90
CÔNG
CỔ P
HỨNG
BẢO
T.P

N.03
NG
THƯC
N
QUAN 3

XIII.	CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI NGÂN HÀNG	95
XIV.	QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG.....	95
1.	Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị.....	95
2.	Ban kiểm soát.....	103
3.	Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	108
4.	Định hướng công tác quản trị năm 2020	117

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1:	Ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng TMCP Nam Á	9
Bảng 2:	Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng	10
Bảng 3:	Quá trình tăng vốn của Ngân hàng Nam Á	16
Bảng 4:	Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 31/03/2020.....	32
Bảng 5:	Danh sách cổ đông lớn của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 31/03/2020	32
Bảng 6:	Huy động trong nước và ngoài nước tại Ngân hàng Nam Á.....	36
Bảng 7:	Huy động trong nước và ngoài nước tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	36
Bảng 8:	Hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nam Á	36
Bảng 9:	Hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất).....	37
Bảng 10:	Tiền gửi và tiền vay của các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nam Á	38
Bảng 11:	Tiền gửi và tiền vay của các TCTD tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	39
Bảng 12:	Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo đối tượng khách hàng.....	40
Bảng 13:	Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo đối tượng khách hàng (Hợp nhất)	40
Bảng 14:	Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo kỳ hạn.....	40
Bảng 15:	Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo kỳ hạn (Hợp nhất)	41
Bảng 16:	Dư nợ cho vay của Ngân hàng Nam Á	42
Bảng 17:	Dư nợ cho vay của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất).....	43
Bảng 18:	Chất lượng nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á	43
Bảng 19:	Chất lượng nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất).....	43
Bảng 20:	Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay.....	44
Bảng 21:	Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay (Hợp nhất)	45
Bảng 22:	Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo ngành kinh tế.....	45
Bảng 23:	Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo ngành kinh tế (Hợp nhất)	46
Bảng 24:	Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp.....	48
Bảng 25:	Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất).....	48
Bảng 26:	Hoạt động đầu tư tài chính.....	50
Bảng 27:	Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)	51
Bảng 28:	Hoạt động kinh doanh ngoại hối	51
Bảng 29:	Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất).....	51
Bảng 30:	Hoạt động dịch vụ.....	52
Bảng 31:	Hoạt động dịch vụ (Hợp nhất)	52

Bảng 32: Chỉ số an toàn hoạt động Ngân hàng Nam Á	53
Bảng 34: Danh sách các sản phẩm công nghệ hoặc tài chính năm 2020	59
Bảng 35: Cơ cấu thu nhập của Ngân hàng Nam Á	62
Bảng 36: Cơ cấu thu nhập của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	62
Bảng 37: Cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng Nam Á	64
Bảng 38: Cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	65
Bảng 39: Kết quả kinh doanh của Ngân hàng Nam Á	66
Bảng 40: Kết quả kinh doanh của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	66
Bảng 41: Bảng chỉ tiêu so sánh các ngân hàng	72
Bảng 42: Cơ cấu lao động thời điểm 30/06/2020	77
Bảng 43: Thời gian khấu hao	82
Bảng 44: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	82
Bảng 45: Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 31/12/2019	83
Bảng 46: Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 31/12/2019 (Hợp nhất)	83
Bảng 47: Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 30/06/2020	84
Bảng 48: Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 30/06/2020 (Hợp nhất)	85
Bảng 49: Danh mục bất động sản thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 30/06/2020	85
Bảng 50: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Ngân hàng Nam Á	87
Bảng 51: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)	87
Bảng 52: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 của Ngân hàng Nam Á	88
Bảng 53: Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020	90
Bảng 54: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng	95
Bảng 55: Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng	103
Bảng 56: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng Nam Á	108

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á	27
Hình 2: Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch của Ngân hàng Nam Á	58
Hình 3: Biểu đồ so sánh Lợi nhuận sau thuế của các ngân hàng	73
Hình 4: Tỷ lệ cung tiền trên GDP giai đoạn 2008 – 2019 của Việt Nam	74
Hình 5: Tốc độ tăng trưởng tín dụng so với tốc độ tăng trưởng GDP	76

CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

AMC	: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Nam Á
BCTC	: Báo cáo tài chính
BKS	: Ban Kiểm soát
CMND	: Chứng minh nhân dân
CCCD	: Căn cước công dân
CTCP	: Công ty cổ phần
CP	: Chính phủ
CĐHH	: Cổ đông hiện hữu
DTT	: Doanh thu thuần
ĐKKD/ ĐKDN	: Đăng ký kinh doanh/ Đăng ký doanh nghiệp
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
ĐVT	: Đơn vị tính
HĐQT	: Hội đồng quản trị
GP	: Giấy phép
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
KH	: Khách hàng
KH&ĐT	: Kế hoạch và Đầu tư
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
NHNNVN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Ngân hàng/ Ngân hàng Nam Á/ Nam A Bank	: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
NĐ	: Nghị định
NIM	: Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên
PGD	: Phòng giao dịch
P.	: Phường
PGD	: Phòng Giao dịch
Q.	: Quận
SLCP	: Số lượng cổ phần
SXKD	: Sản xuất kinh doanh

TT	: Thứ tự
TCTD	: Tổ chức tín dụng
TGD	: Tổng Giám đốc
TSCĐ	: Tài sản cố định
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
TMCP	: Thương mại cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TX.	: Thị xã
USD	: Đô la Mỹ
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
VĐL	: Vốn điều lệ
VND/ VNĐ	: Việt Nam đồng
Sở KH&ĐT TP.HCM	: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh



TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÂN HÀNG**I. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN****1. Giới thiệu chung về Ngân hàng TMCP Nam Á**

Tên doanh nghiệp	: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Tên tiếng Anh	: Nam A Commercial Joint Stock Bank
Tên giao dịch	: Ngân hàng Nam Á
Trụ sở chính	: Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, P.4, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (84-28) 3929 6699 Fax: (84-28) 3929 6688
Người đại diện theo pháp luật	: Nguyễn Quốc Toàn – Chủ tịch Hội đồng quản trị
Giấy phép hoạt động	: Số 0026/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992
Giấy phép thành lập	: Số 463/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992
Giấy chứng nhận ĐKKD/ ĐKDN	: Số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 39 vào ngày 02/12/2019
Vốn điều lệ đăng ký	: 3.890.053.280.000 đồng (<i>Ba nghìn tám trăm chín mươi tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng</i>)
Vốn điều lệ thực góp	: 3.890.053.280.000 đồng (<i>Ba nghìn tám trăm chín mươi tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng</i>)
Ngày trở thành công ty đại chúng	: Ngày 29/05/2007
Website	: www.namabank.com.vn
Logo	: NAM A BANK

Ngành nghề kinh doanh

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á được thành lập theo giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP ngày 22/08/1992 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp; Giấy phép thành lập số 463/GP-UB ngày 01/09/1992 do Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 02/12/2019 với các ngành nghề kinh doanh sau:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng TMCP Nam Á

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: - Huy động vốn, ngắn hạn, trung hạn, dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; - Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá; hùn vốn và liên doanh; làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; - Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động vốn từ nước ngoài và dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được ngân hàng nhà nước cho phép; - Thực hiện hoạt động bao thanh toán. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ két, két an toàn; - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; - Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay. Đại lý bảo hiểm. Cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh ngân hàng. Hoạt động mua nợ. Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán trong nước; - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; - Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá trị khác trên thị trường tiền tệ; - Dịch vụ môi giới tiền tệ; - Phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.	6419 (Chính)
2	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh mua, bán vàng miếng.	4773

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á.	6810

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á.
- Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần.
- Mã chứng khoán: NAB.
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 389.005.328 cổ phần (Ba trăm tám mươi chín triệu, không trăm lẻ năm nghìn, ba trăm hai mươi tám cổ phần).
- Tổng số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: 49.302.140 cổ phần (Bốn mươi chín triệu, ba trăm lẻ hai nghìn, một trăm bốn mươi cổ phần), trong đó:
 - o 49.301.126 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng: Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng Nam Á không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
 - o 1.014 cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật số 62/2010/QH12 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán: đây là số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn số trong đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, số cổ phần này được phân phối cho các nhà đầu tư khác theo Nghị quyết HĐQT số 460/2019/NQQT-NHNA ngày 31/10/2019. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành (từ ngày 31/10/2019 đến hết ngày 30/10/2020).

Bảng 2: Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng

TT	Cổ đông	Chức vụ	Số CMND/ Hộ chiếu/ CCCD	Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế chuyển nhượng
1	Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch HĐQT	025469509	19.450.265	Từ ngày 27/03/2014
2	Nguyễn Quốc Mỹ	Phó Chủ tịch HĐQT	052071000067	16.649.584	Từ ngày 01/01/2011

TT	Cổ đông	Chức vụ	Số CMND/ Hộ chiếu/ CCCD	Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế chuyển nhượng
3	Phan Đình Tân	Phó Chủ tịch HĐQT	023169617	11.037.944	Từ ngày 01/01/2011
4	Võ Thị Tuyết Nga	Thành viên HĐQT	021446814	100.567	Từ ngày 26/03/2011
5	Đỗ Anh Thư	Thành viên độc lập HĐQT	024734603	1.931.400	Từ ngày 15/04/2016
6	Triệu Kim Cân	Trưởng BKS	023181101	34.450	Từ ngày 01/01/2011
7	Nguyễn Thùy Vân	Thành viên BKS	022944191	96.494	Từ ngày 17/04/2015
8	Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên BKS	048155000035	422	Từ ngày 15/04/2016
9	Nguyễn Thị Cúc		215096167	1.014	Từ ngày 31/10/2019 đến hết ngày 30/10/2020
Tổng cộng				49.302.140	

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Giới hạn nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo quy định tại: (i) Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam; (ii) Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; (iii) Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, và (iv) Điều lệ tổ chức và hoạt động Ngân hàng. Theo đó, giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- o Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ.
- o Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ, trừ trường hợp nhà đầu tư chiến lược nước ngoài.
- o Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt

quá 20% vốn điều lệ.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ.
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không được vượt quá 30% vốn điều lệ.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của Ngân hàng Nam Á ngày 12/12/2019, Ngân hàng Nam Á không có cổ đông nước ngoài.

3. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Nam Á được thành lập theo giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992 và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0300872315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 01/09/1992.

Những cột mốc phát triển quan trọng:

Năm 1992	Ngân hàng Nam Á được thành lập với số vốn ban đầu 05 tỷ đồng và gần 50 nhân viên.
Năm 1993	Tăng vốn lên 20 tỷ đồng.
Năm 1994	Gia nhập thị trường liên ngân hàng.
Năm 1995	Trở thành thành viên của thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc.
Năm 1996	Ngân hàng Nam Á được cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vàng, tăng vốn lên 29,43 tỷ đồng.
Năm 1999	Gia nhập Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam.
Năm 2000	Tăng vốn lên 49 tỷ đồng. Triển khai hệ thống Western Union.
Năm 2002	Tăng vốn lên 70 tỷ đồng theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước lúc bấy giờ.
Năm 2004	Tăng vốn lên 112,19 tỷ đồng. Đẩy mạnh việc mở rộng mạng lưới hoạt động, tại các tỉnh miền trung. Ngân hàng Nam Á được nhận cúp thương hiệu Vàng và được Ngân hàng Thế giới chọn thực hiện Dự án tài chính nông thôn 2.
Năm 2005	Tăng vốn lên 150 tỷ đồng.
Năm 2006	Tăng vốn lên 550 tỷ đồng. Thành lập Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (AMC).
Năm 2007	Tăng vốn lên 575,92 tỷ đồng.
Năm 2008	Tăng vốn lên 1.252,84 tỷ đồng.
Năm 2010	Tăng vốn lên 2.000 tỷ đồng để đầu tư triển khai phần mềm Corebanking, đáp ứng hiện đại hóa công nghệ thông tin ngân hàng, phát hành thẻ ATM Ngân hàng Nam Á. Triển khai sản phẩm thẻ quốc tế Nam Á MasterCard.

- Năm 2011** Tăng vốn lên 3.000 tỷ đồng.
- Năm 2013** Ngân hàng Nam Á là một trong ba ngân hàng đầu tiên được chứng nhận ISO/IEC 27001:2005 tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý an toàn thông tin (ISMS).
- Chuyển đổi thành công hệ thống nhận diện thương hiệu mới tại một số điểm giao dịch chủ chốt trên toàn hệ thống, đồng thời được sự phê chuẩn của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nam Á cũng đã hoàn tất mở mới 08 điểm giao dịch, trong đó có 05 Chi nhánh và 03 Phòng giao dịch tại 05 tỉnh, thành như Lâm Đồng, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bến Tre, Ninh Thuận,...
- Năm 2015** Tăng vốn lên 3.021 tỷ đồng.
- Các giải thưởng tiêu biểu: Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững; Doanh nghiệp Sao Vàng; Thương hiệu hàng đầu – Top Brands 2015; Danh hiệu V1000 – Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và được Ban tổ chức V100 vinh danh top 50 Doanh nghiệp có thành tựu xuất sắc năm 2011 – 2015.
- Năm 2016 – nay** Định hướng chiến lược phát triển Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2016 – 2020 là chuyển đổi mô hình tổ chức, quản trị điều hành, đưa thương hiệu, văn hóa Ngân hàng Nam Á tiếp tục vươn xa.
- Năm 2018** Tăng vốn điều lệ lên 3.353 tỷ đồng.
- Năm 2019** Tăng vốn điều lệ lên 3.890 tỷ đồng.
- Ngân hàng đầu tiên đạt chuẩn ISO 10002:2018 về hệ thống quản lý chất lượng và sự hài lòng khách hàng do Công ty TNHH Chứng nhận TQCSI Việt Nam thuộc Tổ chức Chứng nhận Quốc tế TQCSI (Australia) trao tặng.
- Được tổ chức Moody's xếp hạng tín nhiệm B2.
- Hoàn thành kế hoạch mở mới 35 Đơn vị Kinh doanh, phủ sóng thương hiệu trên toàn quốc. Đồng thời, Ngân hàng Nam Á được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận mở mới thêm 04 Chi nhánh tại Nghệ An, Bạc Liêu, Đồng Tháp và Bình Thuận.

Sau hơn 28 năm hoạt động, Ngân hàng TMCP Nam Á đã không ngừng lớn mạnh, phát triển mạng lưới rộng khắp cả nước. Ngân hàng Nam Á phấn đấu trở thành một trong các ngân hàng hiện đại của Việt Nam trên cơ sở phát triển nhanh, vững chắc, an toàn, hiệu quả và không ngừng đóng góp cho sự phát triển kinh tế của cộng đồng, xã hội.

Các danh hiệu, thành tích đã đạt được:

- Năm 2005** Bằng khen cán bộ, viên chức Ngân hàng TMCP Nam Á của Thống đốc NHNN.
- Năm 2006** Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam công nhận Nhãn hiệu nổi tiếng tại Việt Nam năm 2006.
- Danh hiệu Nhãn hiệu Cạnh tranh quốc gia năm 2006.

Năm 2007	Giải thưởng Thương mại Dịch vụ năm 2007 của Bộ Công Thương. Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2007. Danh hiệu Nhãn hiệu Cạnh tranh quốc gia năm 2007. Giải thưởng Thương hiệu vàng – Golden Brand Awards năm 2007.
Năm 2008	Danh hiệu Dịch vụ Ngân hàng bán lẻ được hài lòng nhất năm 2008. Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2008. Giải thưởng Thương hiệu vàng – Golden Brand Awards năm 2008.
Năm 2009	Danh hiệu Doanh nghiệp Việt Nam Vàng năm 2009.
Năm 2010	Danh hiệu Nhãn hiệu cạnh tranh năm 2010. Danh hiệu Nhãn hiệu nổi tiếng năm 2010. Danh hiệu Thương hiệu nổi tiếng quốc gia năm 2010. Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2010.
Năm 2011	Bằng khen "Ngân hàng TMCP Nam Á đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ liên tục nhiều năm góp phần tích cực phong trào thi đua của thành phố" do Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.
Năm 2012	Danh hiệu Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam năm 2012.
Năm 2013	Danh hiệu Thương hiệu nổi tiếng Asean – Asean well-known Brand năm 2013. Chứng chỉ đạt tiêu chuẩn: ISO/IEC 27001:2005 năm 2013.
Năm 2014	Top 10 Doanh nghiệp Sao Vàng 2014 do Liên Hiệp Khoa học Doanh nhân Việt Nam chứng nhận. Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững năm 2014 do Phòng Thương mại và Doanh nghiệp Việt Nam chứng nhận.
Năm 2015	Thương hiệu vì Cộng đồng năm 2015 do Tạp chí Thanh tra Chính phủ trao tặng. Thương hiệu hàng đầu Việt Nam – Top Brand năm 2015 do Tổ chức Global Trade Alliance chứng nhận. Doanh nghiệp đạt chuẩn an ninh trật tự năm 2015 do UBND TP. Hồ Chí Minh công nhận. Top 50 Doanh nghiệp đạt thành tựu xuất sắc 2011 – 2015 do Vietnam Report trao tặng. Danh hiệu Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam năm 2015 do Tổng cục Thuế Việt Nam trao tặng.
Năm 2016	Sản phẩm Tiết kiệm Yêu Thương Cho Con đạt Top 100 sản phẩm dịch vụ tốt nhất dành cho gia đình và trẻ em năm 2016. Top 20 Doanh nghiệp tiêu biểu nhất năm 2016.

	Nhận hai giải thưởng quốc tế: Thương hiệu hàng đầu Việt Nam – Top Brands năm 2016 và Doanh nghiệp chất lượng năm 2016 – Qmix100.
Năm 2017	Chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001:2015 từ Tổ chức United Kingdom Accreditation Service. Chứng nhận Dịch vụ Chất lượng cao – QSI: 2017 từ Tổ chức quốc tế InterConformity. Giải thưởng Doanh nghiệp Công hiến năm 2017 do Hội Doanh nhân Tư nhân Việt Nam trao tặng. Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN năm 2017 do Diễn đàn Kinh tế Đối ngoại Thái Lan trao tặng. Chứng nhận Thương hiệu Hải lòng Khách hàng – CSI: 2017. Top 10 Thương hiệu dẫn đầu Việt Nam năm 2017. Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu APEC năm 2017. Thương hiệu gia đình tin dùng năm 2017 với Sản phẩm Tiết kiệm Hưng thịnh. Ngân hàng bán lẻ có dịch vụ tốt nhất Việt Nam năm 2017. CEO Nam A Bank – Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2017. Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017.
Năm 2018	Top 100 doanh nghiệp tiêu biểu Asia năm 2018. Ngân hàng có chính sách chăm sóc khách hàng trung thành tốt nhất Việt Nam năm 2018. Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2018. Top 10 thương hiệu uy tín sản phẩm chất lượng dịch vụ tin dùng năm 2018. Sản phẩm vay siêu tốc lộc phát đạt Top 100 sản phẩm dịch vụ tốt nhất dành cho gia đình và trẻ em năm 2018. Top 10 thương hiệu – Nhãn hiệu nổi tiếng Châu Á – Thái Bình Dương. Chứng nhận chỉ số hài lòng Khách hàng CSI:2018. Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2018.
Năm 2019	5 năm liên tiếp đạt giải thưởng Thương hiệu mạnh do Thời báo kinh tế Việt Nam trao tặng. Top 100 Doanh nghiệp tiêu biểu Asia 2019 do Liên hiệp khoa học doanh nhân Việt Nam trao tặng. Nhận bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vì đã có thành tích xuất sắc, góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng. Đứng thứ 02 về An toàn thông tin theo ICT và VNISA Index.

Ngân hàng chuyển đổi số - Viet Nam Digital Awards 2019.

Ngân hàng tiêu biểu về Tín dụng Xanh.

Happy Lady và Happy Card – Top 20 sản phẩm chất lượng tốt vì quyền lợi người tiêu dùng năm 2019 do Trung tâm Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam chứng nhận.

4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Ngân hàng Nam Á

Bảng 3: Quá trình tăng vốn của Ngân hàng Nam Á

DVT: Tỷ đồng

TT	Thời điểm hoàn thành đợt phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	1992	-	5,00	Thành lập ngân hàng	Giấy phép hoạt động số 0026/NH-GP do NHNNVN cấp ngày 22/08/1992. Giấy đăng ký khi thành lập công ty do Ủy ban Nhân dân TPHCM cấp ngày 01/09/1992. Giấy phép thành lập công ty số 463/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TPHCM cấp ngày 01/09/1992. Biên bản Đại hội đại biểu cổ đông thành lập Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 10/06/1992.
2	1993	15,00	20,00	Chào bán cho CĐHH	Công văn số 76/CV-NH5 của NHNNVN ngày 27/02/1993. Quyết định số 101/QĐ-NH5 của NHNNVN ngày 20/05/1993. Công văn số 631/CV-NH5 của NHNNVN ngày 08/12/1993. Quyết định số 02/QĐ-NH5 của NHNNVN cấp ngày 11/01/1994. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 02 do Ủy ban Nhân dân TPHCM cấp ngày 14/01/1994.
3	1996	6,30	26,30	Chào bán cho CĐHH	Quyết định số 147/QĐ-NH5 của NHNNVN ngày 27/05/1996.

TT	Thời điểm hoàn thành đợt phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					Biên bản Đại hội đồng thường niên lần V năm 1996 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 23/06/1996.
4	1996	3,13	29,43	Chào bán cho CDHH	Quyết định số 162/QĐ-NH5 của NHNNVN ngày 11/06/1996. Biên bản Đại hội đồng thường niên lần V năm 1996 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 23/06/1996. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 03 do Ủy ban Nhân dân TPHCM cấp ngày ngày 22/07/1996.
5	2000	19,57	49,00	Chào bán cho CDHH	Biên bản Đại hội đồng thường niên lần VIII của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 15/04/2000. Phương án tăng vốn điều lệ ngày 15/04/2000. Quyết định số 532/2000/QĐ-NHNN5 của NHNNVN ngày 29/12/2000. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 05 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 19/01/2001.
6	2002	8,57	57,57	Chào bán cho CDHH	Công văn số 105/NHTP.02 của NHNNVN CN. TPHCM ngày 25/01/2002. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 06 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 31/01/2002. Biên bản Đại hội đồng thường niên lần X của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 02/03/2002. Phương án tăng vốn điều lệ ngày 29/03/2001.
7	2002	12,43	70,00	Chào bán	Biên bản Đại hội đồng thường

TT	Thời điểm hoàn thành đợt phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				cho CĐHH	niên lần X của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 02/03/2002. Phương án tăng vốn điều lệ ngày 29/03/2001. Báo cáo số 33/QT-2002 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 10/06/2002 gửi Giám đốc NHNN CN.TPHCM Công văn số 676/NHTP.2002 của NHNNVN CN. TPHCM ngày 12/06/2002. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 07 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 03/07/2002.
8	2004	30,21	100,21	Chào bán cho CĐHH	Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 12 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 17/04/2004. Phương án tăng vốn điều lệ ngày 30/09/2004. Công văn số 1664/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN.TPHCM ngày 12/10/2004. Quyết định số 259/2004/QĐQT-NHNA của HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 01/12/2004. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 10 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 10/12/2004. Báo cáo số 270/2004/BC.QT-NHNA của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 13/12/2004 gửi NHNNVN.
9	2004	11,97	112,19	Chào bán cho CĐHH	Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 12 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 17/04/2004. Phương án tăng vốn điều lệ ngày 30/09/2004.

TT	Thời điểm hoàn thành đợt phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					Công văn số 1664/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN.TPHCM ngày 12/10/2004. Quyết định số 277/2004/QĐQT-NHNA của HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 29/12/2004. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 11 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 30/12/2004. Báo cáo số 282/2004/BC.QT-NHNA của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 31/12/2004 gửi NHNNVN.
10	2005	37,81	150,00	Chào bán cho CĐHH	Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 13 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 19/03/2005. Phương án tăng vốn điều lệ từ 112,188 tỷ lên 200 tỷ trong năm tài chính 2005 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 04/03/2005. Công văn số 2237/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN.TPHCM ngày 08/11/2005. Quyết định số 262/2005/QĐQT-NHNA của HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 29/11/2005. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 13 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 01/12/2005.
11	2006	33,34	183,34	Chào bán cho CĐHH	Công văn số 603/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN.TP HCM ngày 18/05/2006. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 14 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 08/03/2006. Phương án tăng vốn điều lệ

TT	Thời điểm hoàn thành đợt phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					năm 2006 ngày 16/02/2006. Quyết định số 133/2006/QĐQT-NHNA của HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 01/06/2006. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 14 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 08/06/2006. Báo cáo số 146/2006/BCQT-NHNA của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 19/06/2006 gửi NHNNVN.
12	2006	175,34	358,68	Chào bán cho CĐHH	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 10/7/2006. Công văn số 991/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN. TP HCM ngày 31/07/2006. Quyết định số 181/2006/QĐQT-NHNA của HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 15/08/2006. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 15 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 21/08/2006. Báo cáo số 187/2006/BCQT-NHNA của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 28/08/2006 gửi NHNNVN.
13	2006	27,39	386,07	Chào bán cho CĐHH	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 10/7/2006. Công văn số 1400/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN. TPHCM ngày 11/10/2006. Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 305/2006/QĐQT-

TT	Thời điểm hoàn thành đợt phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					NHNA ngày 16/11/2006. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 17 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 23/11/2006.
14	2006	163,93	550,00	Chào bán cho CĐHH	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Ngân hàng TMCP Nam Á 10/7/2006. Công văn số 1400/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN. TPHCM ngày 11/10/2006. Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 342/2006/QĐQT-NHNA ngày 26/12/2006. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 18 của Sở KH&ĐT TP.HCM ngày 28/12/2006. Báo cáo số 03/2007/BCQT-NHNA của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 02/01/2007 gửi NHNNVN.
15	2007	25,92	575,92	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2006 cho CĐHH	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 15 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 26/01/2007 Phương án tăng vốn điều lệ năm 2007 số 35/2007/HĐQT-NHNA ngày 30/01/2007. Công văn số 194/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN. TPHCM ngày 08/02/2007. Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 55/2007/QĐQT-NHNA ngày 22/02/2007. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 19 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 02/03/2007.
16	2008	580,45	1.156,37	Chào bán cho	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ V (2007-2011)

TT	Thời điểm hoàn thành đợt phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
				CĐHH, CBNV	của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 10/07/2007. Phương án tăng vốn điều lệ năm 2007 số 183/2007/PAQT-NHNA ngày 21/06/2007. Công văn số 1518/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN. TPHCM ngày 10/10/2007. Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 251/UBCK-GCN của Bộ Tài chính UBCKNN ngày 14/12/2007. Công văn số 1910/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN. TPHCM ngày 21/12/2007. Quyết định số 40/2008/QĐQT-NHNA của ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 28/01/2008. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 21 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 30/01/2008.
17	2008	96,46	1.252,84	Chào bán cho CĐHH, CBNV	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ V (2007-2011) của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 10/07/2007. Công văn số 1518/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN. TPHCM ngày 10/10/2007. Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 251/UBCK-GCN của Bộ Tài chính UBCKNN ngày 14/12/2007. Công văn số 1910/NHNN-HCM.02 của NHNNVN CN. TPHCM ngày 21/12/2007. Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 17/03/2008 gửi UBCKNN. Quyết định số 141/2008/QĐQT-NHNA của

TT	Thời điểm hoàn thành đợt phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
18	2010	747,16	2.000,00	Chào bán cho CĐHH	ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 18/03/2008. Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 thay đổi lần 22 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 27/03/2008. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 17 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 21/01/2009. Phương án phát hành và sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng (Đợt tăng vốn từ 1.253 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng) số 133/2010/PAQT-NHNA ngày 28/03/2010. Nghị quyết số 536/2009/NQQT-NHNA của HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 09/11/2009. Công văn số 526/NHNN-HCM.08 của NHNNVN CN. TPHCM ngày 31/03/2010. Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 550/UBCK-GCN của Bộ Tài chính UBCKNN ngày 16/04/2010. Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300872315 thay đổi lần 24 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 24/06/2010.
19	2011	1.000,00	3.000,00	Chào bán cho CĐHH, CBNV, đổi tác chiến lược và chào bán ra công chúng cho nhà đầu tư bên ngoài	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 18 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 15/03/2010. Phương án phát hành và sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2010 số 231/2010/PAQT-NHNA ngày 09/06/2010. Công văn số 6464/NHNN-TTGSNH của NHNNVN ngày

TT	Thời điểm hoàn thành đợt phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					25/08/2010. Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 730/UBCK-GCN của UBCKNN ngày 12/11/2010. Quyết định số 06/2011/QĐQT-NHNA của ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 05/01/2011. Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 18/01/2011 gửi UBCKNN. Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300872315 thay đổi lần 25 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 20/01/2011. Quyết định số 1061/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22/05/2012.
20	2015	21,16	3.021,16	Chào bán cho CDHH	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 22 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 27/03/2014. Phương án chào bán và sử dụng vốn đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2014 số 548/2014/PAQT-NHNA ngày 28/08/2014. Phương án chào bán và sử dụng vốn đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2014 số 748/2014/PAQT-NHNA ngày 25/11/2014. Nghị quyết số 546/2014/NQQT-NHNA của HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 28/08/2014. Nghị quyết số 590/2014/NQĐHĐCĐT-NHNA của ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 17/09/2014. Công văn số 63/NHNN-

TT	Thời điểm hoàn thành đợt phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					TTGSNH của NHNNVN ngày 06/01/2015. Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 15/GCN-UBCK của Bộ Tài chính UBCKNN ngày 08/04/2015. Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 30/07/2015 gửi UBCKNN. Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300872315 thay đổi lần 35 của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 15/08/2015. Quyết định số 114/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 23/01/2017.
21	2018	332,33	3.353,49	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho CDHH	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 28/04/2018. Phương án tăng vốn điều lệ năm 2018 số 182/2018/PAQT-NHNA ngày 11/04/2018. Nghị quyết số 255/2018/NQQT-NHNA của HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 25/05/2018. Công văn số 6066/NHNN-TTGSNH của NHNNVN ngày 10/08/2018. Văn bản số 5424/ UBCK-QLCB của Bộ Tài chính UBCKNN ngày 27/08/2018. Báo cáo số 390/2018/BCQT-NHNA về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 17/09/2018 gửi UBCKNN. Quyết định số 2016/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 16/10/2018. Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300872315 thay đổi lần 38

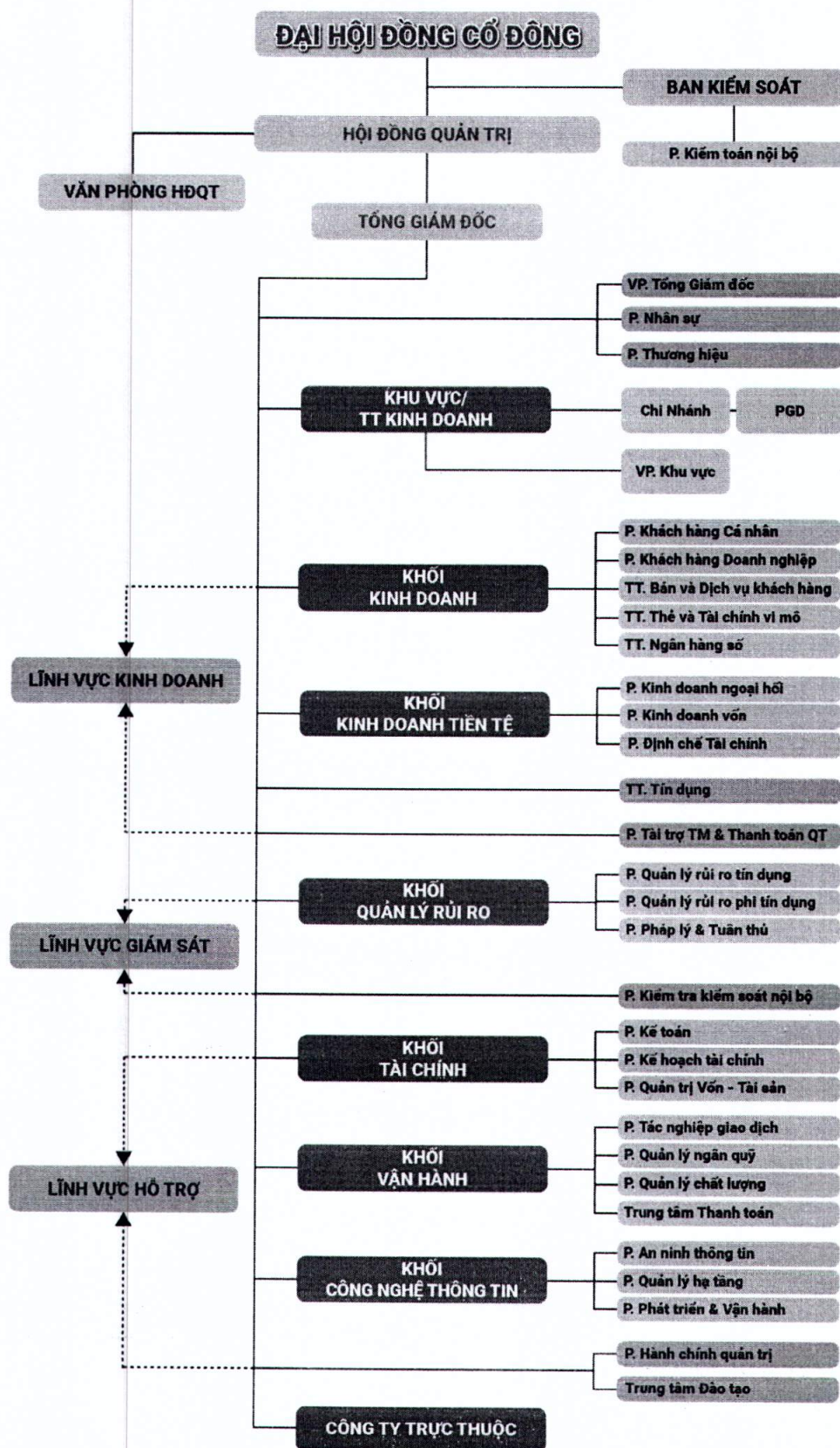
TT	Thời điểm hoàn thành đợt phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					của Sở KH&ĐT TPHCM ngày 22/10/2018.
22	2019	536,56	3.890,05	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho CĐHH	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 23/03/2019. Phương án tăng vốn điều lệ năm 2019 số 73/2019/PAQT-NHNA ngày 05/03/2019. Nghị quyết số 143/2019/NQQT-NHNA của HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 01/04/2019. Công văn số 7430/NHNN-TTGSNH của NHNNVN ngày 20/09/2019. Văn bản số 6282/UBCK-QLCB của Bộ Tài chính UBCKNN ngày 17/10/2019. Báo cáo số 461/2019/BCQT-NHNA về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 01/11/2019 gửi UBCKNN. Giấy chứng nhận ĐKDN số 0300872315 thay đổi lần 39 của Sở KH&ĐT TP.HCM ngày 02/12/2019. Quyết định số 2623/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 25/12/2019.

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

II. CƠ CẤU TỔ CHỨC NGÂN HÀNG

1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Ngân hàng

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á



Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Cơ cấu quản lý của Ngân hàng TMCP Nam Á thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và các quy định có liên quan về cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng Nam Á, có quyền thông qua quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển và kế hoạch phát triển hàng năm của Ngân hàng; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; và các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

❖ **Hội đồng quản trị**

Do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Cơ quan giúp việc cho HĐQT là Văn phòng HĐQT.

HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ngân hàng thông qua Tổng Giám đốc.

❖ **Ban kiểm soát:**

Do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng Nam Á nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng Nam Á. Giúp việc cho Ban kiểm soát có Phòng kiểm toán nội bộ. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện theo Quy chế riêng của Ngân hàng Nam Á.

❖ **Tổng Giám đốc**

Là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng Nam Á, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Giám đốc Khu vực, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

❖ **Phó Tổng Giám đốc**

Là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng Nam Á theo sự phân công của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.

❖ **Giám đốc Khối**

Là người được Tổng Giám đốc phân công để hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc quản lý, điều hành một số hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của Ngân hàng Nam Á, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc về nhiệm vụ được phân công.

❖ Giám đốc Khu vực

Là người được Tổng Giám đốc phân công để hỗ trợ Phó Tổng Giám đốc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc về nhiệm vụ được phân công.

❖ Kế toán trưởng

Giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng Nam Á, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng Nam Á.

❖ Bộ máy chuyên môn nghiệp vụ

Có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành công việc. Chia làm 03 lĩnh vực chính:

Lĩnh vực kinh doanh**Khối Kinh doanh**

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Thực hiện nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược về thị trường và khách hàng cho Ngân hàng; Xây dựng hệ thống các công cụ, chính sách và văn bản hướng dẫn (sản phẩm, giá, kênh phân phối, chương trình quảng bá và thúc đẩy bán hàng) để triển khai chiến lược về thị trường và khách hàng đã được phê duyệt; Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện, giám sát và báo cáo tình hình thực hiện hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống; Quản lý hoạt động chăm sóc khách hàng; Tổ chức quản lý công tác thúc đẩy bán hàng trên toàn hệ thống (xây dựng và đào tạo quy trình bán hàng, văn hóa bán hàng, đánh giá hiệu suất bán hàng của đội ngũ bán hàng); Tổ chức hoạt động bán hàng qua các kênh: bán hàng qua điện thoại (Telesales), bán hàng trực tiếp (Direct sales), bán hàng thông qua đội ngũ cộng tác viên; Thiết lập, duy trì và phát triển mối quan hệ với các đối tác liên kết nhằm hỗ trợ cho hoạt động bán hàng; Quản lý về hạ tầng và vận hành về dịch vụ thẻ (hệ thống core thẻ, ATM, POS,...), tổ chức kinh doanh sản phẩm thẻ trên toàn hệ thống; Nghiên cứu, xây dựng triển khai mô hình kinh doanh các sản phẩm tài chính vi mô; Triển khai ngân hàng số và các sản phẩm ngân hàng số để đưa ra thị trường. Phát triển hệ khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng số; Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối.
- Các đơn vị thuộc Khối Kinh doanh:
 - Phòng Khách hàng cá nhân;
 - Phòng Khách hàng doanh nghiệp;
 - Trung tâm Bán và dịch vụ khách hàng;
 - Trung tâm Thẻ và tài chính vi mô;
 - Trung tâm Ngân hàng số.

Khối Kinh doanh tiền tệ

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Trực tiếp tổ chức và quản lý các hoạt động kinh doanh về

ngoại hối, vốn, chứng khoán và các sản phẩm phái sinh trên toàn hệ thống; Hỗ trợ quản lý điều hành thanh khoản trên toàn hệ thống; Thiết lập duy trì, khai thác và phát triển quan hệ hợp tác với các định chế tài chính trong và ngoài nước; Đầu mối thực hiện quản lý các hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của công ty con, công ty liên kết; Thực hiện các dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư cho khách hàng; Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối.

- Các phòng ban chức năng thuộc Khối Kinh doanh tiền tệ:
 - o Phòng Kinh doanh ngoại hối;
 - o Phòng Kinh doanh vốn;
 - o Phòng Định chế Tài chính.

Lĩnh vực giám sát

Khối Quản lý rủi ro

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Hoạch định chính sách, khẩu vị rủi ro và khung quản trị rủi ro cho ngân hàng trong từng thời kỳ; Nhận diện, đo lường, cảnh báo, giám sát và xử lý các rủi ro cho Ngân hàng Nam Á, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản và rủi ro pháp lý; Xây dựng, quản lý, giám sát và báo cáo các chỉ số an toàn trong hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nam Á; Đảm bảo công tác tổ chức, kinh doanh của ngân hàng tuân thủ quy định pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng Nam Á; Công tác Phòng, chống rửa tiền và giám sát tuân thủ Đạo Luật tuân thủ thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của Hoa kỳ (FATCA); Quản lý nợ và tham mưu công tác xử lý nợ; Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối.
- Các đơn vị thuộc Khối quản lý rủi ro:
 - o Phòng Quản lý rủi ro tín dụng;
 - o Phòng Quản lý rủi ro phi tín dụng;
 - o Phòng Pháp lý và tuân thủ.

Lĩnh vực hỗ trợ

Khối Tài chính

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Hoạch định chiến lược, kế hoạch tài chính trên toàn hệ thống; Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hệ thống chế độ tài chính, chế độ kế toán; Quản trị tài sản và nguồn vốn; Quản trị thanh khoản và tỷ lệ khả năng chi trả của Ngân hàng Nam Á; Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối.
- Các phòng ban chức năng thuộc Khối Tài chính:
 - o Phòng Kế toán;

- Phòng Kế hoạch tài chính;
- Phòng Quản trị vốn – tài sản.

Khối Vận hành

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Hoạch định chất lượng liên quan đến hoạt động tác nghiệp, vận hành và quản trị chất lượng dịch vụ; Tổ chức, quản lý, thực hiện và giám sát các nghiệp vụ liên quan đến kho quỹ và giao dịch tại quầy, giao dịch vốn và kinh doanh tiền tệ; Quản lý và hỗ trợ hoạt động tác nghiệp tín dụng tại các đơn vị kinh doanh; Tổ chức, quản lý, thực hiện và giám sát các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động thanh toán tập trung trên toàn hệ thống; Tổ chức, quản lý, thực hiện, giám sát và cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ; Quy hoạch và quản lý hệ thống văn bản lập quy của Ngân hàng Nam Á theo đúng quy chuẩn ISO; Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối.
- Các phòng ban chức năng thuộc Khối Vận hành:
 - Phòng Tác nghiệp giao dịch;
 - Phòng Quản lý ngân quỹ;
 - Phòng Quản lý chất lượng;
 - Trung tâm thanh toán.

Khối Công nghệ thông tin

- Chức năng, nhiệm vụ chính: Xây dựng các chiến lược, kế hoạch phát triển công nghệ thông tin; Tổ chức thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển công nghệ thông tin đã được phê duyệt thông qua các hoạt động đầu tư, phát triển, đào tạo, hỗ trợ, bảo trì và vận hành nhằm hỗ trợ công tác kinh doanh và quản trị điều hành; Tổ chức giám sát công tác vận hành hệ thống công nghệ thông tin hiệu quả, an toàn nhằm đảm bảo tính sẵn sàng, toàn vẹn, bảo mật của hệ thống; Phân tích, rà soát, đánh giá, báo cáo thực trạng hệ thống công nghệ thông tin và đề xuất các giải pháp nâng cấp và mở rộng hệ thống công nghệ thông tin; Đầu mối nghiên cứu, tham mưu áp dụng công nghệ số hiện đại vào hoạt động và dịch vụ ngân hàng; Đầu mối tiếp nhận chuyển giao công nghệ; Xây dựng hệ thống văn bản lập quy, đào tạo, hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị khác trong hệ thống đối với các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của Khối.
- Các phòng ban chức năng thuộc Khối công nghệ thông tin:
 - Phòng An ninh thông tin;
 - Phòng Quản lý hạ tầng;
 - Phòng Phát triển và vận hành.

Các Phòng/Ban, Trung tâm chức năng không thuộc Khối:

- Văn phòng Hội đồng quản trị;
- Văn phòng Tổng Giám đốc;

- Phòng Nhân sự;
- Phòng Thương hiệu;
- Trung tâm tín dụng (thuộc Lĩnh vực Kinh doanh);
- Phòng Tài trợ thương mại và Thanh toán quốc tế (thuộc Lĩnh vực Kinh doanh);
- Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ (thuộc Lĩnh vực Giám sát);
- Phòng Hành chính quản trị (thuộc Lĩnh vực Hỗ trợ);
- Trung tâm đào tạo (thuộc Lĩnh vực Hỗ trợ).

2. Cơ cấu cổ đông, cổ đông sáng lập và danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Ngân hàng Nam Á

2.1 Cơ cấu cổ đông

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 31/03/2020

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp
I	Cổ đông trong nước	2.143	389.005.328	100%
1	Tổ chức	09	126.616.357	32,55%
2	Cá nhân	2.134	262.388.971	67,45%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	2.143	389.005.328	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 31/03/2020 của Ngân hàng Nam Á

2.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Ngân hàng Nam Á

Bảng 5: Danh sách cổ đông lớn của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 31/03/2020

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp
1	Công Ty TNHH Ròng Thái Bình Dương	600 Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	55.066.092	14,16%
2	Nguyễn Quốc Toàn	830/12 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, H. Nhà Bè,	19.450.265	5,00%

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL thực góp
		TP. Hồ Chí Minh		
	Tổng cộng		74.516.357	19,16%

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 31/03/2020 của Ngân hàng Nam Á

2.3 Cổ đông sáng lập

Ngân hàng Nam Á được thành lập và hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ năm 1992, do đó, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện tại, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu phổ thông đối với cổ đông sáng lập đã không còn hiệu lực.

III. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY LIÊN QUAN ĐẾN NGÂN HÀNG NAM Á

1. Công ty mẹ của Ngân hàng Nam Á

Không có.

2. Danh sách công ty con của Ngân hàng Nam Á

- Tên Công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á (AMC – Nam A Bank).
- Trụ sở chính: SR18 – SR19 Trung tâm thương mại Quy Nhơn, 07 Nguyễn Tất Thành, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (84.28) 3821 2875
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304691951 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 05/05/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp có vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp tính đến ngày 30/06/2020: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng). Trong đó, Ngân hàng Nam Á sở hữu 100% phần vốn góp và quyền biểu quyết.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
 - Xử lý tài sản đảm bảo nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ.
 - Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng (bao gồm: nợ có tài sản đảm bảo và nợ không có tài sản đảm bảo) và tài sản đảm bảo nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.
 - Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng Nam Á theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn

động) theo hình thức tự bán công khai trên thị trường, bán qua Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, bán lại cho Công ty mua bán nợ Nhà nước (khi được thành lập).

- Mua bán nợ tồn đọng của các tổ chức tín dụng khác, của công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động khác theo ủy quyền của Ngân hàng Nam Á.
- Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi thành vốn góp; xử lý tài sản nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn liên doanh bằng các tài sản thu hồi nợ.
- Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, gồm: mua nợ, bán nợ, môi giới mua bán nợ, tư vấn mua bán nợ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản; Môi giới bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.
- Tư vấn đầu tư.
- Dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ.
- Giám sát các công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng.

3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết của Ngân hàng Nam Á

Không có.

4. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối Ngân hàng Nam Á

Không có.

IV. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động với vai trò của ngân hàng bán lẻ, sản phẩm và dịch vụ chính của Ngân hàng Nam Á được thiết kế và cung ứng phù hợp với nhu cầu của khách hàng cá nhân cũng như doanh nghiệp. Nhìn tổng thể, Ngân hàng Nam Á hiện đang hoạt động với 03 mảng chính: *Huy động vốn, Sử dụng vốn và Hoạt động thanh toán.*

1.1 Sản phẩm, dịch vụ chính

a. Sản phẩm dành cho khách hàng cá nhân

- Sản phẩm tiền gửi bao gồm: Tiền gửi thanh toán; Tiền gửi ký quỹ; Tiền gửi có kỳ hạn; Tiền gửi vốn chuyên dùng.
- Sản phẩm tiết kiệm bao gồm: Gói tiết kiệm lợi ích nhân đôi; Tiết kiệm trực tuyến; Tiết kiệm Hưng Thịnh; Tiết kiệm trả lãi ngay; Tiết kiệm thông thường; Gói sản phẩm Happy Lady.

- Giấy tờ có giá: Chứng chỉ tiền gửi ghi danh trung và dài hạn.
- Sản phẩm tín dụng bao gồm: Vay kinh doanh tự do; Vay kinh doanh; Vay góp chợ; An gia lập nghiệp; Sản phẩm vay tiêu dùng; Vay tiêu dùng tín chấp; Vay siêu tốc lộc phát; Gói sản phẩm hỗ trợ du học; Vay phát triển nông nghiệp, nông thôn; Vay mua đất/ nhà để ở; Vay phục vụ mục đích xây dựng, sửa chữa nhà; Vay mua xe ô tô dành cho khách hàng cá nhân; Vay cầm cố sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá; Tín chấp siêu linh hoạt.
- Sản phẩm thẻ: Thẻ tín dụng; Thẻ ghi nợ; Thẻ trả trước; Thẻ liên kết – đồng thương hiệu; Thẻ Priority Pass, Thẻ JCB,...
- Dịch vụ chuyển, nhận tiền: Nhận chuyển tiền trong và ngoài nước; Chuyển tiền nhanh Western Union; Nhận tiền từ nước ngoài chuyển về.
- Ngân hàng điện tử: Chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7; Dịch vụ SMS, Internet banking, Mobile banking; Dịch vụ mua mã thẻ; Dịch vụ thu ngân sách Nhà nước và nộp thuế điện tử; Chăm sóc khách hàng; Tiết kiệm trực tuyến; Nạp tiền điện thoại – Topup; Dịch vụ thanh toán hóa đơn; Dịch vụ thanh toán trực tuyến; Ví điện tử AirPay; Ngân hàng Nam Á Mobile BankPlus.

b. Sản phẩm cho khách hàng doanh nghiệp

- Sản phẩm tiền gửi: Tiền gửi thanh toán; Tiền gửi có kỳ hạn; Tiền gửi ký quỹ; Tiền gửi có kỳ hạn theo ngày; Tiền gửi vốn chuyên dùng; Chứng chỉ tiền gửi.
- Tín dụng doanh nghiệp: Cho vay bổ sung vốn kinh doanh (vốn lưu động/ đầu tư tài sản cố định/ đầu tư dự án); Tài trợ xuất nhập khẩu; Tài trợ đại lý xe ô tô; Tài trợ theo Dự án JICA, Tài trợ kinh doanh xăng dầu; Cho vay hỗ trợ vốn kinh doanh doanh nghiệp nhỏ và vừa – SMEs.
- Bảo lãnh: Các loại hình bảo lãnh ngân hàng (Bảo lãnh dự thầu/ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng/ Bảo lãnh thanh toán/ Bảo lãnh bảo hành/ Bảo lãnh chủ đầu tư dự án bất động sản để bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai/...); Bảo lãnh dự thầu không bảo đảm bằng tài sản.
- Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại: Chuyển tiền quốc tế; Thư tín dụng trả chậm thanh toán trả ngay – UPAS L/C; Thư tín dụng nhập khẩu/ xuất khẩu; Nhờ thu nhập khẩu/ xuất khẩu; Bảo lãnh quốc tế.
- Ngân hàng điện tử: Dịch vụ nộp thuế điện tử và thanh toán hóa đơn qua kênh ngân hàng điện tử; Internet Banking/ Open Banking; Dịch vụ SMS Banking; Dịch vụ Mobile Banking.
- Dịch vụ khác: Quản lý tiền mặt; Dịch vụ thu – chi hộ; Dịch vụ thu hộ tiền điện; Dịch vụ chi lương; Dịch vụ thanh toán hóa đơn; Dịch vụ thu ngân sách Nhà nước.

1.2 Hoạt động huy động vốn

Tương tự như các ngân hàng thương mại tại Việt Nam khác, huy động vốn là hoạt động truyền thống của Ngân hàng Nam Á. Giai đoạn từ sau năm 2015 đến nay, nguồn vốn huy động của Ngân hàng Nam Á có sự tăng trưởng khá ấn tượng. Năm 2018, số dư huy động

đạt 69.226 tỷ đồng, tăng 39,25% so với thời điểm cuối năm 2017. Tới 31/12/2019, số dư huy động vốn của Ngân hàng Nam Á đạt gần 87.594 tỷ đồng, tăng 26,53% so với cùng kỳ năm ngoái và qua đó hoàn thành 104,38% kế hoạch huy động vốn của cả năm 2019. Tới 30/06/2020, số dư huy động vốn của Ngân hàng Nam Á đạt 98.225 tỷ đồng, tăng 27,78% so với cùng kỳ năm ngoái. Với hệ thống mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng, lãi suất huy động được điều chỉnh hợp lý, kịp thời và phong cách phục vụ chuyên nghiệp, tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động kể từ năm 2015 đến nay của Ngân hàng là rất khả quan.

Bảng 6: Huy động trong nước và ngoài nước tại Ngân hàng Nam Á

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Trong nước	69.175.657	99,83%	86.898.585	99,21%	98.107.083	99,86%
Ngoài nước	116.750	0,17%	695.400	0,79%	139.320	0,14%
Tổng huy động	69.292.407	100%	87.593.985	100%	98.246.403	100%

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Bảng 7: Huy động trong nước và ngoài nước tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Trong nước	69.109.062	99,83%	86.898.284	99,21%	98.085.999	99,86%
Ngoài nước	116.750	0,17%	695.400	0,79%	139.320	0,14%
Tổng huy động	69.225.812	100%	87.593.684	100%	98.225.319	100%

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Ngân hàng Nam Á chủ yếu huy động vốn từ các nguồn trong nước. Tại ngày 31/12/2018, số dư huy động trong nước của Ngân hàng Nam Á là 69.109 tỷ đồng, chiếm đến 99,83% tổng nguồn vốn huy động. Đến ngày 31/12/2019, số dư này đạt 86.898 tỷ đồng, tăng trưởng 25,74% so với cùng kỳ năm ngoái và chiếm 99,21% tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng Nam Á. Tại 30/06/2020, số dư huy động trong nước của Ngân hàng Nam Á đạt 98.086 tỷ đồng, chiếm 99,86% tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng Nam Á.

Bảng 8: Hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nam Á

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vay NHNN	1.770	0,003%	1.512	0,002%	1.383	0,001%

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi và tiền vay các TCTD khác	12.302.162	17,75%	11.720.897	13,38%	9.819.955	10,00%
Tiền gửi của khách hàng	54.254.038	78,30%	70.744.734	80,76%	83.088.812	84,57%
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	4.718	0,01%	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	128.714	0,19%	710.001	0,81%	151.410	0,15%
Phát hành giấy tờ có giá	2.605.723	3,76%	4.412.123	5,04%	5.184.843	5,28%
Tổng huy động	69.292.407	100%	87.593.985	100%	98.246.403	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 9: Hoạt động huy động vốn tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vay NHNN	1.770	0,003%	1.512	0,002%	1.383	0,001%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	12.302.498	17,77%	11.721.118	13,38%	9.820.118	10,00%
Tiền gửi của khách hàng	54.187.107	78,28%	70.744.212	80,76%	83.067.565	84,57%
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	4.718	0,01%	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	128.714	0,19%	710.001	0,81%	151.410	0,15%
Phát hành giấy tờ có giá	2.605.723	3,76%	4.412.123	5,04%	5.184.843	5,28%
Tổng huy động	69.225.812	100%	87.593.684	100%	98.225.319	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Trong đó:

(i) Tiền vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tại thời điểm 31/12/2018, các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước giảm mạnh hơn 321 tỷ đồng so với năm 2017 đạt 1,7 tỷ đồng. Đến 31/12/2019, khoản nợ này tiếp tục giảm và còn hơn 1,5 tỷ đồng, chiếm chưa đến 0,002% tổng nguồn vốn huy động. Tại thời điểm 30/06/2020, số dư khoản nợ này là 1,4 tỷ đồng.

(ii) Tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác

Về tiền gửi và vay của các TCTD khác, số dư tại 31/12/2018 tăng mạnh 61,34% so với cuối năm 2017 lên 12.302 tỷ đồng, chiếm 17,77% tổng nguồn vốn huy động trong kỳ của Ngân hàng Nam Á. Tới thời điểm 31/12/2019, số dư này giảm nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái đạt 11.721 tỷ đồng, tỷ trọng trong tổng nguồn vốn huy động cũng giảm còn 13,38%. Tại thời điểm 30/06/2020, số dư này đạt 9.820 tỷ đồng, giảm 8,42% so với cùng kỳ năm ngoái, tỷ trọng trong tổng nguồn vốn huy động là 10,00%, giảm so với con số 13,95% tại thời điểm 30/06/2019.

Số dư tiền gửi của các TCTD tại 31/12/2019 đạt 11.244 tỷ đồng, tăng nhẹ so với thời điểm cùng kỳ năm trước, trong đó tiền gửi bằng VND là 10.503 tỷ đồng còn lại 742 tỷ đồng là tiền gửi bằng ngoại tệ (USD), trong đó cơ cấu số dư theo kỳ hạn có sự dịch chuyển theo hướng số dư tiền gửi không kỳ hạn tăng lên, đạt 7.863 tỷ đồng và số tiền gửi có kỳ hạn giảm xuống, còn 2.640 tỷ đồng. Tại thời điểm 30/06/2020, số dư tiền gửi này đạt 9.327 tỷ đồng.

Số dư tiền vay của các TCTD tại thời điểm 31/12/2019, 31/12/2018 và 31/12/2017 lần lượt là 477 tỷ đồng, 1.503 tỷ đồng và 845 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng vốn huy động của Ngân hàng Nam Á và đa phần là vay bằng tiền VND. Đến 30/06/2020, số dư tiền vay các tổ chức tín dụng khác đạt hơn 493 tỷ đồng.

Bảng 10: Tiền gửi và tiền vay của các tổ chức tín dụng tại Ngân hàng Nam Á

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Tiền gửi của các TCTD khác	10.799.106	11.244.350	9.326.904
Bằng VND	9.141.256	10.502.590	8.583.864
Bằng USD	1.657.850	741.760	743.040
Tiền vay của các TCTD khác	1.503.056	476.547	493.051
Bằng VND	1.502.917	476.425	492.929
Bằng USD	139	122	122
Tổng cộng	12.302.162	11.720.897	9.819.955

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 11: Tiền gửi và tiền vay của các TCTD tại Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020
Tiền gửi của các TCTD khác	10.799.106	11.244.350	9.326.904
Bằng VND	9.141.256	10.502.590	8.583.864
Bằng USD	1.657.850	741.760	743.040
Vay các TCTD khác	1.503.392	476.768	493.214
Bằng VND	1.503.253	476.646	493.092
Bằng USD	139	122	122
Tổng cộng	12.302.498	11.721.118	9.820.118

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

(iii) Tiền gửi của khách hàng

Ngân hàng Nam Á huy động vốn từ các tổ chức kinh tế và cá nhân thông qua nhiều kênh khác nhau. Các hình thức huy động vốn cũng đa dạng, linh hoạt nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu gửi tiền của khách hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nam Á cũng rất chú trọng đến việc quảng cáo và xúc tiến trong hoạt động thu hút tiền gửi, có thể kể đến như: “Sinh nhật xanh cùng Nam A Bank”, “Cùng Nam A Bank đón xuân tài lộc”, “Đặt vé máy bay – Vi vu thế giới”, “Gửi tiền – Trúng lớn cùng Nam A Bank”, “Vui hè cùng bé”, “Gửi tiền trực tuyến – Trúng ngay MacBook”, “Nâng bước đến trường – Thắp sáng tương lai”,... Những chương trình này đã mang lại kết quả rất khả quan trong việc huy động nguồn vốn nhân rộng từ dân cư, đóng góp đáng kể vào kết quả huy động vốn trong thời gian vừa qua của Ngân hàng.

Nam A Bank là một trong những ngân hàng cổ phần có quy mô trung bình nhưng được ghi nhận tốc độ tăng trưởng huy động tiền gửi nhanh nhất hệ thống. Tại thời điểm 31/12/2018 tổng nguồn vốn huy động trong dân cư của Ngân hàng Nam Á đạt 54.187 tỷ đồng, tăng 35,94% so với năm 2017 và chiếm 78,28% tổng nguồn vốn huy động, và đến thời điểm 31/12/2019 tổng nguồn vốn huy động này đạt 70.744 tỷ đồng, tăng 30,56% so với năm 2018 và chiếm 80,76% tổng nguồn vốn huy động. Tỷ trọng số dư tiền gửi của khách hàng trên tổng nguồn vốn huy động tính đến thời điểm 30/06/2020 là 84,57%, tương ứng với số dư 83.068 tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức cao 32,02% so với thời điểm cùng kỳ năm 2019.

Về đối tượng

Trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng từ năm 2018 đến nay, các đối tượng huy động chính tại Ngân hàng là nhóm khách hàng cá nhân, chiếm 81,25% tại thời điểm 31/12/2018, tăng nhẹ lên mức 83,77% tại thời điểm 31/12/2019 và đạt 84,45% tại thời điểm 30/06/2020; tỷ trọng tiền gửi của nhóm khách hàng doanh nghiệp cũng không biến động nhiều trong những năm gần đây, đạt 15,21% tại 31/12/2018 và 12,83% tại 31/12/2019. Đến 30/06/2020, tỷ trọng tiền gửi của các khách hàng doanh nghiệp ở mức 12,25%.

Bảng 12: Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo đối tượng khách hàng

ĐVT: Triệu đồng

Tiền gửi của khách hàng	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cá nhân	44.028.690	81,15%	59.265.071	83,77%	70.148.765	84,43%
Tổ chức	8.307.776	15,31%	9.076.433	12,83%	10.198.113	12,27%
Đối tượng khác	1.917.572	3,54%	2.403.230	3,40%	2.741.934	3,30%
Tổng cộng	54.254.038	100%	70.744.734	100%	83.088.812	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 13: Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo đối tượng khách hàng (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Tiền gửi của khách hàng	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cá nhân	44.028.690	81,25%	59.265.071	83,77%	70.148.765	84,45%
Tổ chức	8.240.845	15,21%	9.075.911	12,83%	10.176.866	12,25%
Đối tượng khác	1.917.572	3,54%	2.403.230	3,40%	2.741.934	3,30%
Tổng cộng	54.187.107	100%	70.744.212	100%	83.067.565	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Về kỳ hạn

Xét theo thời hạn huy động tiền gửi của khách hàng, tiền gửi có kỳ hạn luôn chiếm tỷ trọng cao (chiếm lần lượt 95,51%, 95,22% và 95,69% tổng tiền gửi của khách hàng tại 31/12/2018, 31/12/2019 và 30/06/2020), điều này tạo cho Ngân hàng Nam Á có sự ổn định và chủ động trong việc điều hành và quản lý khả năng thanh toán.

Bảng 14: Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo kỳ hạn

ĐVT: Triệu đồng

Tiền gửi của khách hàng	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi không kỳ hạn	2.258.260	4,16%	3.137.698	4,44%	3.206.977	3,86%

Tiền gửi của khách hàng	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi có kỳ hạn	51.819.634	95,51%	67.359.598	95,21%	79.496.219	95,68%
Tiền ký quỹ	152.043	0,28%	199.240	0,28%	335.646	0,40%
Tiền gửi vốn chuyên dùng	24.101	0,05%	48.198	0,07%	49.970	0,06%
Tổng cộng	54.254.038	100%	70.744.734	100%	83.088.812	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 15: Tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Nam Á theo kỳ hạn (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Tiền gửi của khách hàng	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi không kỳ hạn	2.257.028	4,17%	3.136.256	4,43%	3.194.730	3,85%
Tiền gửi có kỳ hạn	51.752.434	95,51%	67.359.598	95,22%	79.487.219	95,69%
Tiền ký quỹ	153.544	0,28%	200.160	0,28%	335.646	0,40%
Tiền gửi vốn chuyên dùng	24.101	0,04%	48.198	0,07%	49.970	0,06%
Tổng cộng	54.187.107	100%	70.744.212	100%	83.067.565	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

(iv) Phát hành giấy tờ có giá

Năm 2018, Ngân hàng Nam Á phát hành trái phiếu với tổng giá trị 950 tỷ đồng, kỳ hạn từ 02 – 08 năm. Trong năm 2019; Ngân hàng Nam Á tiếp tục phát hành hơn 1.406 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn từ 12, 15, 18, 24 tháng và 06 năm; 200 tỷ đồng trái phiếu với kỳ hạn 06 năm và 200 tỷ đồng trái phiếu với kỳ hạn 10 năm.

Trong 06 tháng đầu năm 2020, Ngân hàng Nam Á tiếp tục phát hành 1.000 tỷ đồng chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn 12 tháng. Dự kiến trong các năm tiếp theo, Ngân hàng Nam Á tiếp tục đẩy mạnh phát hành các giấy tờ có giá với các kỳ hạn và lãi suất hợp lý để thu hút nguồn vốn trong dân cư và các tổ chức kinh tế để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

(v) Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác

Chủ yếu liên quan đến các giao dịch kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ. Các khoản này có giá trị không đáng kể.

(vi) Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay

Khoản vốn tài trợ bằng VND nhận từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với nguồn vốn được hỗ trợ bởi Tổ chức Hợp tác Quốc tế Nhật Bản JICA, có kỳ hạn gốc từ 03 đến 07 năm, chịu lãi suất năm 4,956% (31/12/2019: 5,184%) với mục đích hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Số dư khoản mục này tại 31/12/2019 là 14,60 tỷ đồng và tại 30/06/2020 là 12,09 tỷ đồng. Ngoài ra, Ngân hàng Nam Á còn nhận một phần vốn tài trợ bằng USD từ Quỹ Global Climate Partnership Fund SA, có kỳ hạn gốc 02 năm kể từ ngày giải ngân, lãi suất thả nổi định kỳ thay đổi mỗi 06 tháng, nhằm tài trợ cho các dự án có mục đích phù hợp theo thỏa thuận. Số dư khoản mục này tại 30/06/2020 là 6 triệu USD.

1.3 Hoạt động tín dụng

Theo đặc thù của ngành ngân hàng Việt Nam, tín dụng là mảng hoạt động đem lại lợi nhuận chủ yếu của Ngân hàng Nam Á. Trong các năm qua, tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng Nam Á biến động theo chiều hướng khá tích cực. Hoạt động tín dụng tại 31/12/2018 của Ngân hàng có sự tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ. Cụ thể, tổng dư nợ cho vay khách hàng tại 31/12/2018 đạt 50.815 tỷ đồng, tương ứng với tốc độ tăng trưởng gần 40% so với mức 36.346 tỷ đồng tại 31/12/2017. Tính đến 31/12/2019, tổng dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á là 67.546 tỷ đồng, tăng trưởng 32,93% so với cùng kỳ năm ngoái và qua đó hoàn thành 112,58% kế hoạch của năm 2019. Tính đến 30/06/2020, tổng dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á là 77.006 tỷ đồng, tăng trưởng 28,79% so với cùng kỳ năm ngoái.

Sự tăng trưởng quy mô hoạt động tín dụng của Ngân hàng xuất phát từ việc Ngân hàng Nam Á đẩy mạnh cho vay khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, bên cạnh nhu cầu vay vốn tăng cao do kinh tế ổn định và phát triển nhanh chóng. Ngoài ra, Ngân hàng có nhiều chính sách để mở rộng thị trường, hướng tới nhiều đối tượng khách hàng với nhiều ưu đãi, từ đó dẫn đến tăng trưởng tín dụng trong giai đoạn này.

Bảng 16: Dư nợ cho vay của Ngân hàng Nam Á

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi và cho vay TCTD	9.915.476	16,33%	11.795.654	14,87%	10.638.800	12,14%
Cho vay khách hàng	50.814.947	83,67%	67.545.653	85,13%	77.005.800	87,86%
Tổng cộng	60.730.423	100%	79.341.307	100%	87.644.600	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 17: Dư nợ cho vay của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi và cho vay TCTD	9.915.476	16,33%	11.795.654	14,87%	10.638.800	12,14%
Cho vay khách hàng	50.814.947	83,67%	67.545.653	85,13%	77.005.800	87,86%
Tổng cộng	60.730.423	100%	79.341.307	100%	87.644.600	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Chất lượng tín dụng

Tốc độ tăng trưởng tín dụng phải đi liền với tính an toàn và hiệu quả của hoạt động tín dụng, tại Ngân hàng Nam Á chất lượng tín dụng luôn được kiểm soát chặt chẽ, tỷ lệ nợ xấu luôn thấp hơn mức cho phép theo quy định của NHNN ($\leq 3\%$).

Bảng 18: Chất lượng nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	49.232.951	96,89%	64.148.004	94,97%	74.440.493	96,67%
Nợ cần chú ý	797.274	1,57%	2.063.887	3,06%	306.351	0,40%
Nợ dưới tiêu chuẩn	215.304	0,42%	531.871	0,79%	185.339	0,24%
Nợ nghi ngờ	56.889	0,11%	537.186	0,79%	1.534.681	1,99%
Nợ có khả năng mất vốn	512.529	1,01%	264.705	0,39%	538.936	0,70%
Tổng cộng	50.814.947	100%	67.545.653	100%	77.005.800	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 19: Chất lượng nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	49.232.951	96,89%	64.148.004	94,97%	74.440.493	96,67%

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ cần chú ý	797.274	1,57%	2.063.887	3,06%	306.351	0,40%
Nợ dưới tiêu chuẩn	215.304	0,42%	531.871	0,79%	185.339	0,24%
Nợ nghi ngờ	56.889	0,11%	537.186	0,79%	1.534.681	1,99%
Nợ có khả năng mất vốn	512.529	1,01%	264.705	0,39%	538.936	0,70%
Tổng cộng	50.814.947	100%	67.545.653	100%	77.005.800	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Song song với việc đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng tín dụng, Ngân hàng Nam Á thường xuyên chú trọng đến việc đảm bảo chất lượng của các khoản cho vay để đảm bảo an toàn hiệu quả trong hoạt động tín dụng. Chất lượng tín dụng của Ngân hàng Nam Á luôn được đảm bảo trong giới hạn an toàn cho phép. Nợ đủ tiêu chuẩn đạt tỷ lệ cao và duy trì trong nhiều năm nay (đạt gần 95% tổng dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng tính tại 31/12/2019 và gần 97% tại thời điểm 30/06/2020). Ngoài ra Ngân hàng đã trích lập dự phòng rủi ro đầy đủ đúng quy định.

Sản phẩm tín dụng

Để thuận lợi trong công tác quản lý và hoạch định chiến lược phát triển, các sản phẩm tín dụng cho khách hàng của Ngân hàng Nam Á được phân loại và quản lý theo thời hạn vay, theo ngành kinh tế và đối tượng vay.

Cơ cấu dư nợ tín dụng (cho vay khách hàng) theo thời hạn vay

Trong tổng dư nợ tín dụng (cho vay khách hàng) của Ngân hàng Nam Á, các khoản vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng tăng dần, cụ thể dư nợ cho vay ngắn hạn tại 31/12/2019 đạt 49.298 tỷ đồng, tăng 37,40% so với 31/12/2018, chiếm 72,98% tổng dư nợ và đến 30/06/2020 là 68,87%. Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ tín dụng luôn được Ngân hàng Nam Á chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh.

Bảng 20: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay ngắn hạn	35.878.499	70,61%	49.297.747	72,98%	53.034.630	68,87%

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay trung hạn	7.298.165	14,36%	7.698.465	11,40%	9.396.905	12,20%
Cho vay dài hạn	7.638.283	15,03%	10.549.441	15,62%	14.574.265	18,93%
Tổng cộng	50.814.947	100%	67.545.653	100%	77.005.800	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 21: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo thời hạn vay (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay ngắn hạn	35.878.499	70,61%	49.297.747	72,98%	53.034.630	68,87%
Cho vay trung hạn	7.298.165	14,36%	7.698.465	11,40%	9.396.905	12,20%
Cho vay dài hạn	7.638.283	15,03%	10.549.441	15,62%	14.574.265	18,93%
Tổng cộng	50.814.947	100%	67.545.653	100%	77.005.800	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Cơ cấu dư nợ tín dụng (cho vay khách hàng) theo ngành nghề kinh doanh

Từ năm 2018, Ngân hàng Nam Á đã đẩy mạnh cho vay nhiều ngành nghề ít rủi ro như bán buôn bán lẻ, cho vay hộ gia đình, dịch vụ lưu trú và ăn uống,... Dư nợ cho vay kinh doanh bất động sản của Ngân hàng Nam Á chỉ còn chiếm 10,67% tại 31/12/2018, 5,82% tại 31/12/2019 và giảm còn 3,93% tại 30/06/2020 trên tổng dư nợ cho vay khách hàng.

Bảng 22: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo ngành kinh tế

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Hoạt động kinh doanh bất động sản	5.419.978	10,67%	3.929.980	5,82%	3.028.402	3,93%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và	11.407.859	22,45%	20.104.275	29,76%	23.497.551	30,52%

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
xe có động cơ khác						
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	9.305.092	18,31%	10.026.674	14,84%	12.813.674	16,64%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.335.038	6,56%	3.107.444	4,60%	2.751.857	3,57%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1.221.882	2,40%	2.319.161	3,43%	2.127.296	2,76%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9.324.375	18,35%	11.267.393	16,68%	11.539.120	14,98%
Xây dựng	781.870	1,54%	4.651.534	6,89%	6.904.231	8,97%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	6.355.429	12,51%	8.823.734	13,07%	10.580.010	13,74%
Các ngành khác	3.663.424	7,21%	3.315.458	4,91%	3.763.659	4,89%
Tổng cộng	50.814.947	100%	67.545.653	100%	77.005.800	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 23: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo ngành kinh tế (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Hoạt động kinh doanh bất động sản	5.419.978	10,67%	3.929.980	5,82%	3.028.402	3,93%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	11.407.859	22,45%	20.104.275	29,76%	23.497.551	30,52%

Khoản mục	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	9.305.092	18,31%	10.026.674	14,84%	12.813.674	16,64%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.335.038	6,56%	3.107.444	4,60%	2.751.857	3,57%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1.221.882	2,4%	2.319.161	3,43%	2.127.296	2,76%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9.324.375	18,35%	11.267.393	16,68%	11.539.120	14,98%
Xây dựng	781.870	1,54%	4.651.534	6,89%	6.904.231	8,97%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	6.355.429	12,51%	8.823.734	13,07%	10.580.010	13,74%
Các ngành khác	3.663.424	7,21%	3.315.458	4,91%	3.763.659	4,89%
Tổng cộng	50.814.947	100%	67.545.653	100%	77.005.800	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Cơ cấu dư nợ tín dụng (cho vay khách hàng) theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp

Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của Ngân hàng Nam Á tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.

Đối với nhóm khách hàng cá nhân:

Với mục tiêu đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, Ngân hàng Nam Á đa dạng hóa các hình thức tín dụng cá nhân, bao gồm: Cho vay mua bất động sản; vay phục vụ mục đích xây dựng, sửa chữa nhà; vay linh hoạt; vay siêu tốc; vay tiêu dùng tín chấp; vay bổ sung vốn sản xuất kinh doanh trả góp; vay phát triển kinh tế hộ gia đình; vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; gói sản phẩm hỗ trợ du học. Dư nợ tín dụng đối với nhóm khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lần lượt 31,24% và 31,35% tại 31/12/2018 và 31/12/2019. Tới 30/06/2020, dư nợ tín dụng đối với nhóm khách hàng cá nhân đạt 22.259 tỷ đồng, chiếm 28,91% tổng dư nợ tín dụng của Ngân hàng Nam Á.

Đối với khách hàng doanh nghiệp:

Tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp luôn ở mức cao trong cơ cấu tổng dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng Nam Á và có xu hướng đi ngang trong giai đoạn 02 năm 2018 – 2019, từ mức 68,76% tại 31/12/2018, giảm nhẹ xuống mức 68,65% tại thời điểm cuối năm 2019. Tới 30/06/2020, dư nợ tín dụng đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp đạt 54.747 tỷ đồng, chiếm 71,09% tổng dư nợ tín dụng của Ngân hàng Nam Á. Đối tượng khách hàng chiếm tỷ trọng cao trong loại hình này là các công ty cổ phần và công ty TNHH.

Bảng 24: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp

ĐVT: Triệu đồng

Theo lĩnh vực	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay tổ chức kinh tế	34.940.657	68,76%	46.370.429	68,65%	54.746.540	71,09%
Công ty cổ phần	12.366.811	24,33%	19.380.369	28,69%	27.010.127	35,08%
Công ty TNHH	22.448.066	44,18%	26.920.913	39,86%	27.671.010	35,93%
Doanh nghiệp tư nhân	326	0,00%	2.161	0,00%	1.399	0,00%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	45.116	0,09%	19.232	0,03%	6.820	0,01%
Các thành phần kinh tế khác	80.338	0,16%	47.754	0,07%	57.184	0,07%
Cho vay khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	15.874.290	31,24%	21.175.224	31,35%	22.259.260	28,91%
Tổng cộng	50.814.947	100%	67.545.653	100%	77.005.800	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 25: Cơ cấu dư nợ tín dụng cho vay khách hàng theo đối tượng khách hàng vay và loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Theo lĩnh vực	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay tổ chức kinh tế	34.940.657	68,76%	46.370.429	68,65%	54.746.540	71,09%
Công ty cổ phần	12.366.811	24,33%	19.380.369	28,69%	27.010.127	35,08%

Theo lĩnh vực	31/12/2018		31/12/2019		30/06/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Công ty TNHH	22.448.066	44,18%	26.920.913	39,86%	27.671.010	35,93%
Doanh nghiệp tư nhân	326	0,00%	2.161	0,00%	1.399	0,00%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	45.116	0,09%	19.232	0,03%	6.820	0,01%
Các thành phần kinh tế khác	80.338	0,16%	47.754	0,07%	57.184	0,07%
Cho vay khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	15.874.290	31,24%	21.175.224	31,35%	22.259.260	28,91%
Tổng cộng	50.814.947	100%	67.545.653	100%	77.005.800	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của Ngân hàng Nam Á được tính phù hợp với quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 và Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 do NHNN ban hành, quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật có liên quan.

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 31/12/2018 và 31/12/2019 lần lượt là 11,15% và 9,66%, cao hơn mức tối thiểu 9,0% theo quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN của NHNN. Tại thời điểm 30/06/2020, Ngân hàng Nam Á áp dụng tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN của NHNN (sau khi được sự chấp thuận của NHNN), tỷ lệ này là 8,99%, cao hơn mức quy định tối thiểu 8,0%.

- Vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán tại BCTC riêng kiểm toán năm 2019 (trang số 05):
“Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh 3(c) và Thuyết minh 6(i) trong đó có đề cập đến việc Ngân hàng tạm phân loại nợ khoản cho vay đối với ba quỹ tín dụng nhân dân bị kiểm soát đặc biệt theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với số tiền là 208.658 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (31/12/2018: 49.417 triệu VND) là Nợ đủ tiêu chuẩn trong thời gian chờ hướng dẫn cụ thể từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.”
- Vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán tại BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 (trang số 05):

“Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh 3(d) và Thuyết minh 6(i) trong đó có đề cập đến việc Ngân hàng tạm phân loại nợ khoản cho vay đối với ba quỹ tín dụng nhân dân bị kiểm soát đặc biệt theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với số tiền là 208.658 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (31/12/2018: 49.417 triệu VND) là Nợ đủ tiêu chuẩn trong thời gian chờ hướng dẫn cụ thể từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.”

- Vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán tại BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 (trang số 05):

“Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh 3(c) và Thuyết minh 6(i) trong đó có đề cập đến việc Ngân hàng tạm phân loại nợ khoản cho vay đối với ba quỹ tín dụng nhân dân bị kiểm soát đặc biệt theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với số tiền là 208.658 triệu VND tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 (31/12/2019: 208.658 triệu VND) là Nợ đủ tiêu chuẩn trong thời gian chờ hướng dẫn cụ thể từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kết luận soát xét của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.”

- Vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán tại BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 (trang số 05):

“Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh 3(d) và Thuyết minh 6(i) trong đó có đề cập đến việc Ngân hàng tạm phân loại nợ khoản cho vay đối với ba quỹ tín dụng nhân dân bị kiểm soát đặc biệt theo chủ trương của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với số tiền là 208.658 triệu VND tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 (31/12/2019: 208.658 triệu VND) là Nợ đủ tiêu chuẩn trong thời gian chờ hướng dẫn cụ thể từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kết luận soát xét của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.”

1.4 Hoạt động Đầu tư tài chính và Kinh doanh ngoại hối

(i) Hoạt động đầu tư tài chính

Nhằm sử dụng nguồn vốn huy động có hiệu quả, Ngân hàng Nam Á đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư tài chính, trong đó Ngân hàng Nam Á đã tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các tổ chức tài chính cũng như các tổ chức kinh tế khác.

Bảng 26: Hoạt động đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	ĐVT: Triệu đồng	
			06 tháng đầu năm 2020	
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(68.594)	64.597	-	
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29.255	115.910	46.113	
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7.956	6.599	63	
Lãi thuần từ hoạt động đầu tư tài chính	(31.383)	187.106	46.176	

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 27: Hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	06 tháng đầu năm 2020
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(68.594)	64.597	-
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29.255	115.910	46.113
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	2.057	987	63
Lãi thuần từ hoạt động đầu tư tài chính	(37.282)	181.494	46.176

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

(ii) Hoạt động kinh doanh ngoại hối (ngoại tệ và vàng)

Hoạt động kinh doanh ngoại hối (ngoại tệ và vàng) của Ngân hàng Nam Á chủ yếu phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế và điều hòa trạng thái ngoại tệ.

Bảng 28: Hoạt động kinh doanh ngoại hối

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	06 tháng đầu năm 2020
Doanh thu kinh doanh ngoại hối	44.162	38.293	39.282
Chi phí kinh doanh ngoại hối	(14.289)	(13.565)	(2.738)
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	29.873	24.728	36.544

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 29: Hoạt động kinh doanh ngoại hối (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	06 tháng đầu năm 2020
Doanh thu kinh doanh ngoại hối	44.162	38.293	39.282
Chi phí kinh doanh ngoại hối	(14.289)	(13.565)	(2.738)
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	29.873	24.728	36.544

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

1.5 Hoạt động dịch vụ, thanh toán quốc tế và thẻ

Nhờ việc ứng dụng công nghệ hiện đại trong dịch vụ Ngân hàng, mảng hoạt động dịch vụ trong nước đã có sự đóng góp không nhỏ vào lợi nhuận của Nam A Bank từ năm 2015 đến

nay. Nam A Bank là một trong số những Ngân hàng đi đầu trong việc áp dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động dịch vụ trong nước, ngân quỹ nhằm đảm bảo các giao dịch luôn thông suốt, nhanh chóng và chuẩn xác nhất. Đặc biệt là các hoạt động thanh toán thẻ qua Tổ chức Thẻ nội địa, Tổ chức Thẻ quốc tế Mastercard/JCB nhằm hướng đến xu hướng tiêu dùng hiện đại, thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển sang các thanh toán điện tử song song với việc nâng cấp công nghệ bảo mật Chip trên thẻ và thiết bị chấp nhận thẻ để đáp ứng đầy đủ các tiêu chí an toàn, nhanh chóng trong giao dịch, nâng tầm công nghệ 4.0.

Bên cạnh đó, hệ thống Core Banking – Flexcube chính thức triển khai trên toàn hệ thống. Đây chính là nền tảng công nghệ hiện đại giúp Nam A Bank triển khai các sản phẩm tiện ích phục vụ khách hàng cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ. Nam A Bank đã triển khai thành công dịch vụ Ngân hàng trực tuyến, gồm có SMS Banking (cho phép truy vấn thông tin số dư tài khoản, tỷ giá ngoại tệ, lãi suất tiền gửi, thanh toán cước phí điện thoại, mua thẻ game), Internet Banking, Mobile Banking,... cho phép chuyển tiền trong và ngoài hệ thống nhanh chóng và bảo mật tuyệt đối, khách hàng có thể thực hiện giao dịch mua sắm, chuyển tiền 24/7 một cách nhanh chóng, tiện lợi.

Hoạt động dịch vụ

Bảng 30: Hoạt động dịch vụ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	06 tháng đầu năm 2020
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	113.052	160.128	99.108
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(60.474)	(87.113)	(50.663)
Lợi nhuận thuần từ dịch vụ	52.578	73.015	48.445

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 31: Hoạt động dịch vụ (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	06 tháng đầu năm 2020
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	113.049	160.509	99.165
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(60.525)	(87.144)	(50.669)
Lợi nhuận thuần từ dịch vụ	52.524	73.365	48.496

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Hoạt động thanh toán quốc tế

Tính đến 30/06/2020, Ngân hàng Nam Á đã thiết lập quan hệ đại lý với 174 ngân hàng ở 37 quốc gia và vùng lãnh thổ trên khắp thế giới, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Doanh số phát hành L/C từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đạt 46,50 triệu USD.

Trong 06 tháng đầu năm 2020, doanh số thanh toán quốc tế toàn ngân hàng đạt 171,29 triệu USD, tăng trưởng 44% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành 43,81% kế hoạch. Phí thu dịch vụ thanh toán quốc tế đạt 22,65 tỷ đồng.

Hoạt động thẻ

Tổng số thẻ lưu hành đến 30/06/2020 là 482.048 thẻ, tăng 71.391 thẻ so với đầu năm, tương đương với mức tăng trưởng 17,38%, trong đó:

- ✓ Thẻ Credit là 85.110 thẻ, tăng 10.795 thẻ so với đầu năm;
- ✓ Thẻ Debit là 184.380 thẻ, tăng 37.799 thẻ so với đầu năm;
- ✓ Thẻ Prepaid là 212.558 thẻ, tăng 22.797 thẻ so với đầu năm.

Dư nợ thẻ Credit (thẻ tín dụng) tại thời điểm 30/06/2020 là 441,49 tỷ đồng, tăng 11,56 tỷ đồng, tương đương tăng 2,68% so với đầu năm.

1.6 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Công tác quản lý rủi ro và bảo toàn vốn luôn được Ngân hàng chú trọng, quan tâm và đặt lên hàng đầu. Với mục tiêu tăng trưởng bền vững, Ngân hàng Nam Á luôn chú trọng thực hiện tốt các quy định của NHNN về đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng. Các tỷ lệ đảm bảo an toàn luôn được kiểm soát chặt chẽ. Các chỉ số an toàn hoạt động tuân thủ theo đúng quy định của NHNN và nội bộ Ngân hàng Nam Á, cụ thể:

Bảng 32: Chỉ số an toàn hoạt động Ngân hàng Nam Á

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	30/06/2020	Thông tư số 36/2014/TT-NHNN và các Thông tư sửa đổi, bổ sung	Thông tư số 22/2019/TT-NHNN (*)
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	19,30%	16,94%	17,12%	Tối thiểu 10%	Tối thiểu 10%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn	16,74%	17,65%	20,71%	Tối đa 45% (năm 2018) Tối đa 40% (năm 2019)	Tối đa 40%
Giới hạn góp vốn mua cổ phần	15,37%	7,20%	7,20%	Tối đa 40%	Tối đa 40%
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR)	75,23%	77,56%	79,05%	Tối đa 80%	Tối đa 85%
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) (**)	11,15%	9,66%	8,99%	Tối thiểu 9%	

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

(*) Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 và thay thế Thông tư số 36/2014/TT-NHNN.

(**) Ngân hàng Nam Á đã được chấp thuận áp dụng trước hạn Thông tư 41/2016/TT-NHNN theo Quyết định số 2506/QĐ-NHNN ngày 29/11/2019 của Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, Ngân hàng Nam Á phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn (CAR) trên BCTC của Ngân hàng và BCTC hợp nhất tối thiểu 8%.

Khối quản lý rủi ro với nhiệm vụ xây dựng chiến lược và chính sách quản lý rủi ro trong toàn hệ thống bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro thanh khoản), rủi ro vận hành và các rủi ro khác đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á luôn an toàn, hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Đối với công tác quản trị rủi ro tín dụng, Ngân hàng Nam Á quản lý tín dụng theo danh mục tín dụng của từng ngành nghề, cùng với việc ban hành các sản phẩm cho vay cụ thể đã tạo điều kiện cho các đơn vị kinh doanh chủ động trong công tác tiếp thị phát triển khách hàng. Hạn mức cho vay kinh doanh bất động sản và các ngành nghề có mức độ rủi ro cao được kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn và hiệu quả. Song song đó, hệ thống văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ thường xuyên được rà soát, bổ sung chỉnh sửa phù hợp với yêu cầu hoạt động và đảm bảo tuân thủ pháp luật trong từng thời kỳ. Thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ của các cán bộ làm công tác tín dụng.

Nợ quá hạn được kiểm soát chặt chẽ và theo dõi đôn đốc thu hồi kịp thời. Công tác kiểm tra và giám sát được triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục theo quá trình của từng nghiệp vụ. Hệ thống báo cáo và cảnh báo hàng ngày đã giúp cho các đơn vị chấn chỉnh kịp thời những sai sót.

2. Thị trường hoạt động

2.1 Mạng lưới hoạt động

Tính tới ngày 30/06/2020, mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Nam Á bao gồm: 01 Trung tâm kinh doanh, 104 Chi nhánh và Phòng giao dịch và 01 Công ty trực thuộc.

Bảng 33: Danh sách mạng lưới hoạt động Ngân hàng Nam Á

TT	Tên	CN/PGD	Tỉnh/TP
1	Trụ sở chính - Trung tâm kinh doanh	Trung tâm kinh doanh	TP.HCM
Chi nhánh và Phòng Giao dịch			
2	Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh	Hà Nội
3	PGD Ba Đình	PGD	Hà Nội
4	PGD Đông Đô	PGD	Hà Nội
5	PGD Đồng Xuân	PGD	Hà Nội
6	PGD Thăng Long	PGD	Hà Nội
7	PGD Cầu Giấy	PGD	Hà Nội

TT	Tên	CN/PGD	Tỉnh/TP
8	PGD Đồng Tâm	PGD	Hà Nội
9	Chi nhánh Phú Thọ	Chi nhánh	Phú Thọ
10	PGD Thanh Thủy	PGD	Phú Thọ
11	PGD Đoan Hùng	PGD	Phú Thọ
12	PGD Cẩm Khê	PGD	Phú Thọ
13	Chi nhánh Quảng Ninh	Chi nhánh	Quảng Ninh
14	Chi nhánh Tân Định	Chi nhánh	TP.HCM
15	PGD Bến Thành	PGD	TP.HCM
16	PGD Hòa Bình	PGD	TP.HCM
17	PGD Phú Nhuận	PGD	TP.HCM
18	Chi nhánh Hàm Nghi	Chi nhánh	TP.HCM
19	PGD Nhà Bè	PGD	TP.HCM
20	PGD Khánh Hội	PGD	TP.HCM
21	PGD Phú Mỹ Hưng	PGD	TP.HCM
22	Chi nhánh An Đông	Chi nhánh	TP.HCM
23	PGD Bình Tây	PGD	TP.HCM
24	PGD Chánh Hưng	PGD	TP.HCM
25	PGD Rạch Ông	PGD	TP.HCM
26	Chi nhánh Lý Thường Kiệt	Chi nhánh	TP.HCM
27	PGD Quận 10	PGD	TP.HCM
28	PGD Hiệp Tân	PGD	TP.HCM
29	PGD Bình Trị Đông	PGD	TP.HCM
30	Chi nhánh Thị Nghè	Chi nhánh	TP.HCM
31	PGD Quận 2	PGD	TP.HCM
32	PGD Thủ Đức	PGD	TP.HCM
33	PGD Văn Thánh	PGD	TP.HCM
34	Chi nhánh Quang Trung	Chi nhánh	TP.HCM
35	PGD Cộng Hòa	PGD	TP.HCM
36	PGD Xóm Mới	PGD	TP.HCM
37	PGD Gò Vấp	PGD	TP.HCM
38	Chi nhánh Trường Chinh	Chi nhánh	TP.HCM
39	PGD Hóc Môn	PGD	TP.HCM

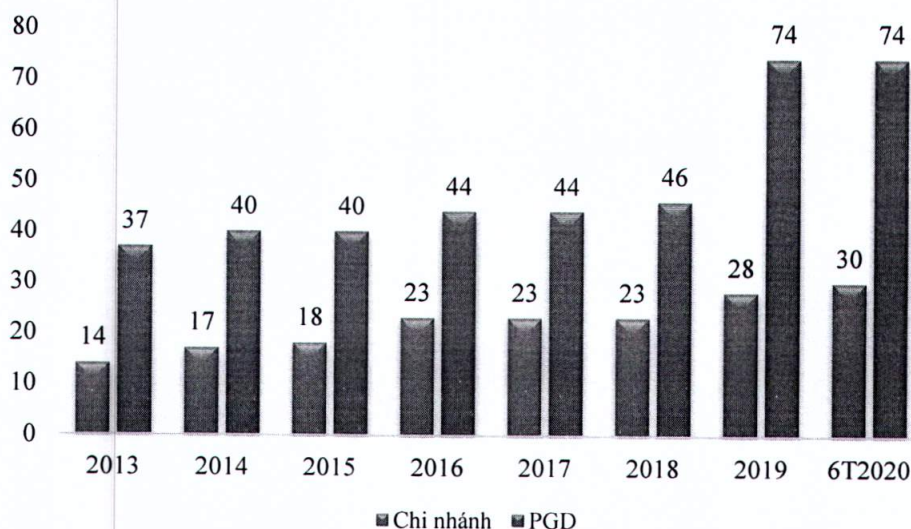
TT	Tên	CN/PGD	Tỉnh/TP
40	PGD Tân Phú	PGD	TP.HCM
41	PGD Tân Bình	PGD	TP.HCM
42	Chi nhánh Đà Nẵng	Chi nhánh	Đà Nẵng
43	PGD Lê Duẩn	PGD	Đà Nẵng
44	PGD Sơn Trà	PGD	Đà Nẵng
45	PGD Thanh Khê	PGD	Đà Nẵng
46	Chi nhánh Quy Nhơn	Chi nhánh	Bình Định
47	PGD Chợ lớn	PGD	Bình Định
48	PGD An Nhơn	PGD	Bình Định
49	PGD Bồng Sơn	PGD	Bình Định
50	Chi nhánh Nha Trang	Chi nhánh	Nha Trang
51	PGD Cam Lâm	PGD	Nha Trang
52	PGD Bình Tân	PGD	Nha Trang
53	PGD Vạn Ninh	PGD	Nha Trang
54	PGD Ninh Hòa	PGD	Nha Trang
55	PGD Trần Phú	PGD	Nha Trang
56	Chi nhánh Ninh Thuận	Chi nhánh	Ninh Thuận
57	PGD Phan Rang	PGD	Ninh Thuận
58	PGD Thuận Nam	PGD	Ninh Thuận
59	PGD Ninh Hải	PGD	Ninh Thuận
60	Chi nhánh Đắk Lắk	Chi nhánh	Đắk Lắk
61	PGD Ea Hlêo	PGD	Đắk Lắk
62	PGD Krông Pắc	PGD	Đắk Lắk
63	PGD Krông Buk	PGD	Đắk Lắk
64	Chi nhánh Lâm Đồng	Chi nhánh	Lâm Đồng
65	PGD Bảo Lộc	PGD	Lâm Đồng
66	PGD Lâm Hà	PGD	Lâm Đồng
67	PGD Đức Trọng	PGD	Lâm Đồng
68	Chi nhánh Đắk Nông	Chi nhánh	Đắk Nông
69	Chi nhánh Bình Dương	Chi nhánh	Bình Dương
70	PGD Bến Cát	PGD	Bình Dương
71	PGD Thuận An	PGD	Bình Dương

TT	Tên	CN/PGD	Tỉnh/TP
72	PGD Tân Uyên	PGD	Bình Dương
73	Chi nhánh Bình Phước	Chi nhánh	Bình Phước
74	PGD Phước Bình	PGD	Bình Phước
75	PGD Chơn Thành	PGD	Bình Phước
76	PGD Bình Long	PGD	Bình Phước
77	Chi nhánh Đồng Nai	Chi nhánh	Đồng Nai
78	PGD Long Thành	PGD	Đồng Nai
79	PGD Trảng Bom	PGD	Đồng Nai
80	PGD Long Khánh	PGD	Đồng Nai
81	Chi nhánh Vũng Tàu	Chi nhánh	Bà Rịa – Vũng Tàu
82	PGD Châu Đức	PGD	Bà Rịa – Vũng Tàu
83	PGD Tân Thành	PGD	Bà Rịa – Vũng Tàu
84	PGD Bà Rịa	PGD	Bà Rịa – Vũng Tàu
85	Chi nhánh Bến Tre	Chi nhánh	Bến Tre
86	PGD Ba Tri	PGD	Bến Tre
87	PGD Bình Đại	PGD	Bến Tre
88	PGD Thạnh Phú	PGD	Bến Tre
89	Chi nhánh Tây Ninh	Chi nhánh	Tây Ninh
90	PGD Tân Châu	PGD	Tây Ninh
91	PGD Gò Dầu	PGD	Tây Ninh
92	PGD Tân Biên	PGD	Tây Ninh
93	Chi nhánh Cần Thơ	Chi nhánh	Cần Thơ
94	PGD Thốt Nốt	PGD	Cần Thơ
95	PGD Ô Môn	PGD	Cần Thơ
96	PGD Ninh Kiều	PGD	Cần Thơ
97	Chi nhánh Kiên Giang	Chi nhánh	Kiên Giang
98	PGD Phú Quốc	PGD	Kiên Giang
99	PGD Tân Hiệp	PGD	Kiên Giang
100	PGD Hà Tiên	PGD	Kiên Giang
101	Chi nhánh Long An	Chi nhánh	Long An
102	Chi nhánh An Giang	Chi nhánh	An Giang
103	Chi nhánh Tiền Giang	Chi nhánh	Tiền Giang

TT	Tên	CN/PGD	Tỉnh/TP
104	Chi nhánh Bình Thuận	Chi nhánh	Bình Thuận
105	Chi nhánh Nghệ An	Chi nhánh	Nghệ An
106	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Nam Á	Công ty con	Bình Định

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Hình 2: Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch của Ngân hàng Nam Á



Nguồn: Ngân hàng Nam Á

2.2 Mạng lưới khách hàng

Ngân hàng Nam Á hiện đang cung cấp các loại sản phẩm dịch vụ đa dạng cho các cá nhân và doanh nghiệp như sau:

Đối với phân khúc khách hàng là doanh nghiệp:

Ngân hàng Nam Á không chỉ chú trọng đến các doanh nghiệp lớn và các dự án trọng điểm mà còn chú trọng các sản phẩm tín dụng dành cho đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ để phù hợp với định hướng của nền kinh tế. Khách hàng của Ngân hàng Nam Á là các công ty TNHH, công ty cổ phần thuộc nhóm ngành thương mại, sản xuất kinh doanh, bất động sản,... Ngoài ra Ngân hàng còn triển khai các thỏa thuận hợp tác với nhiều đơn vị, tổ chức lớn tại Việt Nam.

Đối với phân khúc khách hàng là cá nhân:

Bên cạnh việc chú trọng đến lĩnh vực huy động tiết kiệm, cho vay đối với đối tượng là khách hàng cá nhân. Ngân hàng Nam Á chú trọng cung cấp thêm các sản phẩm dịch vụ tiện ích khác cho khách hàng như: Dịch vụ thu hộ, dịch vụ bảo quản tài sản, bảo quản tài liệu quan trọng, chuyển nhượng tài sản, dịch vụ thanh toán A-pay....các dịch vụ này được khách hàng chào đón và sử dụng rộng rãi.

Đối với phân khúc khách hàng là các tổ chức tín dụng:

Ngân hàng Nam Á có mối quan hệ chặt chẽ với trên 174 ngân hàng đại lý tại 37 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

3. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Bảng 34: Danh sách các sản phẩm công nghệ hoặc tài chính năm 2020

TT	Sản phẩm/dịch vụ thực hiện	Tên đối tác/Công ty liên kết	Thời điểm triển khai
1	Dịch vụ thanh toán HappyPay	Công ty Cổ phần Giải pháp thanh toán Việt Nam (VNPAY)	Dịch vụ mới đang trong quá trình triển khai thử nghiệm tại một số Chi nhánh, Nam A Bank chưa triển khai đồng loạt.
2	Dịch vụ kết nối Ngân hàng điện tử Nam A Bank trên phần mềm kế toán Misa (MISA BANK HUB)	Công ty Cổ phần MISA	Dịch vụ mới đang trong quá trình triển khai thử nghiệm tại một số Chi nhánh, Nam A Bank chưa triển khai đồng loạt.
3	Dịch vụ nộp thuế nội địa tại quầy và điện tử. Dịch vụ nộp thuế Hải quan tại quầy và Hải quan điện tử 24/7.	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Đông Nam Á (Seatech)	Các dịch vụ: Nộp thuế nội địa tại quầy và điện tử; Nộp thuế Hải quan tại quầy đã triển khai. Dịch vụ Hải quan điện tử 24/7 đang trong quá trình triển khai thử nghiệm tại một số Chi nhánh, Nam A Bank chưa triển khai đồng loạt.
4	Dịch vụ liên kết Thẻ ghi nợ nội địa/Tài khoản thanh toán của Nam A Bank với Ví điện tử Momo	Công ty Cổ phần dịch vụ Di Động Trục Tuyến (Ví điện tử Momo)	Dịch vụ triển khai từ 14/09/2019.
5	Dịch vụ liên kết tài khoản tiền gửi thanh toán của Nam A Bank với Ví điện tử Zalopay	Công ty Cổ phần ZION (Zalopay)	Dịch vụ triển khai từ 18/07/2019.
6	Dịch vụ liên kết liên kết Thẻ ghi nợ nội địa/ Tài khoản tiền gửi thanh toán VNĐ của Nam A Bank với Ví điện tử Airpay	Công ty Cổ phần Phát triển Thẻ thao Điện tử Việt Nam (Ví điện tử Airpay)	Dịch vụ triển khai từ năm 2017

TT	Sản phẩm/dịch vụ thực hiện	Tên đối tác/Công ty liên kết	Thời điểm triển khai
7	Dịch vụ liên kết Thẻ ghi nợ nội địa của Nam A Bank với Ví điện tử VIMO	Công ty Cổ phần Công nghệ Vi mô (Ví điện tử Vimo)	Dịch vụ triển khai từ 30/09/2019.
8	Giao dịch bằng Tài khoản tiền gửi thanh toán VNĐ của Nam A Bank trên ứng dụng Tima Lender	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tima (TIMA GROUP)	Dịch vụ triển khai từ tháng 03/2019.
9	Dịch vụ Chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7	Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (Napas)	Dịch vụ triển khai từ 07/09/2016
10	Giao dịch trên Cổng thanh toán VTC Pay bằng Thẻ ghi nợ nội địa Nam A Bank	Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện (VTC)	Nam A Bank ký hợp đồng với đối tác để triển khai ngày 23/11/2015
11	Dịch vụ liên kết Thẻ ghi nợ nội địa và các kênh giao dịch điện tử của Nam A Bank trên cổng thanh toán OnePay	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ trực tuyến OnePAY	Nam A Bank ký hợp đồng với đối tác để triển khai ngày 28/10/2011
12	Nam A Bank Mobile Bank Plus	Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel	Dịch vụ triển khai từ năm 2014

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

4. Hoạt động Marketing

Ngân hàng Nam Á luôn chú trọng đến việc giữ gìn và nâng cao uy tín thương hiệu. Công tác quảng bá thương hiệu ngày càng chuẩn hóa, và đồng nhất nhằm nâng cao vị thế uy tín của Ngân hàng Nam Á trong ngành và đảm bảo mục tiêu gia tăng sự nhận biết từ cộng đồng đối với hình ảnh, thương hiệu của Ngân hàng Nam Á thông qua việc xây dựng bộ quy trình theo đúng chuẩn mực và hình ảnh nhận diện thương hiệu, cụ thể như sau:

- Áp dụng hoạt động Marketing 360 độ trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng và quảng cáo tại các tỉnh thành trên toàn quốc nhằm quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng Nam Á.
- Thúc đẩy phát triển mạnh các hoạt động phối hợp với các tổ chức uy tín trong và ngoài nước bằng việc tổ chức các chương trình để tăng mức độ nhận biết thương hiệu trên thị trường.
- Tham gia và nhận được các giải thưởng trong và ngoài nước nhằm khẳng định vị thế của Ngân hàng Nam Á.

- Triển khai các chuỗi chương trình tổng thể tạo hiệu ứng thương hiệu mạnh.
- Tổ chức thành công các sự kiện trên phạm vi toàn quốc nhằm quảng bá thương hiệu và thúc đẩy phát triển kinh doanh trên toàn hệ thống.

Theo thời gian, thương hiệu Nam A Bank đã được định vị rõ nét hơn bằng sự tinh tế, sang trọng và đầy chuyên nghiệp được thể hiện qua cung cách phục vụ và chăm sóc khách hàng tại các điểm giao dịch trên toàn hệ thống Nam A Bank. Trong năm 2019, Nam A Bank được vinh danh các giải thưởng “Top 100 Doanh nghiệp tiêu biểu Asia” do Liên hiệp khoa học doanh nhân Việt Nam trao tặng, 05 năm liên tiếp đạt “Thương hiệu mạnh” do Thời báo kinh tế Việt Nam bình chọn, sản phẩm Happy Lady và sản phẩm Happy Card đạt “Top 20 sản phẩm chất lượng tốt vì quyền lợi người tiêu dùng” do Trung tâm Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam chứng nhận, giải thưởng “Ngân hàng tiêu biểu về tín dụng xanh” do Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế IDG trao tặng.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Ngân hàng còn duy trì các hoạt động cộng đồng như:

- Năm 2018, Ngân hàng Nam Á chính thức có đại sứ nhân ái đầu tiên, Hoa hậu Hoàn Vũ Việt Nam 2017 H'Hen Niê làm hình ảnh đại diện cho các hoạt động xã hội mà Ngân hàng Nam Á thực hiện.
- Năm 2019, Á hậu Hoàn Vũ 2017 Hoàng Thùy trở thành đại sứ vì môi trường của Ngân hàng Nam Á trong dự án “Tôi chọn sống xanh” nhằm nâng cao ý thức của người dân về việc bảo vệ môi trường.
- Ngân hàng Nam Á phối hợp với nhiều tổ chức uy tín trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động vì cộng đồng, trong đó tập trung vào mảng giáo dục, đối tượng tập trung chính là đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc biệt, chương trình trao học bổng “Nâng bước đến trường thắp sáng tương lai” dành cho học sinh dân tộc thiểu số đã để lại ấn tượng lớn.
- Tháng 01/2020, đồng hành cùng Top 03 Hoa hậu Hoàn Vũ Việt Nam 2019 trong hành trình “Tết yêu thương” 2020 trao hàng trăm suất quà tết đến với những hoàn cảnh kém may mắn trên địa bàn các tỉnh Lâm Đồng, Long An và Tây Ninh.
- Tháng 01/2020, Nam A Bank trở thành đơn vị đầu tiên hưởng ứng Quỹ “Mai Vàng nhân ái” của giải Mai Vàng 2019, nhằm góp phần chăm lo đời sống cho những nghệ sĩ có hoàn cảnh khó khăn, không may gặp vấn đề về sức khỏe.
- Tháng 02/2020, Ngân hàng Nam Á triển khai chương trình “Triệu lá cờ - Triệu niềm tin” đóng góp toàn bộ kinh phí trị giá 01 tỷ đồng từ nguồn ngân sách riêng của Ngân hàng chung tay giúp đỡ bà con ngư dân tại các tỉnh duyên hải Việt Nam bám biển, góp phần bảo vệ chủ quyền đất nước.
- Ngoài ra, thời gian qua Nam A Bank cũng đã triển khai nhiều chương trình khác như đồng hành cùng Top 03 Hoa hậu Hoàn vũ Việt Nam 2019 trao quà tặng cho trẻ em Mái ấm Hy vọng (tỉnh Khánh Hòa); Ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện cùng nhau phát triển các lĩnh vực nghiên cứu thị trường lao động, xây dựng, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực chất lượng với Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM,...

Các hoạt động an sinh xã hội cũng được Ngân hàng Nam Á tích cực thực hiện.

V. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á

Bảng 35: Cơ cấu thu nhập của Ngân hàng Nam Á

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		06 tháng đầu năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.246.705	94,84%	7.120.834	95,14%	4.120.536	95,60%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	113.052	2,04%	160.128	2,14%	99.108	2,30%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	44.162	0,80%	38.293	0,51%	39.282	0,91%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	74.742	1,35%	148.117	1,98%	45.242	1,05%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	7.956	0,15%	6.599	0,09%	63	0,00%
Thu nhập từ hoạt động khác	45.573	0,82%	10.771	0,14%	6.212	0,14%
Tổng cộng	5.532.190	100%	7.484.742	100%	4.310.443	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 36: Cơ cấu thu nhập của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		06 tháng đầu năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và	5.246.705	94,74%	7.120.834	95,02%	4.120.614	95,40%

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		06 tháng đầu năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
các khoản thu nhập tương tự						
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	113.049	2,04%	160.509	2,14%	99.165	2,30%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	44.162	0,80%	38.293	0,51%	39.282	0,91%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	-
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	74.742	1,35%	148.117	1,98%	45.242	1,05%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	2.057	0,04%	987	0,01%	63	0,00%
Thu nhập từ hoạt động khác	57.080	1,03%	25.219	0,34%	14.902	0,34%
Tổng cộng	5.537.795	100%	7.493.959	100%	4.319.268	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Tổng thu nhập của Ngân hàng Nam Á có sự tăng trưởng ấn tượng trong các năm qua. Năm 2018, tổng thu nhập tăng 23,09% so với năm 2017, đạt 5.538 tỷ đồng. Năm 2019, tổng thu nhập tiếp tục tăng 35,32% so với năm 2018, đạt 7.494 tỷ đồng. Trong 06 tháng đầu năm 2020, tổng thu nhập của Ngân hàng đạt 4.319 tỷ đồng, bằng 57,64% kết quả đạt được của cả năm 2019.

Đóng góp tỷ trọng cao nhất trong tổng thu nhập của Ngân hàng Nam Á là thu nhập từ lãi và các khoản thu nhập tương tự, đạt 7.121 tỷ đồng, chiếm 95,02% tổng thu nhập trong năm 2019 và trong 06 tháng đầu năm 2020 đạt mức 4.121 tỷ đồng, chiếm 95,40% tổng thu nhập. Đến nay, tốc độ tăng trưởng thu nhập từ lãi đều ở mức khá cao (năm 2017: 22,67%, năm 2018: 33,21%, năm 2019: 35,72%).

Trong năm 2018, thu nhập từ hoạt động khác giảm xuống chỉ còn hơn 57 tỷ đồng so với mức hơn 300 tỷ đồng trong năm 2017. Nguồn thu chủ yếu vẫn đến từ việc thu hồi các khoản nợ đã được xử lý rủi ro (chiếm tỷ trọng khoảng 74%). Năm 2019, khoản thu nhập này chỉ là 25 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,34% tổng thu nhập. Trong 06 tháng đầu năm 2020, thu nhập từ hoạt động khác đạt gần 15 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,34% tổng thu nhập.

Trong năm 2018, do tình hình thị trường chứng khoán không thuận lợi, thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư đã giảm hơn một nửa so với năm trước, chỉ còn 75 tỷ đồng (chiếm 1,35% tổng thu nhập của Ngân hàng) và tăng trưởng mạnh trở lại đạt 148 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2019. Kết thúc 06 tháng đầu năm 2020, khoản thu nhập này đạt hơn 45 tỷ đồng và bằng 30,54% kết quả đạt được của cả năm 2019.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối năm 2018 tăng 40,34% so với năm 2017, đạt 44 tỷ đồng và năm 2019 đạt hơn 38 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Trong 06 tháng đầu năm 2020, khoản thu nhập này đạt hơn 39 tỷ đồng, và xấp xỉ kết quả đạt được của cả năm 2019. Nguyên nhân chính là do Ngân hàng Nam Á đã đẩy mạnh việc giảm thiểu rủi ro bằng nhiều công cụ tài chính phái sinh như hoán đổi, giao ngay và kỳ hạn nhờ vậy mà khoản thu nhập này tăng trưởng khá. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nam Á cũng giúp cho khách hàng có nhu cầu về ngoại tệ tiếp cận được với nguồn vốn giá rẻ đặc biệt là nhu cầu USD trong thời gian qua.

Các khoản thu nhập còn lại đóng góp không đáng kể trong tổng thu nhập của Ngân hàng.

Bảng 37: Cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng Nam Á

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		06 tháng đầu năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	1.700.813	95,29%	2.182.103	88,96%	1.049.698	88,77%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	52.578	2,95%	73.015	2,98%	48.445	4,09%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29.873	1,67%	24.728	1,01%	36.544	3,09%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(68.594)	(3,84%)	64.597	2,63%	-	0,00%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29.255	1,64%	115.910	4,72%	46.113	3,90%
Lãi thuần từ hoạt động khác	33.005	1,85%	(13.993)	(0,57%)	1.597	0,14%
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	7.956	0,44%	6.599	0,27%	63	0,01%
Tổng cộng	1.784.886	100%	2.452.959	100%	1.182.460	100%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 38: Cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		06 tháng đầu năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	1.706.613	95,01%	2.186.136	88,65%	1.053.052	88,15%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	52.524	2,92%	73.365	2,97%	48.496	4,06%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	29.873	1,66%	24.728	1,00%	36.544	3,06%
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(68.594)	(3,82%)	64.597	2,62%	-	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29.255	1,63%	115.910	4,70%	46.113	3,86%
Lãi thuần từ hoạt động khác	44.512	2,48%	331	0,01%	10.287	0,86%
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	2.057	0,12%	987	0,04%	63	0,01%
Tổng cộng	1.796.240	100%	2.466.054	100%	1.194.555	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Tổng thu nhập thuần của Ngân hàng Nam Á trong năm 2019 tăng 37,29% so với năm 2018, đạt 2.466 tỷ đồng, trong đó thu nhập từ lãi thuần chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng thu nhập thuần, chiếm 88,65%, đạt 2.186 tỷ đồng. 06 tháng đầu năm 2020, tổng thu nhập thuần là 1.195 tỷ đồng, trong đó thu nhập từ lãi thuần chiếm 88,15%, đạt 1.053 tỷ đồng.

So với năm 2018, lãi thuần từ hoạt động khác giảm mạnh trong năm 2019, còn 331 triệu đồng. Bên cạnh đó, thu nhập từ hoạt động góp vốn mua cổ phần giảm 02 lần. Trong 06 tháng đầu năm 2020; lãi thuần từ hoạt động khác chiếm 0,86% tổng thu nhập thuần, đạt hơn 10 tỷ đồng; thu nhập từ hoạt động góp vốn mua cổ phần chiếm 0,01% tổng thu nhập thuần, đạt 63 triệu đồng.

Trái ngược với hoạt động khác, hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư lại tăng mạnh cả về thu nhập lẫn lãi thuần. Cụ thể, lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư tăng gần 04 lần so với năm 2018, đạt gần 116 tỷ đồng, chiếm 4,70% tổng thu nhập thuần của Ngân hàng Nam Á. Trong 06 tháng đầu năm 2020, lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu

tư đạt hơn 46 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,86% trên tổng thu nhập thuần.

Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ, kinh doanh ngoại hối chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng thu nhập thuần năm 2019 của Ngân hàng Nam Á, lần lượt là 2,97% và 1,00% và trong 06 tháng đầu năm 2020 lần lượt là 4,06% và 3,06%.

Bảng 39: Kết quả kinh doanh của Ngân hàng Nam Á

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	06 tháng đầu năm 2020
Tổng giá trị tài sản	75.095.575	94.657.366	26,05%	105.699.225
Vốn chủ sở hữu	4.202.172	4.931.875	17,36%	5.081.426
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.246.705	7.120.834	35,72%	4.120.536
Lợi nhuận trước thuế	739.549	921.808	24,64%	194.766
Thuế TNDN	149.776	191.010	27,53%	39.996
Lợi nhuận sau thuế	589.773	730.798	23,91%	154.770
Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân	15,04%	16,00%	-	3,09%
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	12.531	12.678	1,18%	13.063

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 40: Kết quả kinh doanh của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	06 tháng đầu năm 2020
Tổng giá trị tài sản	75.059.004	94.687.435	26,15%	105.713.249
Vốn chủ sở hữu	4.230.082	4.960.385	17,26%	5.114.763
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>3.353.494</i>	<i>3.890.053</i>	<i>16,00%</i>	<i>3.890.053</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.246.705	7.120.834	35,72%	4.120.614
Lợi nhuận trước thuế	742.963	924.546	24,44%	200.904
Thuế TNDN	151.689	192.757	27,07%	41.307
Lợi nhuận sau thuế	591.274	731.789	23,76%	159.597
Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân	14,97%	15,92%	-	3,17%
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	12.614	12.751	1,09%	13.148

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Tại thời điểm cuối năm 2019, tổng tài sản của Ngân hàng Nam Á tăng 26,15% so với năm 2018, đạt 94.687 tỷ đồng; vốn điều lệ tăng thêm gần 537 tỷ đồng so với cuối năm 2018 đạt mức 3.890 tỷ đồng. Đồng thời vốn chủ sở hữu tăng 17,26% từ mức 4.230 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2018 lên 4.960 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2019.

2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng Nam Á

❖ Khó khăn

- Việc mở cửa thị trường tài chính làm tăng số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, áp lực cạnh tranh cũng tăng dần theo lộ trình nới lỏng các quy định đối với các tổ chức tài chính nước ngoài, đặc biệt là các quy định về mở Chi nhánh và các điểm/ phòng giao dịch, phạm vi hoạt động, hạn chế về đối tượng khách hàng và tiền gửi được phép huy động, khả năng mở rộng dịch vụ ngân hàng. Trong khi đó, các tổ chức tài chính Việt Nam còn nhiều yếu kém về trình độ chuyên môn, trình độ quản lý còn bất cập, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh thấp, nợ quá hạn cao, khả năng chống đỡ rủi ro kém... Nguy cơ mất dần lợi thế cạnh tranh về quy mô, khách hàng và hệ thống kênh phân phối khi các hỗ trợ từ phía Chính phủ, NHNN thông qua các rào cản, phân biệt đối xử không còn.
- Mở cửa thị trường tài chính trong nước cũng làm tăng rủi ro do những tác động từ bên ngoài, cơ hội tận dụng chênh lệch tỷ giá, lãi suất giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế giảm dần. Hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng phải đối mặt với các cú sốc kinh tế, tài chính quốc tế và nguy cơ khủng hoảng. Trong trường hợp đó, thị trường vốn chưa phát triển sẽ khiến hệ thống ngân hàng phải chịu mức độ thiệt hại lớn hơn do rủi ro gây nên.
- Trong bối cảnh đó, thể chế của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam còn một số bất cập, hệ thống pháp luật về ngân hàng còn thiếu đồng bộ. Quy trình quản trị trong các tổ chức tín dụng nói chung vẫn chưa phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, tính minh bạch thấp, chưa hình thành môi trường làm việc và kinh doanh lành mạnh. Mặc dù trong những năm qua, Ngân hàng Nam Á đã có sự tư vấn của các công ty tư vấn hàng đầu thế giới và đã đưa vào áp dụng nhiều chuẩn mực quốc tế về quản trị và điều hành nhưng điều đó chỉ giúp nâng cao được năng lực quản trị điều hành của Ngân hàng Nam Á chứ không thể cải thiện được về mặt môi trường chung của cả ngành ngân hàng. Do quy định của các tổ chức xếp hạng về việc xếp hạng của tổ chức không vượt quá xếp hạng của ngành nên xếp hạng của Ngân hàng Nam Á khó có thể được cải thiện nhanh chóng.
- Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến nền kinh tế khiến môi trường hoạt động kinh doanh của ngân hàng cũng gặp nhiều khó khăn. Nợ xấu nội bảng tăng nhanh, nhu cầu tín dụng sụt giảm mạnh. Thêm vào đó việc miễn, giảm lãi, phí và giãn, hoãn nợ cho các khách hàng cũng tác động mạnh đến NIM và kết quả hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng thương mại. Các ngân hàng đang phải mạnh tay hơn trong việc tiết giảm chi phí, cắt giảm lợi nhuận, cắt giảm lương thưởng cán bộ nhân viên để chia sẻ khó khăn với khách hàng.

❖ **Thuận lợi**

Bên cạnh những khó khăn được đề cập ở trên, tình hình kinh tế vĩ mô cũng có một số thuận lợi tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, trong đó có Ngân hàng Nam Á:

- Tăng trưởng kinh tế tiếp tục được ghi nhận ở mức cao và ổn định, đạt 7,02% trong năm 2019, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% đến 6,8%. Đây cũng là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Với mức tăng trưởng 0,36% của quý 2, GDP 06 tháng đầu năm 2020 tăng 1,81%, đây là mức tăng thấp nhất của 06 tháng các năm trong giai đoạn 2011 – 2020. Tuy các hoạt động kinh tế suy giảm và các rủi ro do dịch COVID-19 vẫn còn, nhưng Việt Nam vẫn là một trong số ít những quốc gia trên thế giới duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế dương. Hiện dịch bệnh đang tiếp tục được kiểm soát, các lĩnh vực của nền kinh tế đang bước vào trạng thái hoạt động bình thường trở lại, sản xuất công nghiệp có sự khởi sắc và dần lấy lại đà tăng trưởng.
- Trong những năm gần đây, lạm phát của Việt Nam được kìm chế và duy trì ở mức thấp, dưới 4%/năm. Theo đó, CPI bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Đây cũng là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 03 năm qua. Trong 06 tháng đầu năm 2020, CPI bình quân tăng 4,19% so với cùng kỳ năm 2019 do giá của các mặt hàng lương thực, thực phẩm nhất là thịt lợn tăng mạnh. Tuy vậy, nếu chỉ tính riêng tháng 06, CPI đã giảm 0,59% so với tháng 12/2019, đây cũng là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016 - 2020. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch COVID-19, do giá xăng dầu thế giới giảm mạnh và do nguồn cung gia cầm dồi dào trở lại.
- Tăng trưởng kinh tế đang dịch chuyển theo chiều sâu. Các diễn biến kinh tế vĩ mô khác khá khả quan như lạm phát đang được kiểm soát, lãi suất và tỷ giá khá ổn định, thu hút và giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục tăng, hội nhập quốc tế có bước tiến mạnh mẽ. Tính chung 06 tháng đầu năm 2020, cán cân thương mại hàng hóa tiếp tục xuất siêu 4 tỷ USD bất chấp nhu cầu tiêu thụ toàn cầu suy giảm vì tác động của dịch bệnh, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 10,2 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 14,2 tỷ USD. Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ lệ thất nghiệp giảm dần, thu nhập của người lao động có xu hướng tăng lên.
- Chính phủ đã thực hiện các biện pháp để tăng cường nền kinh tế Việt Nam và định hướng phát triển bền vững lâu dài. Ví dụ, Nghị quyết số 85/2019/QH14 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2020 thông qua ngày 11/11/2019, đã đề ra các biện pháp để ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bao gồm: (i) điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp đồng bộ, hiệu quả với chính sách tài khóa, phân đầu kiểm soát lạm phát theo mục tiêu Quốc hội đề ra trong Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 05 năm 2016 – 2020; (ii) nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế; (iii) phân đầu tăng dự trữ ngoại hối nhà nước; (iv) hạn chế sự phụ thuộc vào một số thị trường; áp dụng hiệu quả các biện pháp phòng vệ thương mại, hàng rào kỹ thuật phù hợp với cam kết quốc tế và điều kiện thực tế của đất nước; (v) kiên quyết xử lý chuyển giá, buôn lậu, gian lận thương mại,

gian lận xuất xứ hàng hóa; tăng cường xuất khẩu chính ngạch, đặc biệt là hàng nông sản; phòng ngừa rủi ro do mất cân đối giữa xuất khẩu, nhập khẩu ở một số địa bàn; (vi) tiếp tục triển khai cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, quyết liệt xử lý các ngân hàng yếu kém; tăng cường sự phối hợp của các cơ quan hữu quan trong quá trình xử lý nợ xấu. Tăng cường hiệu quả, hiệu lực hoạt động thanh tra, giám sát tổ chức tín dụng; (vii) phát triển công nghệ ngân hàng hiện đại và thanh toán điện tử.

Sự hội nhập kinh tế quốc tế cũng mang lại rất nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp không những hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà còn trong lĩnh vực dịch vụ tài chính – ngân hàng, trong đó có Ngân hàng Nam Á:

- Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng là cơ hội để nhiều tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới tìm đến Việt Nam để đầu tư. Kết quả là thu hút FDI của Việt Nam liên tục duy trì mức tăng trưởng ấn tượng trong những năm gần đây. Do đó, các dịch vụ ngân hàng đi kèm như thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ... sẽ được hưởng lợi từ xu thế này.
- Hội nhập quốc tế cũng sẽ tạo cơ hội nâng cao năng lực và hiệu quả điều hành và thực thi chính sách tiền tệ; đổi mới cơ chế kiểm soát tiền tệ, lãi suất, tỷ giá theo nguyên tắc thị trường; cho phép các ngân hàng cơ hội trao đổi thông tin và ngăn ngừa rủi ro, qua đó hạn chế biến động của thị trường quốc tế và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đổi lại, hệ thống ngân hàng thương mại và thị trường tiền tệ hoạt động an toàn và hiệu quả sẽ tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các chính sách tiền tệ; thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý tài chính.

Quá trình tái cơ cấu ngành ngân hàng, xử lý nợ xấu đạt được nhiều thành công:

- Sau giai đoạn đầu của quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thì đến nay về cơ bản các ngân hàng đã và đang trên đà tăng trưởng trở lại. Kết quả này có được là nhờ có sự chỉ đạo quyết liệt của NHNN trong việc xử lý nợ xấu và các ngân hàng yếu kém.
- NHNN đã chủ động làm việc với Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Công an nhằm tìm kiếm các giải pháp giúp các ngân hàng có thể đẩy nhanh quá trình xử lý tài sản đảm bảo đối với các khoản nợ xấu.
- Trong các năm qua, Ngân hàng Nam Á đã tập trung vào việc quản trị rủi ro tín dụng với những nỗ lực lớn trong việc quản lý nợ xấu, đi cùng với tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng cho vay có điểm tín dụng cao.
- Ngân hàng Nam Á có lợi thế về công nghệ và đây tiếp tục là cơ sở giúp Ngân hàng Nam Á đẩy mạnh việc ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ tiên tiến phù hợp với trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng phát triển hệ thống giao dịch trực tuyến, gia tăng năng lực cạnh tranh theo hướng tự động hoá.

VI. VỊ THẾ CỦA NGÂN HÀNG SO VỚI CÁC NGÂN HÀNG KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

1. Vị thế của Ngân hàng Nam Á trong ngành

Ngân hàng Nam Á thuộc nhóm ngân hàng tầm trung của ngành với hoạt động tập trung chủ yếu ở khu vực TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía nam. Trong thời gian qua, Ngân hàng Nam Á đã phát triển và mở rộng thị phần, đạt nhiều giải thưởng từ các tổ chức uy tín trong và ngoài nước như: thương hiệu nổi tiếng Asian (Asian well-known Brand) năm 2013, là 01 trong 03 ngân hàng đầu tiên được chứng nhận ISO/IEC 27001:2005 (Tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý an toàn thông tin – ISMS) năm 2013, đạt danh hiệu Tập thể xuất sắc do Ngân hàng nhà nước công nhận năm 2013, danh hiệu Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững năm 2014, danh hiệu Doanh nghiệp sao vàng năm 2014, danh hiệu Thương hiệu hiệu hàng đầu (Top Brand) năm 2015, Danh hiệu V1000 (Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam) năm 2015, Danh hiệu Top 50 doanh nghiệp có thành tựu xuất sắc năm 2011 – 2015 năm 2015, Chứng nhận ISO 9001:2015 về 02 lĩnh vực cốt lõi là quản lý hoạt động tín dụng và huy động tiền gửi do Tổ chức UKAS (United Kingdom Accreditation Service) chứng nhận năm 2016, danh hiệu Top 20 Doanh nghiệp nhận cúp vàng doanh nghiệp tiêu biểu năm 2016, và giải thưởng Top 100 sản phẩm dịch vụ tốt nhất dành cho gia đình và trẻ em do các Tạp chí uy tín bình chọn năm 2016, danh hiệu Ngân hàng có chính sách chăm sóc khách hàng trung thành tốt nhất Việt Nam năm 2018, Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2018, Top 10 thương hiệu uy tín sản phẩm chất lượng dịch vụ tin dùng năm 2018, Top 100 Doanh nghiệp tiêu biểu Asia năm 2019 do Liên hiệp khoa học doanh nhân Việt Nam trao tặng.

Với nhận thức rằng một trong những lý do chủ chốt tạo nên thành công cho một ngân hàng chính là niềm tin yêu của khách hàng, Ngân hàng Nam Á đã nỗ lực phấn đấu, không ngừng nghiên cứu và thực hiện nhiều chính sách đổi mới về nhân sự, hiện đại hóa công nghệ thông tin, củng cố và mở rộng mạng lưới hoạt động, liên doanh liên kết với các đối tác, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ,... nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng sử dụng sản phẩm – dịch vụ tài chính do Ngân hàng cung cấp. Sự tin nhiệm của khách hàng thể hiện rõ qua kết quả huy động và cho vay tăng trưởng qua các năm, cụ thể như sau:

- Thương hiệu: Là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần thành lập đầu tiên tại Việt Nam, trải qua hơn 27 năm phát triển với hệ thống mạng lưới chi nhánh trải rộng trên khắp cả nước đã giúp Ngân hàng Nam Á trở thành thương hiệu uy tín tại Việt Nam.
- Về năng lực tài chính: Ngân hàng Nam Á luôn tuân thủ quy định về vốn pháp định mà Ngân hàng nhà nước đề ra trong từng thời kỳ. Tính đến thời điểm 30/06/2020, Ngân hàng Nam Á có vốn điều lệ 3.890.053.280.000 đồng. Trong thời gian tới, Ngân hàng Nam Á sẽ tiếp tục tăng vốn điều lệ để đáp ứng tốt những yêu cầu mới trong hoạt động kinh doanh: mở rộng mạng lưới, tăng trưởng về quy mô hoạt động, đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, đầu tư mới công nghệ, phát triển các loại hình dịch vụ, bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn theo quy định,...
- Về mạng lưới hoạt động: Tính đến thời điểm 30/06/2020, tổng số điểm giao dịch trên toàn hệ thống Ngân hàng Nam Á là 106 điểm, bao gồm 01 Trung tâm Kinh doanh, 104 Chi nhánh và Phòng giao dịch và 01 Công ty trực thuộc. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Nam Á đã được trải rộng ra khắp cả nước thay vì tập trung khu vực TP. Hồ Chí Minh như trước đây.
- Về quy mô hoạt động kinh doanh: Đến 30/06/2020, tổng tài sản của Ngân hàng Nam

Á đạt 105.713 tỷ đồng, tăng trưởng 27,12% so với cùng kỳ năm 2019. Hoạt động huy động vốn tiếp tục duy trì được sự ổn định và tăng trưởng bền vững. Năm 2019, số dư huy động của Ngân hàng Nam Á là 87.594 tỷ đồng, tăng 26,53% so với năm 2018 và qua đó hoàn thành 104,38% kế hoạch. Dư nợ tín dụng đạt 79.341 tỷ đồng và đạt 112,58% kế hoạch, tăng trưởng 30,65% so với năm 2018. 06 tháng đầu năm 2020, số dư huy động của Ngân hàng là 98.225 tỷ đồng, tăng 27,78% so với cùng kỳ năm 2019. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nam Á luôn chấp hành đúng các tỷ lệ an toàn trong hoạt động tổ chức tín dụng, cụ thể, tại thời điểm 31/12/2019, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đạt 9,66% (tính theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN) và tỷ lệ dự trữ thanh khoản là 16,94%. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 732 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng luôn duy trì ở mức dưới 3%.

- Về mở rộng và phát triển dịch vụ: Bên cạnh các sản phẩm ngân hàng truyền thống, Ngân hàng Nam Á đã không ngừng nghiên cứu thị trường đưa ra các sản phẩm mới dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dịch vụ của khách hàng.
- Về bộ máy quản trị, điều hành: Hệ thống quản trị điều hành luôn được đánh giá cao.
- Về hệ thống công nghệ thông tin: Đánh giá công nghệ là yếu tố quyết định tới sức cạnh tranh, Ngân hàng Nam Á đã rất chú trọng tới đầu tư nâng cao năng lực công nghệ, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin. Các dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin giúp Ngân hàng Nam Á đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, nâng cao chất lượng và sự phong phú của dịch vụ cung cấp; đồng thời, cũng giúp đảm bảo tính an toàn và bảo mật cho hệ thống Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ sự kiện công nghệ thông tin nào.
- Về nguồn nhân lực:
 - o Đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực quản trị tài chính ngân hàng, có sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố kinh doanh với kỹ năng quản lý ngân hàng.
 - o Đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, giàu nhiệt huyết và gắn bó với sự phát triển của Ngân hàng Nam Á, có trình độ nghiệp vụ chuyên môn tốt, có thái độ phục vụ khách hàng tận tâm, chuyên nghiệp.
 - o Ngân hàng Nam Á luôn chú trọng đến công tác đào tạo và thường xuyên mở các lớp huấn luyện cán bộ nhân viên nhằm tạo ra nguồn nhân lực có kinh nghiệm và kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu.
- Quan hệ với các định chế tài chính: Trong các năm qua, Ngân hàng Nam Á đã nỗ lực mở rộng quan hệ hợp tác với các định chế tài chính trong và ngoài nước. Hiện nay, Ngân hàng Nam Á đã có 174 ngân hàng đại lý tại 37 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.
- So sánh với các Ngân hàng TMCP tương đương với Ngân hàng Nam Á: Các chỉ tiêu so sánh của Ngân hàng Nam Á với các ngân hàng khác chỉ ở mức tương đối nhỏ.
- Theo Ngân hàng Nhà nước hiện nay có khoảng 37 ngân hàng trong nước (bao gồm 31 ngân hàng thương mại cổ phần, 04 ngân hàng thương mại Nhà nước, 02 ngân hàng chính sách) và 09 ngân hàng 100% vốn nước ngoài với hàng chục Chi nhánh đang hoạt

động. Dưới đây là các chỉ số so sánh các ngân hàng có hoạt động kinh doanh và vốn điều lệ tương đương với Ngân hàng Nam Á, chi tiết như sau:

Bảng 41: Bảng chỉ tiêu so sánh các ngân hàng

ĐVT: Tỷ đồng

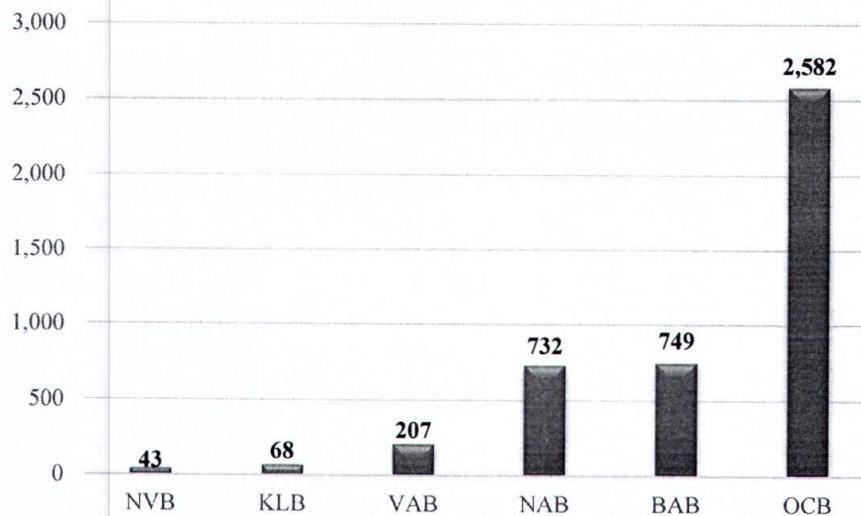
Chỉ tiêu	Nam A Bank	KLB	NVB	BAB	VAB	OCB
Tổng tài sản	94.687	51.102	80.394	107.890	76.447	118.160
Vốn chủ sở hữu	4.960	3.792	4.307	7.815	4.442	11.507
Vốn điều lệ	3.890	3.237	4.102	6.500	3.500	7.899
Tiền gửi của khách hàng	70.744	32.921	59.095	76.163	47.429	69.142
Cho vay khách hàng	67.546	33.480	37.911	72.933	42.624	71.091
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	7.121	3.898	5.291	8.936	4.918	9.638
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	912	161	379	1.089	642	4.164
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	12	75	72	155	366	933
Các khoản xử lý theo đề án tái cấu trúc ngân hàng	-	-	253	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	925	86	55	934	276	3.231
Lợi nhuận sau thuế	732	68	43	749	207	2.582
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	15,92%	1,79%	1,14%	10,06%	4,78%	25,43%
Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân	0,86%	0,14%	0,06%	0,73%	0,28%	2,37%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 của các ngân hàng

Ghi chú: KLB: Ngân hàng TMCP Kiên Long, NVB: Ngân hàng TMCP Quốc Dân, BAB: Ngân hàng TMCP Bắc Á, VAB: Ngân hàng TMCP Việt Á và OCB: Ngân hàng TMCP Phương Đông.

Bên cạnh việc đánh giá khả năng sinh lời của các ngân hàng thông qua tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận sau thuế thì cũng cần xét đến yếu tố chất lượng của lợi nhuận thông qua chỉ tiêu tỷ lệ nợ xấu/ tổng dư nợ. Chất lượng lợi nhuận có thể bị ảnh hưởng từ việc các ngân hàng chạy đua tăng trưởng tín dụng mà không đánh giá kỹ lưỡng khả năng chi trả của khách hàng, từ đó làm phát sinh nợ xấu, làm cho ngân hàng có khả năng mất vốn.

Hình 3: Biểu đồ so sánh Lợi nhuận sau thuế của các ngân hàng



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 của các ngân hàng

2. Triển vọng phát triển ngành

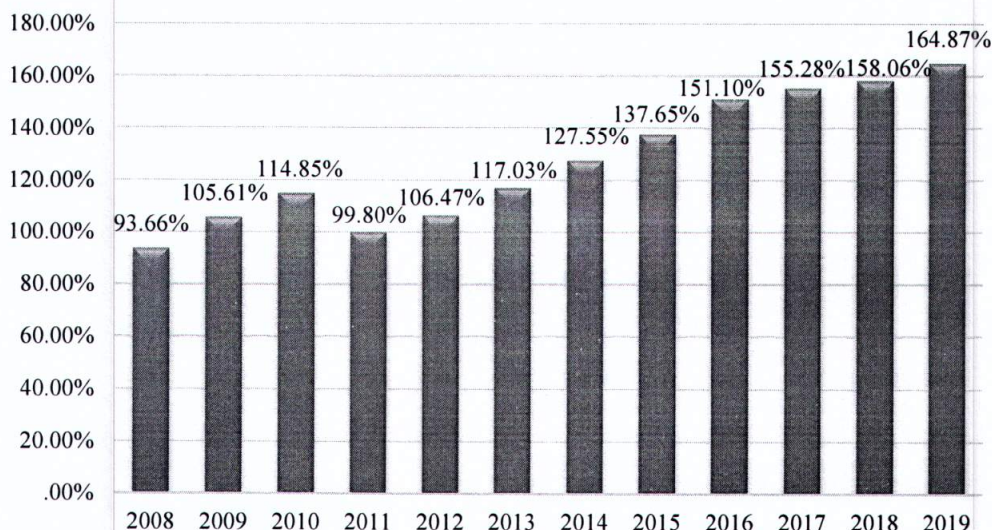
❖ Triển vọng kinh tế vĩ mô trong thời gian tới

Kinh tế Việt Nam năm 2020 được dự báo sẽ gặp nhiều thách thức do tình hình hạn hán, xâm nhập mặn, dịch tả lợn châu Phi chưa được khống chế hoàn toàn, dịch cúm gia cầm H5N6, H5N1, thẻ vàng xuất khẩu thủy sản khai thác biển do Ủy ban châu Âu đưa ra chưa được gỡ bỏ, đặc biệt là dịch viêm phổi cấp COVID-19. Diễn biến tình hình COVID-19 diễn ra khá phức tạp, khó lường và chưa dự báo được đỉnh dịch, thời điểm kết thúc, quy mô và phạm vi tác động. Dịch đã, đang và sẽ ảnh hưởng toàn diện đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội của nước ta; ảnh hưởng tới sức mua, gây thiếu hụt lao động tức thời, gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá khả năng GDP năm 2020 đạt mức tăng trưởng 6,8% như mục tiêu là thách thức rất lớn.

Kinh tế Việt Nam còn phải đối mặt với tình trạng bất ổn từ bối cảnh kinh tế quốc tế, như các cuộc xung đột chính trị tiếp tục diễn biến phức tạp tác động đến giá hàng hóa thế giới, chính sách bảo hộ thương mại của các quốc gia tiếp tục gia tăng, cạnh tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ tác động sâu rộng đến tăng trưởng kinh tế và chuỗi giá trị toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Thuế quan gia tăng và tình trạng bấp bênh kéo dài do chính sách thương mại gây ra đã làm suy yếu hoạt động đầu tư và nhu cầu hàng hóa lâu bền. Lĩnh vực sản xuất tiếp tục trì trệ và thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm.

Mặc dù Chính phủ đã có sự điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng kinh tế phù hợp với thực tế, trong đó ưu tiên kiềm chế lạm phát, nguy cơ lạm phát vẫn hiện hữu do tác động của xu hướng tăng giá thịt lợn. Thêm vào đó, tình hình dịch bệnh có thể gây suy giảm đáng kể lĩnh vực sản xuất, làm gián đoạn quá trình thu hoạch và vận chuyển, cùng với việc đóng cửa biên giới và phong tỏa, cách ly các khu vực bị nhiễm dịch sẽ đẩy chi phí đưa thực phẩm đến tay người tiêu dùng lên cao. Tình trạng gia tăng tích trữ lương thực, thực phẩm thiết yếu có thể khiến thực phẩm khan hiếm và làm gia tăng chi số giá hàng ăn và dịch vụ ăn uống. Thêm vào đó là sự tăng giá của thuốc và dịch vụ y tế để đáp ứng nhu cầu ngăn ngừa dịch bệnh lan truyền cũng góp phần gia tăng áp lực lạm phát.

Hình 4: Tỷ lệ cung tiền trên GDP giai đoạn 2008 – 2019 của Việt Nam



Nguồn: Số liệu do Ngân hàng thế giới công bố

Bên cạnh đó, tốc độ tăng trưởng cung tiền của Việt Nam trong những năm qua không ngừng gia tăng và hiện đang ở mức cao so với các nước trong khu vực tạo sức ép đối với lạm phát. Năm 2019, tỷ lệ cung tiền trên GDP của Việt Nam đạt mức 164,87%, cao nhất khối các nước Đông Nam Á.

Dù vậy, kinh tế Việt Nam năm 2020 vẫn có nhiều điểm sáng.

Vốn FDI được dự báo sẽ đạt nhiều kết quả tích cực nhờ hưởng lợi từ nhiều yếu tố thuận lợi của nền kinh tế như môi trường kinh doanh được cải thiện; kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng, 16 hiệp định thương mại (FTA) quan trọng đã được ký kết thời gian qua, trong đó 12 FTA đã có hiệu lực; sự đánh giá tích cực của các tổ chức và nhà đầu tư nước ngoài về triển vọng đầu tư tại Việt Nam và sự dịch chuyển của dòng vốn do tác động của thương chiến Mỹ Trung.

Luật Đầu tư công (sửa đổi) vừa được Quốc hội thông qua được kỳ vọng sẽ đẩy nhanh hơn tiến độ giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2020. Luật mới sẽ làm rõ trách nhiệm của cá nhân lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương; xác định cá nhân lãnh đạo chịu trách nhiệm toàn diện về kết quả giải ngân... Đồng thời, Chính phủ chủ động cho phép điều chuyển vốn tồn đọng, không thể giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân nhanh. Giải ngân đầu tư công được cải thiện đáng kể, tính chung 07 tháng đầu năm 2020, giải ngân vốn đầu tư công đạt 203 nghìn tỷ đồng, bằng 42,7% kế hoạch năm và tăng 27,2% so với cùng kỳ năm trước. Giải ngân sẽ tiếp tục được cải thiện trong năm 2020 vì đây là một trong các biện pháp tài khóa ưu tiên để ứng phó với dịch COVID-19.

Việc Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/NQ – CP ngày 01/01/2020 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020 cũng mang lại bầu không khí lạc quan hơn cho doanh nghiệp, trong đó khu vực kinh tế tư nhân đã và đang trở thành trung tâm của cải cách. Đây là động thái cho thấy thông điệp rất rõ ràng của Chính phủ trong việc quyết tâm cải thiện môi

trường đầu tư, tạo điều kiện cho cộng đồng doanh nghiệp trước thềm năm 2020.

Mặc dù thương mại và du lịch giảm sút do COVID-19 có thể khiến nguồn cung ngoại tệ không dồi dào như năm 2019, cùng với việc tiếp tục chịu nhiều áp lực từ thị trường tài chính thế giới nhưng với nguồn dự trữ ngoại hối đã tích lũy được trong các năm qua giúp NHNN có thể chủ động hơn trong việc điều hành và bình ổn thị trường khi cần thiết nhằm đảm bảo nhiều mục tiêu quan trọng trong những năm tiếp theo. Trong năm 2019, NHNN đã liên tục mua vào lượng ngoại tệ lớn đưa tổng mức dự trữ lên cao nhất từ trước đến nay ở mức 79 tỷ USD tại thời điểm 30/12/2019. Lượng dự trữ này tương đương khoảng 14 tuần nhập khẩu, ở mức an toàn theo tiêu chí đánh giá của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm ở hầu hết các kỳ hạn trong năm 2019; tăng trưởng tín dụng thấp, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng 14%. NHNN đã làm rất tốt vai trò của mình trước diễn biến khó lường của thị trường tài chính thế giới gây ra không ít áp lực lên chính sách điều hành lãi suất và tỷ giá, đảm bảo thanh khoản cho hệ thống ngân hàng hoạt động ổn định. Đầu năm 2020, NHNN đã chỉ đạo các Ngân hàng thương mại không tăng lãi suất cũng như có các biện pháp hỗ trợ khách hàng vay để giảm thiểu thiệt hại với nền kinh tế do ảnh hưởng của COVID-19. Để hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng, trong thời gian vừa qua, Chính phủ đã công bố gói hỗ trợ tiền tệ trị giá khoảng 300.000 tỷ đồng để cơ cấu lại thời hạn trả nợ miễn, giảm lãi suất và phí. Như vậy, mặt bằng lãi suất nhiều khả năng sẽ được duy trì ổn định trong bối cảnh giải ngân đầu tư công năm 2020 được kỳ vọng sẽ có kết quả tốt.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành ngân hàng**

Ngành ngân hàng Việt Nam đang trải qua giai đoạn tăng trưởng ổn định, với mức tăng trưởng cao nhất so với ngành ngân hàng ở các quốc gia ASEAN khác.

Năm 2020 được xem là năm bản lề đối với ngành Ngân hàng khi hệ thống phải kết thúc giai đoạn tái cơ cấu xử lý nợ xấu; 100% Ngân hàng thương mại cổ phần phải hoàn thành thực hiện niêm yết, đăng ký giao dịch chính thức trên thị trường chứng khoán. Ước tính đến tháng 12/2019, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của toàn hệ thống vào khoảng 1,8%, đạt mục tiêu dưới 2%. Từ năm 2012 đến cuối tháng 12/2019, hệ thống đã xử lý được hơn 1.000.000 tỷ nợ xấu. Trong đó, từ tháng 08/2017 đến hết năm 2019, ước tính hệ thống đã xử lý được gần 306.000 tỷ nợ xấu.

Hiệp định EVFTA và EVIPA vừa được Nghị viện châu Âu thông qua được kỳ vọng sẽ tác động tích cực đến lĩnh vực ngân hàng. Theo đó, trong vòng 05 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, các tổ chức tín dụng EU sẽ được phép nâng mức nắm giữ cổ phần lên 49% vốn điều lệ tại 02 ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam, trừ 04 ngân hàng Nhà nước đang nắm cổ phần chi phối. Trong dịch vụ bảo hiểm, Việt Nam cho phép nhượng tái bảo hiểm qua biên giới, cam kết dịch vụ bảo hiểm y tế tự nguyện theo luật Việt Nam.

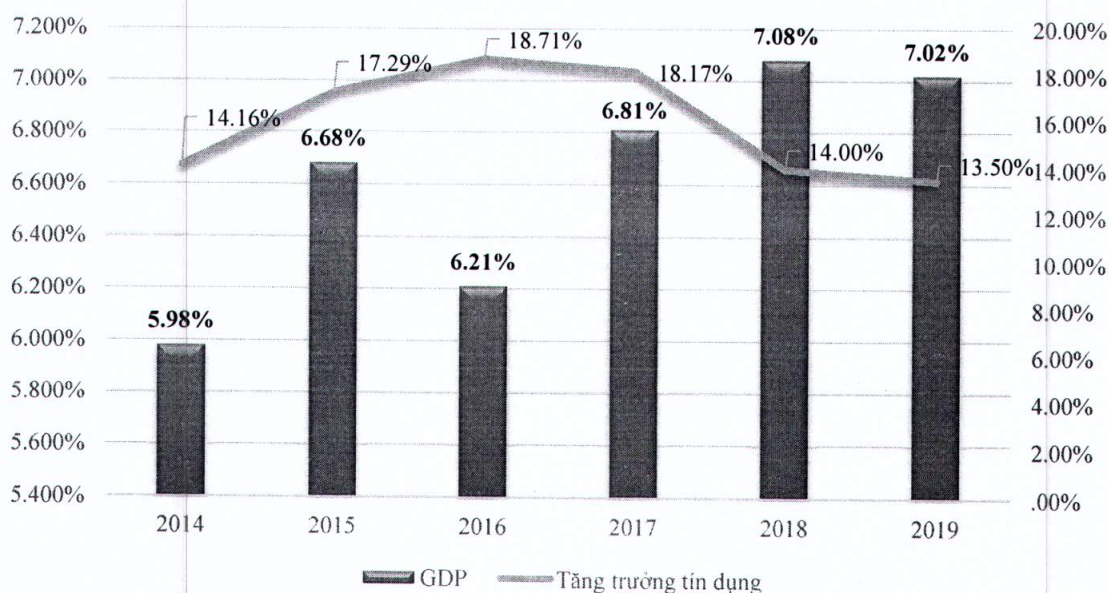
Sự phát triển của ngành ngân hàng còn được hỗ trợ bởi các chỉ số kinh tế vĩ mô tích cực tại Việt Nam, với dân số trẻ chuyển dịch dần từ hoạt động nông nghiệp sang làm việc tại các ngành sản xuất và dịch vụ, tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, tăng trưởng tầng lớp trung lưu, thu nhập và chi tiêu tăng nhanh và thu nhập khả dụng cũng có xu hướng đi lên.

Số lượng người có tài khoản ngân hàng cũng tăng lên nhanh chóng, tương tự số lượng thẻ ngân hàng do các ngân hàng phát hành và số lượng giao dịch phi tiền mặt thông qua ATM và POS cũng tăng cao.

Bên cạnh đó, tỷ lệ dân số tiếp cận được các dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam đang ở mức thấp. Theo số liệu thống kê từ The Little Data Book on Financial Inclusion 2018, tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên sử dụng tài khoản của Việt Nam chỉ đạt 30,8%, thấp hơn gần 2,3 lần so với các nước Đông Á, ngay cả nhóm các nước thu nhập trung bình thấp cũng đạt tới 57,8% cao hơn nhiều so với Việt Nam. Tỷ lệ người dân Việt Nam cất trữ tiền tại nhà là 57,4% cao hơn so với người dân các nước thu nhập trung bình thấp (39,7%) và các nước Đông Á (53,1%). Ngoài ra, tỷ lệ sử dụng các sản phẩm tài chính của Việt Nam vẫn còn rất hạn chế (cho vay cầm cố – khoảng 6% GDP, thẻ tín dụng – khoảng 5%, bảo hiểm nhân thọ – khoảng 1% và cho vay mua ô tô – khoảng 1%). Chính điều này cho thấy có rất nhiều cơ hội cho sự phát triển của ngành ngân hàng nói chung và Ngân hàng Nam Á nói riêng.

Năm 2019, tăng trưởng dư nợ tín dụng của hệ thống ngân hàng ước đạt 13,5%, thấp hơn mức tăng thực tế 13,88% của năm 2018 trong bối cảnh tỷ lệ nợ xấu có dấu hiệu tăng trở lại và sát với mục tiêu đề ra 14% từ đầu năm. Theo đó, đây là tỷ lệ tăng trưởng tín dụng thấp nhất kể từ năm 2014. Theo báo cáo về môi trường kinh doanh 2020 của Ngân hàng Thế giới công bố vào cuối tháng 10, chỉ số tiếp cận tín dụng của Việt Nam xếp 25/190 nền kinh tế, đứng thứ 02 trong các nước ASEAN.

Hình 5: Tốc độ tăng trưởng tín dụng so với tốc độ tăng trưởng GDP



Nguồn: Tổng cục thống kê, NHNN

Mặc dù lịch trình triển khai Basel II được đẩy lùi sẽ làm giảm áp lực lên các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, việc nâng Hệ số rủi ro của Các khoản phải đòi để kinh doanh bất động sản dùng tính Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) được nâng từ mức 150% lên 200% và lộ trình giảm tỷ lệ tối đa nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn của các ngân hàng thương mại từ mức 40% xuống 30% (theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019

và Thông tư 08/2020/TT-NHNN ngày 14/08/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 22/2019/TT-NHNN) sẽ khiến các ngân hàng thận trọng hơn trong việc cho vay kinh doanh bất động sản, đồng thời khiến các ngân hàng phải đẩy mạnh cho vay ngắn hạn, hướng vào các sản phẩm như vay vốn lưu động, vay tiêu dùng... Ngoài ra, Thông tư 22/2019/TT-NHNN cũng quy định rõ tỷ lệ cấp tín dụng so với vốn huy động từ ngày 01/01/2020 tối đa ở mức 85%. Đây là quy định sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các ngân hàng bởi tỷ lệ cho vay so với huy động của các ngân hàng đang ở mức khá cao. Điều này cũng sẽ làm cho nguồn vốn cung ra nền kinh tế trong giai đoạn tới sẽ khó khăn hơn và lãi suất sẽ khó giảm thêm. Đồng thời, mặc dù dự báo lạm phát và tỷ giá năm 2020 sẽ không biến động mạnh, tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm lại khiến cho áp lực thanh khoản đối với các ngân hàng không cao nhưng dự kiến các ngân hàng sẽ phải nâng huy động trung, dài hạn để đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định.

Tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế trong 06 tháng đầu năm 2020 chỉ là 3,26% so với mức tăng 7,36% của cùng kỳ năm trước, do bị ảnh hưởng từ dịch COVID-19. Nếu dịch bệnh kéo dài sẽ dẫn tới sự gia tăng các khoản nợ xấu từ những doanh nghiệp sản xuất, thương mại và doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực có mối quan hệ chặt chẽ với chuỗi cung ứng toàn cầu.

Sức ép tập trung vào một số sản phẩm và kỳ hạn nhất định sẽ làm tăng áp lực cạnh tranh đối với các tổ chức tín dụng tại Việt Nam năm 2020, trong đó các tổ chức tín dụng nhỏ và có năng lực yếu có thể sẽ càng phải phụ thuộc vào giá cả để cạnh tranh với các tổ chức tín dụng có uy tín và nguồn lực để thu hút và phục vụ khách hàng. Điều đó sẽ khiến biên lợi nhuận của các tổ chức tín dụng này tiếp tục bị thu hẹp, trong khi vẫn tiếp tục phải đối mặt với áp lực trích lập dự phòng để xử lý các tài sản có chất lượng thấp tồn đọng từ trước đó. Ngược lại, các tổ chức tín dụng có năng lực tốt có thể sẽ tận dụng cơ hội này để tiếp tục mở rộng hoạt động và đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn và càng phức tạp của khách hàng.

3. Số lượng người lao động

Tính đến ngày 30/06/2020, Ngân hàng Nam Á có 3.312 lao động, với cơ cấu như sau:

Bảng 42: Cơ cấu lao động thời điểm 30/06/2020

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ	3.312	100%
+ Trình độ trên đại học	91	2,75%
+ Trình độ đại học	2.349	70,92%
+ Trình độ cao đẳng, trung cấp	498	15,04%
+ Lao động phổ thông	374	11,29%
II. Phân theo tính chất của hợp đồng	3.312	100%
+ Lao động không xác định thời hạn	1.141	34,45%
+ Lao động có thời hạn từ 12 – 36 tháng	1.947	58,79%

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
+ Lao động có thời hạn dưới 12 tháng	224	6,76%
+ Lao động thuộc diện không ký Hợp đồng lao động	-	-
III. Phân theo giới tính	3.312	100%
+ Nam	1.678	50,66%
+ Nữ	1.634	49,34%
IV. Phân theo bộ phận	3.312	100%
+ Cán bộ quản lý	713	21,53%
+ Nhân viên nghiệp vụ	2.599	78,47%

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

4. Chính sách đối với người lao động

Môi trường làm việc

Với mục tiêu xây dựng Ngân hàng Nam Á trở thành ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam, nhằm thỏa mãn cao nhất các yêu cầu và sự mong đợi của khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư, Ngân hàng Nam Á luôn quan tâm xây dựng nét văn hóa riêng, đội ngũ nhân viên lịch sự, chuyên nghiệp, sáng tạo, nhiệt huyết với nghề và bản lĩnh vững vàng trong cuộc sống. Đến với Ngân hàng Nam Á, người lao động sẽ cảm nhận được sự thân thiện, nhiệt tình, đoàn kết và một môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Chính sách đối với người lao động

Người lao động làm việc tại Ngân hàng Nam Á được hưởng đầy đủ các chế độ lương, thưởng, trợ cấp theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, công đoàn và các đoàn thể của Ngân hàng thường xuyên quan tâm đến các phong trào thi đua lao động sản xuất, khen thưởng kịp thời, quan tâm đến đời sống của người lao động, thực hiện tốt các chế độ chính sách ưu đãi cho CBNV Ngân hàng.

- Chính sách tuyển dụng: Công tác tuyển dụng được thực hiện bài bản, chất lượng hơn, chuyên nghiệp hơn, hướng tới đáp ứng tốt hơn nhu cầu về nhân sự toàn ngân hàng.
 - o Tuyển dụng công khai, thống nhất về quy trình, quy định trong toàn hệ thống.
 - o Thu hút nhân tài, tuyển dụng đúng người theo tiêu chuẩn quy định và bố trí đúng việc để phát huy năng lực, sở trường của CBNV.
 - o Ưu tiên tuyển dụng lao động có kinh nghiệm đang làm việc trong ngành Tài chính – Ngân hàng hoặc các ứng viên được đào tạo chuyên môn cao ở các trường Đại học có uy tín trong và ngoài nước theo định hướng nguồn nhân lực của Ngân hàng Nam Á.

- Chính sách đào tạo:

Các hoạt động đào tạo nội bộ được Ngân hàng phối hợp với các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp, tổ chức thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao năng lực

chuyên môn, nghiệp vụ của CBNV toàn hàng cũng như năng lực quản lý của các cấp lãnh đạo.

Ngân hàng Nam Á luôn tạo điều kiện để CBNV có cơ hội đào tạo, phát triển nhằm xây dựng đội ngũ CBNV tinh thông về nghiệp vụ, có đạo đức nghề nghiệp, nhiệt tâm phục vụ khách hàng với phong cách làm việc chuyên nghiệp.

- Toàn bộ CBNV mới tuyển dụng vào Ngân hàng Nam Á sẽ được tham gia chương trình đào tạo hội nhập nhằm giúp CBNV hiểu rõ lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng Nam Á, hiểu rõ môi trường làm việc, các sản phẩm của Ngân hàng Nam Á và được đào tạo, huấn luyện về nghiệp vụ để nắm bắt và hòa nhập nhanh nhất với công việc tại Ngân hàng Nam Á.
- Chính sách đào tạo nâng cao: Hàng năm, Ngân hàng Nam Á thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng, kiến thức về nghiệp vụ chuyên cho các CBNV trong quá trình làm việc để tiếp tục hoàn thiện và nâng cao nghiệp vụ, phục vụ tốt cho công việc tại Ngân hàng Nam Á. Kết quả đạt được của CBNV sau mỗi khóa học sẽ là một trong những cơ sở xem xét đề bạt, thăng tiến CBNV.
- Trong năm 2019, Nam A Bank đã triển khai nhiều chương trình đào tạo nhằm nâng cao, phát triển đội ngũ nhân lực có chất lượng cao, cụ thể như “Kỹ năng bán hàng cho đội ngũ kinh doanh”, “Tập huấn CBNV Đơn vị kinh doanh kỹ năng, nghiệp vụ bán sản phẩm bảo hiểm nhân thọ FWD”, “Lớp thanh toán quốc tế”, “Tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm tìm kiếm, thẩm định khách hàng doanh nghiệp”, “CBNV Tân tuyển cho công tác mở rộng mạng lưới”,...Đồng thời chất lượng giảng viên nội bộ luôn được chú trọng và nâng cao.
- Chính sách thăng tiến và phát triển nghề nghiệp:

Tại Ngân hàng Nam Á, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch quy hoạch sử dụng nguồn nhân lực với một quy trình rõ ràng, nhằm tạo động lực phấn đấu cho tất cả các nhân viên cũng như giữ chân nhân tài cho Ngân hàng.

 - Ngân hàng có chính sách quy hoạch nguồn cán bộ lâu dài từ những CBNV có tâm huyết, đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, có thành tích trong lao động được lãnh đạo đơn vị đánh giá cao và đưa vào nguồn cán bộ quy hoạch dài hạn cho Ngân hàng. Những cán bộ thuộc diện quy hoạch sẽ được bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để điều hành các hoạt động của Ngân hàng trong những năm tiếp theo.
 - Ngân hàng có kế hoạch đánh giá năng lực và công việc định kỳ hàng tháng, quý, qua đó đánh giá mục tiêu công việc, mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân đồng thời cũng là cơ sở nhằm quy hoạch nguồn nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Ngân hàng.
- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:

Ngân hàng Nam Á luôn chú trọng tới việc xây dựng hệ thống lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ cho CBNV phù hợp với từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, bảo đảm tính

linh hoạt, công bằng, tương xứng mức độ cống hiến và cạnh tranh trên thị trường lao động. Trong 06 tháng đầu năm 2020, thu nhập bình quân của cán bộ, công nhân viên Ngân hàng Nam Á là 16 triệu đồng/người/tháng.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi cũng được Ngân hàng xem xét, điều chỉnh phù hợp theo hướng gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của toàn hàng cũng như năng suất, KPIs. Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019: HĐQT đã thực hiện trích 20% phần Lợi nhuận vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao để động viên và khích lệ kịp thời CBNV có những đóng góp vào kết quả kinh doanh vượt trội cho Ngân hàng Nam Á trong năm 2019.

○ Lương và phụ cấp lương:

- Lương cơ bản: là mức lương CBNV được hưởng theo ngạch bậc phù hợp với chức trách công việc đảm nhiệm tại Ngân hàng Nam Á.
- Lương kinh doanh: là tiền lương mà CBNV được hưởng căn cứ vào hiệu quả kinh doanh chung của từng đơn vị, của Ngân hàng Nam Á và đánh giá kết quả thực hiện công việc của cá nhân.
- Phụ cấp lương: là các khoản bổ sung thường xuyên được tính thêm trong thu nhập tùy theo tính chất và điều kiện thực hiện công việc của CBNV, bao gồm: phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp hiệu quả, phụ cấp chức vụ, phụ cấp khuyến khích (áp dụng cho cán bộ nhân viên có thêm bằng Cử nhân, bằng Thạc sỹ, bằng Tiến sỹ theo ngành nghề chuyên môn ngân hàng), phụ cấp thâm niên, phụ cấp độc hại, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp thu hút đãi ngộ, phụ cấp đi lại...
- Xét nâng bậc lương cho CBNV: CBNV có thành tích vượt trội trong công tác được Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nam Á xét nâng bậc lương.

○ Thưởng:

Ngân hàng Nam Á áp dụng chính sách thưởng nhằm động viên, khuyến khích CBNV toàn hệ thống nỗ lực cống hiến và phấn đấu hết mình trên mọi vị trí công tác để xây dựng Ngân hàng Nam Á ngày càng phát triển và lớn mạnh. Những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc sẽ được tôn vinh và khen thưởng xứng đáng, kịp thời theo những quy định thống nhất, công bằng và công khai, kết hợp khen thưởng tinh thần và khen thưởng vật chất (giấy khen, hiện kim, tham quan du lịch trong hoặc ngoài nước).

○ Phúc lợi, đãi ngộ:

- Chế độ bảo hiểm: tất cả CBNV ký hợp đồng lao động chính thức với Ngân hàng Nam Á đều được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đúng với Bộ Luật lao động.
- Chế độ khám sức khỏe định kỳ: Ngân hàng Nam Á tổ chức khám sức khỏe cho CBNV định kỳ hàng năm.
- Chế độ đồng phục: Hàng năm CBNV Ngân hàng Nam Á được hỗ trợ chi phí để

may đồng phục.

- Chế độ nghỉ ngơi và vui chơi tập thể: CBNV làm việc tại Ngân hàng Nam Á được hưởng 12 hoặc 14 ngày nghỉ phép/năm tùy chức danh và cứ mỗi 05 năm thâm niên làm việc tại Ngân hàng Nam Á thì CBNV được hưởng thêm 01 ngày phép/năm.
- Chế độ cho vay ưu đãi đối với CBNV có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nam Á để tiêu dùng, mua xe gắn máy, xe ô tô, nhà ở... với mức vay và thời gian vay theo quy định của Ngân hàng Nam Á.
- Các chính sách khác: công tác phí, phụ cấp ăn trưa, đi lại, sinh nhật...
- Quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm:

Công tác quy hoạch nhân sự kế thừa được thực hiện xuyên suốt thông qua các chương trình thi đua, các chương trình đánh giá, tổ chức các đợt thi nghiệp vụ, ngày hội bán hàng, kỳ thi Trạng Nguyên Nam A Bank, ... nhằm phát hiện các nhân sự nổi bật, giỏi chuyên môn, vững kỹ năng đáp ứng yêu cầu công việc thực tế của Đơn vị để đào tạo và bổ nhiệm thăng tiến.

VII. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nam Á, các quy định của pháp luật, việc chi trả cổ tức của Ngân hàng Nam Á phụ thuộc các yếu tố sau:

- Ngân hàng chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi kết quả hoạt động kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương ứng với tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Năm 2018, Ngân hàng Nam Á đã hoàn tất việc trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 11%, nâng vốn điều lệ lên 3.353 tỷ đồng. Năm 2019, Ngân hàng Nam Á tiếp tục phát hành thêm 53.655.907 cổ phần để trả cổ tức với tỷ lệ 16%, nâng vốn điều lệ lên 3.890 tỷ đồng.

VIII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Các chỉ tiêu cơ bản

1.1 Hoạt động trích khấu hao TSCĐ

Ngân hàng Nam Á tiến hành trích khấu hao theo đúng quy định của nguyên tắc kế toán. Tài sản cố định của Ngân hàng Nam Á khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Bảng 43: Thời gian khấu hao

TT	Nhóm thiết bị	Thời gian
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30 năm
2	Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
3	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	06 – 10 năm
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
5	Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 10 năm
6	Quyền sử dụng đất (*)	Theo thời hạn thuê
7	Phần mềm máy tính	03 – 08 năm

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

(*) Quyền sử dụng đất có thời hạn được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất được phân bổ theo thời hạn được giao là 47 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

1.2 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hàng tháng năm 2019 của người lao động trong Ngân hàng là 23 triệu đồng/người/tháng. So sánh với mức lương của các Ngân hàng trên cùng địa bàn mức thu nhập này ở mức khá.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 44: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	06 tháng đầu năm 2020
Vốn tự có			
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	3.353	3.890	3.890
Tỷ lệ an toàn vốn	11,15%	9,66%	8,99%
Chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ xấu	1,54%	1,97%	2,93%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước KH + Các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	67,77%	71,56%	73,04%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	96,90%	94,87%	95%
Kết quả hoạt động kinh doanh			

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	06 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	14,97%	15,92%	3,17%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	0,91%	0,86%	0,16%
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	2,04%	2,12%	2,30%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	7,07%	7,94%	24,14%
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	19,30%	16,94%	17,12%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	16,74%	17,65%	20,71%

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

IX. TÀI SẢN

Bảng 45: Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 31/12/2019

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/nguyên giá (%)
I. Tài sản cố định hữu hình	809.007	448.892	55,49%
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	396.041	282.977	71,45%
2. Máy móc, thiết bị	228.485	84.163	36,84%
3. Phương tiện vận tải	137.317	70.268	51,17%
4. Thiết bị, dụng cụ quản lý	33.241	7.697	23,16%
5. TSCĐ khác	13.923	3.787	27,20%
II. Tài sản cố định thuê tài chính	71.411	32.746	45,86%
III. Tài sản cố định vô hình	509.541	400.072	78,52%
1. Quyền sử dụng đất	367.968	366.351	99,56%
2. Phần mềm máy tính	141.573	33.721	23,82%
Tổng cộng	1.389.959	881.710	63,43%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2019 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 46: Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 31/12/2019 (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/nguyên giá (%)
I. Tài sản cố định hữu hình	810.012	449.364	55,48%

	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/nguyên giá (%)
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	396.041	282.977	71,45%
2.	Máy móc, thiết bị	228.571	84.163	36,82%
3.	Phương tiện vận tải	138.235	70.739	51,17%
4.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	33.242	7.698	23,16%
5.	TSCĐ khác	13.923	3.787	27,20%
II.	Tài sản cố định thuê tài chính	72.225	33.141	45,89%
III.	Tài sản cố định vô hình	509.541	400.072	78,52%
1.	Quyền sử dụng đất	367.968	366.351	99,56%
2.	Phần mềm máy tính	141.573	33.721	23,82%
	Tổng cộng	1.391.778	882.577	63,41%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 47: Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 30/06/2020

DVT: Triệu đồng

	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/nguyên giá (%)
I.	Tài sản cố định hữu hình	827.079	428.976	51,87%
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	396.364	275.995	69,63%
2.	Máy móc, thiết bị	232.489	77.123	33,17%
3.	Phương tiện vận tải	150.569	65.824	43,72%
4.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	33.679	6.881	20,43%
5.	TSCĐ khác	13.978	3.153	22,56%
II.	Tài sản cố định thuê tài chính	74.555	39.612	53,13%
III.	Tài sản cố định vô hình	522.348	405.849	77,70%
1.	Quyền sử dụng đất	371.016	369.250	99,52%
2.	Phần mềm máy tính	151.332	36.599	24,18%
	Tổng cộng	1.423.982	874.437	61,41%

Nguồn: BCTC riêng soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 48: Tình hình tài sản cố định đến thời điểm 30/06/2020 (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/nguyên giá (%)
I. Tài sản cố định hữu hình	828.084	429.372	51,85%
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	396.364	275.995	69,63%
2. Máy móc, thiết bị	232.575	77.123	33,16%
3. Phương tiện vận tải	151.487	66.219	43,71%
4. Thiết bị, dụng cụ quản lý	33.680	6.882	20,43%
5. TSCĐ khác	13.978	3.153	22,56%
II. Tài sản cố định thuê tài chính	75.369	39.939	52,99%
III. Tài sản cố định vô hình	522.348	405.849	77,70%
1. Quyền sử dụng đất	371.016	369.250	99,52%
2. Phần mềm máy tính	151.332	36.599	24,18%
Tổng cộng	1.425.801	875.160	61,38%

Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

Bảng 49: Danh mục bất động sản thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng Nam Á tại thời điểm 30/06/2020

TT	Địa chỉ	Diện tích sử dụng (m ²)	Nguyên giá giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Thời gian sử dụng (quyền sử dụng đất)
1	201-203 Cách Mạng Tháng Tám, P.4, Q.3, TP.HCM	20.283	545.817.369.047	Lâu dài
2	314 Võ Duy Linh, P.1, TX. Gò Công, Tiền Giang	400,30	9.292.666.224	Lâu dài
3	315 Võ Duy Linh, P.1, TX. Gò Công, Tiền Giang	225,20	5.478.776.774	Lâu dài
4	316 Võ Duy Linh, KP4, P.1, TX. Gò Công, Tiền Giang	225,20	5.478.776.774	Lâu dài
5	Nhà 594 (số cũ 386) Thống Nhất, P. Đạo Long, TX. Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận	165,00	9.892.514.101	Lâu dài

TT	Địa chỉ	Diện tích sử dụng (m ²)	Nguyên giá giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Thời gian sử dụng (quyền sử dụng đất)
6	Nhà 596 Thống Nhất, P. Đạo Long, TX. Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận	156,00	9.514.514.100	Lâu dài
7	Nhà 208 (số cũ 83) Ba Cu, P.3, TP. Vũng Tàu	153,40	10.791.910.000	Lâu dài
8	60 Hùng Vương, Vạn Giã, Vạn Ninh, Khánh Hòa	111,20	1.594.392.702	Lâu dài
9	65 - 67 Nguyễn Văn Linh, Đà Nẵng	262,50	12.695.799.347	Lâu dài
10	Nhà 315 Quang Trung, Thị trấn Bồng Sơn, H. Hoài Nhơn, Bình Định	256,80	3.573.788.848	Lâu dài
11	10 Nguyễn Huệ, Ninh Hiệp, Ninh Hòa, Nha Trang	186,20	2.026.620.696	Lâu dài
12	123 Hùng Vương, TX. Đồng Xoài, Bình Phước	1.763,80	16.322.941.287	Đến 01/2059
13	190 Trần Quang Khải P. Tân Định, Q.1, TP.HCM	216,00	1.465.552.000	Lâu dài
14	11 An Dương Vương P.8, Q.5, TP.HCM	68,00	1.922.972.000	Lâu dài
15	36A Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.19, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	126,20	3.338.622.310	Lâu dài
16	169A (số cũ 93) Quang Trung, P.10, Q. Gò Vấp, TP.HCM	152,07	4.849.245.503	Lâu dài
17	63/F26 Quang Trung, P.10, Q. Gò Vấp, TP.HCM	22,80	555.500.000	Lâu dài
18	572 Lũy Bán Bích P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM	114,50	7.951.800.000	Lâu dài
19	631 Lê Hồng Phong – 384/50/31 Lý Thái Tổ, P.10, Q.10, TP.HCM	396,90	17.017.945.816	Lâu dài
20	191-191A Trường Chinh, P. Tân Thới Nhất, Q.12, TP.HCM	148,00	12.253.149.633	Lâu dài
21	199/24 Cách Mạng Tháng Tám, P.4, Q.3, TP.HCM	542,88	20.567.387.000	Lâu dài
22	40 Đường 16/4, P. Tân Tài, TP. Phan Rang Tháp Chàm, Ninh Thuận	172,65	25.845.017.266	Đến 10/09/2065
23	983 (số cũ 711A) Ngô Quyền, P. An Hải Đông, Q. Sơn Trà, Đà Nẵng	90,90	9.698.895.462	Lâu dài

TT	Địa chỉ	Diện tích sử dụng (m ²)	Nguyên giá giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Thời gian sử dụng (quyền sử dụng đất)
24	309 đại lộ Bình Dương, Khu phố 12, P. Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương	191,10	25.522.754.381	Lâu dài
25	Nhà 313 Quang Trung, Thị Trấn Bồng Sơn, Huyện Hoài Nhơn, Bình Định	46	3.370.850.000	
	Tổng cộng		766.839.761.271	

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Bảng 50: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Ngân hàng Nam Á

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	30/06/2020
Số dư đầu kỳ	32.164	30.891
Tăng trong kỳ	88.152	39.936
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(86.097)	(5.316)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(11.035)
Chuyển sang TSCĐ thuê tài chính	(3.328)	(4.482)
Số dư cuối kỳ	30.891	49.994

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Bảng 51: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Ngân hàng Nam Á (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	30/06/2020
Số dư đầu kỳ	39.764	30.891
Tăng trong kỳ	138.065	39.936
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(86.097)	(5.316)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	(11.035)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(57.513)	-
Chuyển sang TSCĐ thuê tài chính	(3.328)	(4.482)
Số dư cuối kỳ	30.891	49.994

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

X. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NĂM TIẾP THEO

Bảng 52: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020 của Ngân hàng Nam Á

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu (hợp nhất)	Giá trị	% tăng giảm so với thực hiện năm 2019
Tổng tài sản	116.000	22,51%
Vốn điều lệ (*)	7.000	79,95%
Huy động vốn từ cá nhân tổ chức kinh tế và phát hành giấy tờ có giá	92.000	22,41%
Dư nợ cho vay cá nhân và tổ chức kinh tế	82.000	21,40%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	1.000	8,16%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế hợp nhất/vốn điều lệ	14,29%	-
Tỷ lệ nợ xấu	≤3%	-
Tỷ lệ cổ tức	N/a	

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

(*) Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 được ĐHCĐ thường niên năm 2020 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 27/06/2020 thông qua dựa theo đặc thù ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng. Kế hoạch lợi nhuận trước thuế của năm tài chính 2020 được tính toán trên cơ sở tăng trưởng tín dụng đạt được mức kế hoạch đề ra và phù hợp với quy định NHNN, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định hiện hành của NHNN, điều kiện kinh tế vĩ mô ổn định. Kế hoạch phân phối lợi nhuận (bao gồm việc chi trả cổ tức) năm 2020 sẽ được Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á trình Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên năm 2021, dựa trên kết quả kinh doanh năm 2020 và tình hình thực tế của doanh nghiệp. Ngân hàng Nam Á chưa đặt kế hoạch kinh doanh năm 2021.

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 27/06/2020 thông qua việc tăng vốn điều lệ từ mức dự kiến 5.000.000.000.000 đồng (sau khi tăng vốn thành công đợt 2 năm 2019) lên mức 7.000.000.000.000 đồng. Ngày 08/09/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi văn bản số 5436/UBCK-PLCB xác nhận kết quả phát hành tăng vốn đợt 2 năm 2019, vốn điều lệ sau khi tăng vốn đợt 2 năm 2019 là 4.564.468.430.000 đồng. Do đó, kế hoạch tăng vốn năm 2020 sẽ từ 4.564.468.430.000 đồng lên 6.564.468.430.000 đồng.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên được xây dựng dựa trên mô hình hoạt động hiện tại của Ngân hàng Nam Á, được dự báo dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm trước, định hướng/ chiến lược phát triển của Ngân hàng Nam Á và dự báo phát triển

của ngành ngân hàng trong thời gian tới.

Trên cơ sở các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh, Ngân hàng định hướng và đề ra các giải pháp trọng tâm để triển khai thực hiện như sau:

- Về củng cố
 - o Định hình văn hóa doanh nghiệp, hoàn thiện tái cấu trúc ngân hàng, phát huy vai trò hỗ trợ của Hội sở, nâng cao tính chủ động tại các Đơn vị kinh doanh. Xây dựng cơ chế kích thích Đơn vị kinh doanh hoàn thành KPI phù hợp với tiềm năng và lợi thế của Đơn vị.
 - o Xây dựng định biên nhân sự tại Hội sở, đẩy mạnh công tác quy hoạch bổ nhiệm nhân sự dựa trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh phù hợp với quy định của Ngân hàng.
 - o Tiếp tục triển khai áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN (Basel II) và các nguyên tắc quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế.
 - o Hoàn chỉnh triển khai mô hình chất lượng dịch vụ với chiến lược dịch vụ “Ngân hàng đẹp – Dịch vụ tốt”.
- Về ổn định
 - o Tiếp tục phát triển tín dụng có chọn lọc, ưu tiên các khách hàng nhỏ lẻ và các dự án tín dụng xanh.
 - o Đảm bảo an toàn an ninh thông tin hệ thống, sử dụng công nghệ để tự động hóa các chốt chặn phòng ngừa rủi ro và xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro sớm.
 - o Kiểm soát rủi ro theo 3 tuyến, xây dựng mô hình quản trị tập trung, ủy quyền phân cấp điều hành.
 - o Giám sát chặt chẽ quy trình tín dụng, tăng cường các giải pháp kiểm soát và xử lý nợ xấu có hiệu quả, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.
- Về tăng trưởng
 - o Tích cực tăng trưởng thị phần, mở rộng mạng lưới kinh doanh, tận dụng nền tảng công nghệ hiện đại nhằm gia tăng cơ sở hệ khách hàng.
 - o Xúc tiến và mở rộng thực hiện việc huy động vốn từ các định chế tài chính nước ngoài/ ủy thác đầu tư nhằm phát triển hoạt động kinh doanh trong và ngoài nước, từng bước phát triển hệ sinh thái đối tác chiến lược, đối tác liên kết.
 - o Đẩy nhanh tiến độ dự án Digital Banking nhằm ứng dụng sâu, hiệu quả và có tác động cụ thể đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
 - o Xây dựng chiến lược nhân sự đủ tầm, phù hợp cho giai đoạn 05 – 10 năm. Nâng cao tỷ trọng nhân sự kinh doanh theo đúng định hướng.
 - o Gia tăng chất lượng và cải tiến sản phẩm dịch vụ theo hướng đa dạng, trọn gói nhằm đem đến cho khách hàng những trải nghiệm về dịch vụ tài chính hiện đại đa tiện ích.

Bảng 53: Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020
ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu (hợp nhất)	Kế hoạch	Thực hiện đến 30/06/2020	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch
Tổng tài sản	116.000	105.713,249	91,13%
Vốn điều lệ (*)	7.000	3.890,053	55,57%
Huy động vốn từ cá nhân tổ chức kinh tế và phát hành giấy tờ có giá	92.000	88.252,408	95,93%
Dư nợ cho vay cá nhân và tổ chức kinh tế	82.000	77.005,800	93,91%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	1.000	200,904	25,11%
Tỷ lệ nợ xấu	≤3%	2,93%	-

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

(*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Ngân hàng TMCP Nam Á ngày 27/06/2020 thông qua việc tăng vốn điều lệ từ mức dự kiến 5.000.000.000.000 đồng (sau khi tăng vốn thành công đợt 2 năm 2019) lên mức 7.000.000.000.000 đồng. Ngày 08/09/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi văn bản số 5436/UBCK-PLCB xác nhận kết quả phát hành tăng vốn đợt 2 năm 2019, vốn điều lệ sau khi tăng vốn đợt 2 năm 2019 là 4.564.468.430.000 đồng. Do đó, kế hoạch tăng vốn năm 2020 sẽ từ 4.564.468.430.000 đồng lên 6.564.468.430.000 đồng.

Kế hoạch tăng vốn của Ngân hàng Nam Á

Đợt tăng vốn lần 2 năm 2019 từ 3.890.053.280.000 đồng lên 4.564.468.430.000 đồng.

Tới thời điểm hiện tại, Ngân hàng TMCP Nam Á đã nhận được thông báo bằng văn bản số 5436/UBCK-QLCB ngày 08/09/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xác nhận kết quả chào bán và đang trong quá trình thực hiện báo cáo kết quả với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Mục đích của việc tăng vốn:

- Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động ngân hàng như mua sắm, đầu tư tài sản cố định; cải tiến cơ sở vật chất; nâng cao công nghệ ngân hàng; phát triển nguồn nhân lực.
- Đáp ứng điều kiện mở rộng mạng lưới hoạt động, thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật.
- Tăng quy mô vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh như cho vay và kinh doanh các dịch vụ ngân hàng khác, đồng thời đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Nam Á.

Hình thức phát hành:

- Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Phương án phát hành:
 - Tên cổ phần: Cổ phần Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á.
 - Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
 - Loại tiền phát hành: Đồng Việt Nam (VND).
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 110.994.672 cổ phần.

Trong đó:

- Chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 43.924.788 cổ phần.
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Ngân hàng Nam Á: 16.767.471 cổ phần.
- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 50.302.413 cổ phần.
- Kết quả chào bán:
 - Tổng số cổ phần đã phân phối: 67.441.515 cổ phần.

Trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 371.631 cổ phần, giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần.
- Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động Ngân hàng Nam Á: 16.767.471 cổ phần, giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần.
- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 50.302.413 cổ phần, giá phát hành bình quân là 13.500 đồng/cổ phần.
- Tổng số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu: 850.473.595.500 đồng.

Trong đó:

- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 3.716.310.000 đồng.
- Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động Ngân hàng Nam Á: 167.674.710.000 đồng.
- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 679.082.575.500 đồng.

Tình hình thực hiện: Ngân hàng Nam Á đang trong quá trình thực hiện báo cáo kết quả tăng vốn cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Sau khi hoàn tất việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ, Ngân hàng Nam Á sẽ thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung tổng số 67.441.515 cổ phần đã phát hành thêm.

Kế hoạch tăng vốn năm 2020 từ 4.564.468.430.000 đồng lên 6.564.468.430.000 đồng.

Mục đích của việc tăng vốn:

- Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động ngân hàng như mua sắm, đầu tư tài sản cố định; cải tiến cơ sở vật chất; nâng cao công nghệ ngân hàng; phát triển nguồn nhân lực.
- Đáp ứng điều kiện mở rộng mạng lưới hoạt động, thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật.
- Tăng quy mô vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh như cho vay và kinh doanh các dịch vụ ngân hàng khác, đồng thời đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Hình thức phát hành:
 - Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
 - Chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
- Phương án phát hành:
 - Tên cổ phần: Cổ phần Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á.
 - Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
 - Loại tiền phát hành: Đồng Việt Nam (VND).
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Số lượng chào bán: 200.000.000 cổ phần.

Trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019: 57.000.000 cổ phần.
- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 143.000.000 cổ phần.
- Tổng giá trị cổ phần phát hành (theo mệnh giá): 2.000.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ phần phát hành thêm: 43,82% so với vốn điều lệ sau khi tăng vốn đợt 2 năm 2019 (4.564.468.430.000 đồng); 51,41% so với vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2019 (3.890.053.280.000 đồng).
- Thời gian dự kiến chào bán: Ngay sau được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Tình hình thực hiện: Ngân hàng Nam Á hiện đang chuẩn bị các thủ tục trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận việc tăng vốn điều lệ.

XI. CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu đến năm 2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, HĐQT giao Ban Tổng Giám đốc triển khai các nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- Hoạt động kinh doanh
 - Hoạt động kinh doanh là hoạt động cốt lõi, xuyên suốt nên cần ưu tiên tập trung các

nguồn lực để đảm bảo Ngân hàng Nam Á có được sự tăng trưởng mang tính đột phá nhưng vẫn an toàn, hiệu quả. Theo đó, Ngân hàng sẽ triển khai đầy đủ các mảng nghiệp vụ của một ngân hàng bán lẻ, tập trung khai thác phân khúc khách hàng cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể cùng với nhóm khách hàng là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Song song đó, Ngân hàng sẽ tiếp tục hoàn thiện nghiệp vụ thanh toán và bảo lãnh, bảo hiểm, kinh doanh ngoại hối, liên kết đối tác và phát triển hệ sinh thái khách hàng,... nhằm làm thay đổi cơ cấu doanh thu của Ngân hàng theo hướng tăng tỷ trọng thu phí tín dụng trong tổng thu.

- Phân đầu đạt được kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được HĐQT giao cho Ban Tổng Giám đốc.
- Tổ chức quản trị Ngân hàng
 - Tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động ngân hàng nói chung và hệ thống giới hạn trong hoạt động nói riêng, tiến đến xây dựng và vận hành hệ thống quản trị tại Ngân hàng đáp ứng chuẩn mực quốc tế (Basel II), đặc biệt đối với hoạt động quản trị rủi ro.
 - Tăng cường khả năng dự báo và xây dựng các kịch bản phòng ngừa rủi ro liên quan đến mọi nghiệp vụ của Ngân hàng, đặc biệt đối với các rủi ro hoạt động và rủi ro liên quan đến đạo đức nghề nghiệp của CBNV.
 - Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.
- Nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng
 - Thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ theo quy định trong năm 2020.
 - Tiến hành các thủ tục để thực hiện lưu ký và niêm yết cổ phiếu Ngân hàng Nam Á trên thị trường chứng khoán theo quy định.
- Tổ chức nhân sự
 - Xây dựng chiến lược nhân sự phù hợp với các mục tiêu được xác định tại chiến lược kinh doanh giai đoạn 2020 – 2024 và tầm nhìn đến 2030. Theo đó, đội ngũ nhân sự phải đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội, đặc biệt là xu thế ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực kinh doanh ngân hàng.
 - Nghiên cứu và áp dụng cơ chế, chính sách tiền lương linh hoạt, cạnh tranh; nâng cao chính sách phúc lợi, khen thưởng nhằm tạo động lực cống hiến cho CBNV. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp mang đậm tính nhân văn để thu hút và giữ chân nhân tài.
 - Hoàn thiện, nâng cao chất lượng bộ tiêu chuẩn đánh giá KPIs của Ngân hàng Nam Á nhằm thúc đẩy năng suất lao động của CBNV.
 - Quy hoạch và đào tạo lực lượng nhân sự kế thừa cho tất cả các vị trí trong Ngân hàng. Tổ chức các khóa đào tạo để không chỉ nâng cao năng lực chuyên môn mà còn hoàn thiện năng lực quản lý đội ngũ được quy hoạch.

- Chuẩn hóa nguồn nhân lực thông qua việc đánh giá, đào tạo, luân chuyển nội bộ kết hợp với việc tăng cường công tác tuyển dụng nhằm đảm bảo đội ngũ nhân sự có đầy đủ bản lĩnh chuyên môn lẫn đạo đức nghề nghiệp.
- Gia tăng đầu tư cho công nghệ
 - Công nghệ thông tin sẽ là mũi nhọn được đầu tư trong thời gian tới nhằm hỗ trợ cho mục tiêu xây dựng và khai thác hệ sinh thái khách hàng, thiết kế và vận hành chuỗi sản phẩm phục vụ cho hệ sinh thái khách hàng,...
 - Thực hiện chiến lược “số hóa ngân hàng” bằng việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động nghiệp vụ, quản lý và vận hành Ngân hàng.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ
 - Nghiên cứu, nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ khách hàng thông qua các bộ quy tắc và tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ, xây dựng hình ảnh nhân viên chuyên nghiệp; đổi mới quy trình, biểu mẫu, rút ngắn thời gian giao dịch nhằm phục vụ khách hàng được tốt nhất.
 - Nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- KIỆN TOÀN HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI KÊNH PHÂN PHỐI
 - Sắp xếp, quy hoạch và chuẩn hóa hệ thống kênh phân phối một cách hợp lý, có lộ trình; thay đổi căn bản tính chất, mô hình Phòng Giao dịch là Đơn vị kinh doanh đa năng, toàn diện như cấp độ Chi nhánh thông thường.
 - Đề xuất NHNN xem xét, chấp thuận cho Ngân hàng Nam Á tiếp tục phát triển mở rộng mạng lưới có chọn lọc, phù hợp với chiến lược phát triển của Ngân hàng Nam Á.
- Phát triển thương hiệu
 - Củng cố và nâng tầm thương hiệu Ngân hàng Nam Á gắn với: (i) các giá trị cốt lõi của Ngân hàng; (ii) trách nhiệm cao đối với cộng đồng, xã hội; (iii) phát triển và củng cố nhân hiệu.
 - Các giải pháp phát triển thương hiệu của Ngân hàng Nam Á phải được triển khai một cách đồng bộ, tạo sự khác biệt về sản phẩm dịch vụ nổi trội, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, thân thiện với khách hàng theo phương châm “Ngân hàng đẹp – Dịch vụ tốt”, kiểm soát hoạt động quảng bá, truyền thông phù hợp.
 - Nghiên cứu đề án lan tỏa thương hiệu mang đậm nét văn hóa Ngân hàng Nam Á.
 - Tiếp tục phát huy các hoạt động xã hội, các chương trình vì lợi ích cộng đồng.

XII. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN

Trong quá trình hoạt động thông thường của Ngân hàng Nam Á, Ngân hàng đưa ra các cam kết mà chưa được ghi nhận là nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán, hay còn gọi là cam kết ngoại bảng.

Các cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh tài chính, chấp nhận thanh toán, thu

tín dụng. Nhiều khoản cam kết sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

XIII. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI NGÂN HÀNG

Ngày 20/06/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra (Bộ Công an) đã có Quyết định số 36/QĐ-C01-P4 khởi tố vụ án hình sự “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo đơn tố giác của ông Nguyễn Chấn. Đối với sự việc này, Ngân hàng Nam Á không phải là đối tượng bị khởi kiện, khởi tố và hiện đang hợp tác cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để phục vụ công tác điều tra. Hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á vẫn đang diễn ra ổn định và an toàn. Phán quyết của cơ quan có thẩm quyền sẽ là cơ sở để xác định quyền lợi và nghĩa vụ của các bên có liên quan.

Ngoài ra, ngày 08/01/2020, ông Nguyễn Chấn còn có “Đơn đề nghị ngăn chặn việc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Nam Á” gửi tới một số cơ quan quản lý Nhà nước. Đề nghị này không có cơ sở pháp lý vì Phương án tăng vốn điều lệ năm 2019 đã được: (i) Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Nam Á thông qua một cách hợp pháp vào ngày 23/03/2019, (ii) đáp ứng các quy định về tăng vốn điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần được nêu tại Điều 12 Thông tư 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018, và (iii) đã được Ngân hàng Nhà nước thẩm định, chấp thuận tại Công văn 10307/NHNN-TTGSNH ngày 31/12/2019.

Ngày 04/06/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 111/GCN-UBCK. Tháng 06/2020, Ngân hàng Nam Á đã thực hiện tăng vốn điều lệ đợt 2 năm 2019 và ngày 08/09/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có văn bản xác nhận kết quả phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng số 5436/UBCK-QLCB.

Ngân hàng Nam Á sẽ chịu trách nhiệm (nếu có) theo quy định của pháp luật đồng thời cam kết hỗ trợ giải quyết các tranh chấp của các cổ đông theo phán quyết của cơ quan bảo vệ pháp luật có liên quan.

XIV. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

1. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị

Bảng 54: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch, thành viên HĐQT không điều hành	19.450.265	5,000%
2	Trần Ngô Phúc Vũ	Phó Chủ tịch, thành viên HĐQT không điều hành	-	-
3	Phan Đình Tân	Phó Chủ tịch, thành viên HĐQT không điều hành	11.037.944	2,837%
4	Nguyễn Quốc Mỹ	Phó Chủ tịch, thành viên	16.649.584	4,280%

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
		HĐQT không điều hành		
5	Võ Thị Tuyết Nga	Thành viên HĐQT điều hành	100.567	0,026%
6	Đỗ Anh Thư	Thành viên HĐQT độc lập	1.931.400	0,496%

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Dưới đây là thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á:

❖ **Ông Nguyễn Quốc Toàn – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Ngày tháng năm sinh : 23/05/1970
- Nơi sinh : Quy Nhơn – Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 830/12 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Chứng chỉ Tài chính – chứng khoán
- Quá trình công tác :

Từ năm 1990 – 09/1999 : Nhân viên Kinh doanh, Giám đốc Kinh doanh Công ty A AND C IMPORT/EXPORT LTD (Canada).

Từ 10/1999 – 11/2008 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang; Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Rồng Thái Bình Dương; Thành viên HĐQT CTCP Thành Công.

Từ 03/2007– 08/2009 : Cố vấn HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 11/2008 – 03/2010 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Rồng Thái Bình Dương; Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất Nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre.

Từ 03/2010 – 07/2012 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang; Chủ tịch HĐQT CTCP Hoàn Vũ Sài Gòn.

Từ 07/2012 – 07/2013 : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hoàn Cầu; Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang; Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại Hoàn Cầu;

Thành viên HĐQT CTCP Sài Gòn Nhà Đất; Thành viên HĐQT CTCP Truyền Thông Ngôi Sao Thế Giới.

Từ 07/2013 – 03/2014 : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hoàn Cầu; HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang; HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu Khánh Hòa; Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại Hoàn Cầu; Thành viên HĐQT CTCP Sài Gòn Nhà Đất; Thành viên HĐQT CTCP Truyền Thông Ngôi Sao Thế Giới.

Từ 03/2014 – 7/2015 : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hoàn Cầu; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Hoàn Cầu Nha Trang; Thành viên HĐQT CTCP Truyền Thông Ngôi Sao Thế Giới.

Từ 03/2014 đến nay : Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 19.450.265 cổ phần, chiếm 5,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 55.280.891 cổ phần, chiếm 14,211% vốn điều lệ. Bao gồm:

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Chấn	Bố	141 Võ Văn Tần, P.6, Q.3 TP.HCM	18.777.196	4,827%
2	Nguyễn Thị Thanh Vân	Chị	40/7 Nguyễn Văn Hưởng, P. Thảo Điền, Q.2, TP.HCM	19.439.300	4,997%
3	Nguyễn Quốc Mỹ	Em	104 Nguyễn Văn Hưởng, P. Thảo Điền, Q.2, TP.HCM	16.649.584	4,280%
4	Nguyễn Thị Xuân Thủy	Em	104 Nguyễn Văn Hưởng, P. Thảo Điền Q.2, TP.HCM	414.811	0,107%
Tổng cộng				55.280.891	14,211%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

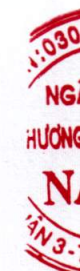
❖ **Ông Trần Ngô Phúc Vũ – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Ngày tháng năm sinh : 23/08/1972
- Nơi sinh : Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 161 Trần Phú, Lộc Nga, TP. Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cao học Griggs University
- Quá trình công tác :
 - Từ 1990 – 1994 : Nhân viên UBND huyện Bảo Lộc.
 - Từ 1994 – 1997 : Chuyên viên UBND huyện Bảo Lâm.
 - Từ 1997 – 2001 : Phó Giám đốc, Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Phương.
 - Từ 2001 – 2008 : Tổ trưởng Tổ Tín dụng, Quyền Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
 - Từ 2006 – 2010 : Chủ tịch HĐQT CTCP Chè Hà Giang.
 - Từ 2006 – 2009 : Chủ tịch HĐQT CTCP Chè 1 – 5, Chủ tịch HĐQT CTCP Chè Hà Giang.
 - Từ 2009 – 2010 : Chủ tịch HĐQT CTCP Chè Ngọc Bảo.
 - Từ 2006 - 2014 : Thành viên HĐQT CTCP Du Lịch, CTCP Địa Ốc Đà Lạt.
 - Từ 2008 – 2009 : Đặc phái viên của HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
 - Từ 2009 – 2010 : Giám đốc Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
 - Từ 11/2010 – 01/2013 : Giám đốc Khu vực Nam Trung Bộ & Tây Nguyên, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
 - Từ 02/2013 – 04/2013 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 04/2013 – 04/2014 : Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 04/2014 – 04/2015 : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 04/2015 đến nay : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Ông Phan Đình Tân – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Ngày tháng năm sinh : 10/09/1954
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 27A Bàn Cờ, P.3, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp Quản lý kinh tế
- Quá trình công tác :
 - Từ 1972 – 1975 : Cán bộ Đội công tác thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định.
 - Từ 1975 – 1976 : Ủy viên thư ký UBND thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định.
 - Từ 1976 – 1979 : Học viên Trường Quản lý Kinh tế Tỉnh Nghĩa Bình.
 - Từ 1980 – 1990 : Cán bộ Công ty Liên hiệp Thủy sản Tỉnh Nghĩa Bình.
 - Từ 1990 – nay : Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu.
 - Từ 2001 – 2002 : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 2003 – 2003 : Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 2004 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 2015 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước Bến Tre.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.



- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước Bến Tre, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu, Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Hiệp Thành Công, Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Quang Trung, Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp thoát nước Lâm Đồng, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Diamond Star Bến Tre, Giám đốc CTCP Sao Sáng.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 11.037.944 cổ phần, chiếm 2,837% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 7.777.104 cổ phần, chiếm 1,999% vốn điều lệ. Bao gồm:

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Vợ	27A Bàn Cờ, Q.3, TP.HCM	7.777.104	1,999%
	Tổng cộng			7.777.104	1,999%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: CTCP Đầu Tư Hiệp Thành Công (tỷ lệ 96%).
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Ông Nguyễn Quốc Mỹ – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Ngày tháng năm sinh : 26/10/1971
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 104 Nguyễn Văn Hường, P. Thảo Điền, Q.2, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Quá trình công tác :
 - Từ 1989 – 1992 : Kinh doanh tự do tại TP. Hồ Chí Minh.
 - Từ 1992 – 2003 : Giám đốc Công ty TNHH Hải Vương.
 - Từ 2001 – 2003 : Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 2004 – 2006 : Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 2007 – 2007 : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 2008 – 2010 : Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 2011 – nay : Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á
 Từ 11/2012 – 06/2018 : Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 12/2014 – 08/2018 : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Hoàn Cầu Long An.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Nam Á
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 16.649.584 cổ phần, chiếm 4,280% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 58.081.572 cổ phần, chiếm 14,931% vốn điều lệ. Bao gồm:

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Chấn	Cha	141 Võ Văn Tần, P.6, Q.3, TP.HCM	18.777.196	4,827%
2	Nguyễn Thị Thanh Vân	Chị	40/7 Nguyễn Văn Hương, P.Thảo Điền, Q.2, TP.HCM	19.439.300	4,997%
3	Nguyễn Quốc Toàn	Anh	830/12 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, Nhà Bè, TP.HCM	19.450.265	5,000%
4	Nguyễn Thị Xuân Thủy	Em	104 Nguyễn Văn Hương, P. Thảo Điền Q.2, TP.HCM	414.811	0,107%
	Tổng cộng			58.081.572	14,931%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Bà Võ Thị Tuyết Nga – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Ngày tháng năm sinh : 03/05/1966
- Nơi sinh : Long An



- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 246 Lương Định Của, P. An Khánh, Q.2, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Tín dụng
- Quá trình công tác :
 Từ 01/1988 – 10/1988 : Nhân Viên kế toán Hợp tác xã Mua bán Thủ Thiêm.
 Từ 01/1989 – 09/1992 : Nhân Viên kế toán Hợp tác xã Tín dụng An Đông.
 Từ 10/1992 – 02/2002 : Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Chi nhánh An Đông, Trưởng Phòng Hành chính, Thư ký Văn phòng HĐQT, Kiểm soát viên Phòng Kiểm soát nội bộ, Trưởng phòng kế toán kiêm Kế toán trưởng Hội sở, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 03/2002 – nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 03/2011 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 100.567 cổ phần, chiếm 0,026% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Bà Đỗ Anh Thư – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**

- Ngày tháng năm sinh : 08/01/1972
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : 87/4A Trần Phú, P.4, Q.5, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán, Ngữ văn Anh
- Quá trình công tác :
- Năm 1995 : Kế toán viên Công ty TNHH Việt Hưng.
- Từ 02/1996 – 09/2004 : Kế toán viên Công ty TNHH Hoàn Cầu.
- Từ 09/2004 – 09/2007 : Quyền Kế toán trưởng Công ty TNHH Hoàn Cầu.
- Từ 09/2007 – 02/2016 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Hoàn Cầu.
- Từ 08/2002 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Thanh Thảo.
- Từ 01/2016 – nay : Thành viên HĐQT Công ty TNHH Danh Huy.
- Từ 04/2016 – nay : Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng Nam Á.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty TNHH Danh Huy.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 1.931.400 cổ phần, chiếm 0,496% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 3.750 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ.
 Bao gồm:

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ngô Cự Đồng	Chồng	87/4A Trần Phú, P.4, Q.5, TP.HCM	3.750	0,001%
	Tổng cộng			3.750	0,001%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

2. Ban kiểm soát

Bảng 55: Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Triệu Kim Cân	Trưởng BKS	34.450	0,009%
2	Nguyễn Thị Thúy Vân	Thành viên BKS	422	0,0001%
3	Nguyễn Thùy Vân	Thành viên BKS	96.494	0,025%

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Dưới đây là thông tin chi tiết về các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á:

❖ **Bà Triệu Kim Cân – Trưởng Ban Kiểm soát**

- Ngày tháng năm sinh : 05/09/1956
- Nơi sinh : Tỉnh Soài Riêng – Campuchia
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 201/115 Nguyễn Xí, P.26, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngân hàng.
- Quá trình công tác :
 - Từ 1975 – 1978 : Nhân viên phòng Tổ chức cán bộ Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Tây Ninh.
 - Từ 1978 – 1981 : Cán bộ được cử đi học Đại học chuyên tu Ngân hàng khóa 5 tại TP. Hồ Chí Minh (cán bộ thuộc Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Tây Ninh).
 - Từ 1981 – 1986 : Chuyên viên phòng Tiền tệ Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Tây Ninh.
 - Từ 1986 – 1989 : Chuyên viên phòng tài vụ Công ty Cung ứng Vật tư, thuộc Liên Hiệp Các Xí nghiệp XD Thủy lợi 4.
 - Từ 1989 – 2000 : Chuyên viên phòng Tổ chức hành chính Công ty Xây dựng 48 - Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4.
 - Từ 2000 – 2003 : Kinh doanh thuộc tây tại CB 16, đường Nguyễn Hồng Đào, P.13, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
 - Từ 04/2003 – 03/2011 : Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 03/2011 – nay : Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng Nam Á.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 34.450 cổ phần, chiếm 0,009% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 376.070 cổ phần, chiếm 0,097% vốn điều lệ. Bao gồm:

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Đào Văn Thoại	Chồng	201/115 Nguyễn Xí, P.26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	344.988	0,089%
2	Đào Kim Thuận	Con	201/115 Nguyễn Xí, P.26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	31.082	0,008%
	Tổng cộng			376.070	0,097%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Bà Nguyễn Thị Thúy Vân – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Ngày tháng năm sinh : 30/01/1955
- Nơi sinh : Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 355/37 Sư Vạn Hạnh (nối dài), P.12, Q.10, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ kinh tế
- Quá trình công tác :
 - Từ 1978 – 1980 : Nhân viên phòng Tiền tệ – Kho quỹ, Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng.
 - Từ 1981 – 1982 : Nhân viên phòng Tiền tệ – Kho quỹ, Ngân hàng Nhà nước TP. Đà Nẵng.
 - Từ 1982 – 1990 : Nhân viên phòng Tiền tệ – Kho quỹ, Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng.

- Từ 1990 – 1991 : Phó phòng Tiền tệ – Kho quỹ, Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng.
- Từ 1991 – 1994 : Nhân viên Phòng Thanh toán quốc tế Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Từ 1995 – 1998 : Phó Phòng Giao dịch Bình Tây Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Từ 1998 – 2000 : Trưởng Phòng Thanh toán quốc tế Chi nhánh Bình Tây, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Từ 2000 – 2008 : Phó Giám đốc Chi nhánh Bình Tây, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Từ 2008 – 2010 : Giám đốc Công ty Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại Hong Kong.
- Từ 2010 – 06/2014: : Trưởng Ban cố vấn Ngân hàng TMCP Bản Việt.
- Từ 07/2014 – 03/2015 : Cố vấn HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 03/2015 – 04/2016 : Trưởng Văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 04/2016 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 422 cổ phần, chiếm 0,0001% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Bà Nguyễn Thùy Vân – Thành viên Ban Kiểm soát**

- Ngày tháng năm sinh : 17/11/1975
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : 4G Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.19, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế khoa Quản trị kinh doanh và khoa Tài chính – Tiền tệ – Tín dụng.
- Quá trình công tác :
 - Từ 11/1998 – 07/2000 : Kế toán tiết kiệm Chi nhánh Thị Nghè, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 07/2000 – 11/2001 : Nhân viên phòng Tín dụng Hội Sở, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 11/2001 – 12/2004 : Kế toán tín dụng Chi nhánh Thị Nghè, Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 12/2004 – 08/2008 : Kiểm tra viên, kiểm toán viên, Chuyên viên Phòng Quản lý tín dụng Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 08/2008 – 07/2010 : Chuyên viên, Tổ trưởng Tổ quản lý rủi ro vận hành Phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 07/2010 – 01/2014 : Kiểm toán viên phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 01/2014 – 04/2015 : Phó Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 04/2015 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 96.494 cổ phần, chiếm 0,025% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 71.046 cổ phần, chiếm 0,018% vốn điều lệ.
Bao gồm:

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Thanh Hải	Chồng	4G Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.19, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	71.046	0,018%
	Tổng cộng			71.046	0.018%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.

- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 56: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Ngân hàng Nam Á

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Trần Ngọc Tâm	Tổng Giám đốc	-	-
2	Võ Thị Tuyết Nga	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	100.567	0,026%
3	Lê Quang Quảng	Phó Tổng Giám đốc	-	-
4	Trần Khải Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	-	-
5	Nguyễn Danh Thiết	Phó Tổng Giám đốc	41.207	0,011%
6	Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.276	0,0003%
7	Hà Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc	-	-
8	Nguyễn Thị Mỹ Lan	Kế toán trưởng	11.595	0,003%

Nguồn: Ngân hàng Nam Á

Dưới đây là thông tin chi tiết về các thành viên Ban Điều hành của Ngân hàng Nam Á

❖ **Ông Trần Ngọc Tâm – Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 07/12/1973
- Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 416/34A Dương Quảng Hàm, P.5, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
 Từ 10/1995 – 08/1998 : Cán bộ tín dụng, Ngân hàng TMCP Đại Nam.
 Từ 10/1998 – 01/2003 : Cán bộ tín dụng, Ngân hàng TMCP Phương Nam.
 Từ 04/2003 – 03/2004 : Chuyên viên Ngân hàng TMCP Nam Á.
 Từ 03/2004 – 02/2008 : Giám đốc CN Quang Trung, Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Từ 02/2008 – 03/2015 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 03/2015 – 04/2016 : Trưởng Ban đặc phái viên kiêm Trưởng Ban Tái cơ cấu tổ chức Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 04/2016 – 03/2018 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 09/2016 – 03/2018 : Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Bảo Minh.
- Từ 03/2018 – 04/2018 : Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 04/2018 – nay : Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
 - Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
 - Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
 - Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Bà Võ Thị Tuyết Nga – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

(Xin vui lòng xem lý lịch chi tiết tại phần Thành viên HĐQT)

❖ **Ông Lê Quang Quảng – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh : 15/12/1963
- Nơi sinh : Quảng Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : E17 Lầu 1, lô E, Chung Cư 300 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngành Ngân hàng và Luật học
- Quá trình công tác :

Từ 01/1992 – 08/1995 : Trưởng phòng Ngân quỹ, Trưởng phòng Kinh doanh, Phó

Tổng Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Từ 09/1995 – 06/2001 : Cán bộ Tín dụng, Trưởng phòng Tín dụng và Đầu tư Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Từ 10/2001 – 03/2010 : Trưởng phòng Xử lý rủi ro, Giám đốc Chi nhánh Tân Bình, Phó phòng Giám sát Tín dụng và Quản lý nợ Miền Nam, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam.

Từ 04/2010 – 06/2010 : Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 06/2010 – 05/2012 : Phó Giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh I Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 06/2012 – 01/2015 : Giám đốc Trung tâm Kinh doanh Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 01/2015 – 08/2015 : Đặc phái viên cao cấp Văn Phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 08/2015 – 03/2016 : Phó Giám đốc Trung tâm Tín dụng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

Từ 04/2016 – nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Ông Trần Khải Hoàn – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh: 16/10/1978
- Nơi sinh : Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú : E4 Khu quy hoạch Bạch Đằng, Ngô Quyền, P.6, Đà Lạt, Lâm Đồng
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ 01/2005 – 11/2006 : Chuyên viên Hội Sò, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Từ 12/2006 – 01/2009 : Trưởng PGD Bảo Lộc Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Từ 02/2009 – 11/2010 : Trưởng Phòng Tín dụng cá nhân Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Từ 12/2010 – 11/2011 : Trưởng văn phòng khu vực Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Từ 12/2011 – 02/2013 : Giám đốc Chi nhánh Ninh Thuận, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Từ 02/2013 – 01/2014 : Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 01/2014 – 01/2014 : Trưởng Phòng Quản lý chất lượng, Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 01/2014 – 07/2014 : Giám đốc Chi nhánh Hàm Nghi, Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 07/2014 – 05/2015 : Trợ lý Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 05/2015 – 04/2016 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 04/2016 – 03/2017 : Trưởng Văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 03/2017 – 11/2017 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Kinh doanh Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 11/2017 – 04/2018 : Giám đốc Trung tâm Kinh doanh Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 04/2018 – 06/2018 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 06/2018 – 10/2019 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 11/2019 – 03/2020 : Phó Tổng Giám đốc Thường trực kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 04/2020 – nay : Phó Tổng Giám đốc Thường trực Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 04/2019 – 05/2019 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo

Mình

Từ 05/2019 – nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Thường trực Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch CTCP Chứng khoán Bảo Minh và Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch Bảo Lộc.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Ông Nguyễn Danh Thiết – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh: 27/07/1973
- Nơi sinh : Hà Tây
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 361 Nguyễn Trãi, Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ 01/1996 – 01/1997 : Phụ trách Kinh doanh Xuất nhập Thủy sản Công ty Thương Mại Việt Thành

Từ 02/1997 – 01/1998 : Cán bộ Tín dụng Chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

Từ 02/1998 – 01/2000 : Phụ trách Kinh doanh Xuất nhập Thủy sản Công ty Thương Mại Việt Thành

Từ 02/2000 – 05/2003 : Chuyên viên Tín dụng Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam.

- Từ 06/2003 – 02/2004 : Kiểm tra viên Phòng kiểm tra Nội bộ Hội sở, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 02/2004 – 04/2004 : Quyền Giám đốc Chi nhánh Ngã Bảy, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 04/2004 – 03/2007 : Giám đốc Chi nhánh Ngã Bảy, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 03/2007 – 02/2008 : Trưởng Phòng Tín dụng Hội sở, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 02/2008 – 03/2009 : Phó Tổng Giám đốc Hội sở Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 03/2009 – 01/2011 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh I Hội sở, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 01/2011 – 09/2011 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Quang Trung, Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 09/2011 – 01/2017 : Phó Tổng Giám đốc Hội sở Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 01/2017 – 11/2017 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 11/2017 – 07/2018 : Giám đốc Khu vực Miền Bắc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 07/2018 – 04/2019 : Giám đốc Khu vực Miền Bắc Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 04/2019 – 10/2019 : Giám đốc Khu vực Miền Bắc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 11/2019 – 08/2020 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Miền Bắc và Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Ngân hàng TMCP Nam Á
- Từ 08/2020 – nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực Miền Bắc Ngân hàng TMCP Nam Á
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khu vực miền Bắc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 41.207 cổ phần, chiếm 0,011% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
 - Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.

- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Ông Hoàng Việt Cường – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh: 20/02/1977
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 861/85 Khu phố 4, P. Tân Hưng, Q.7, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 05/2008 – 10/2009 : Phó Phòng Kinh doanh Miền Nam Hội sở Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - Từ 04/2010 – 04/2013 : Giám đốc Khu vực II Miền Nam Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam
 - Từ 04/2013 – 12/2013 : Phó Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 12/2013 – 05/2014 : Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 05/2014 – 08/2014 : Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ kiêm Giám đốc Chi nhánh Nha Trang Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 08/2014 – 10/2014 : Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 10/2014 – 10/2014 : Giám đốc Khối Ngân hàng bán lẻ kiêm Giám đốc Chi nhánh Vũng Tàu Ngân hàng TMCP Nam Á
 - Từ 11/2014 – 01/2015 : Giám đốc Khối Kinh doanh kiêm Giám đốc Chi nhánh Vũng Tàu Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 01/2015 – 03/2015 : Giám đốc Khối Kinh doanh Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 04/2015 – 04/2016 : Giám đốc Khu vực TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 04/2016 – 01/2017 : Giám đốc Khối Kinh doanh Ngân hàng TMCP Nam Á kiêm Giám đốc Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản AMC.
 - Từ 01/2017 – 01/2018 : Giám đốc Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản AMC.
 - Từ 01/2018 – 03/2018 : Giám đốc Khối Kinh doanh Ngân hàng TMCP Nam Á.
 - Từ 03/2018 – 05/2018 : Giám đốc Khối Kinh doanh kiêm Trưởng phòng Khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 05/2018 – 07/2018 : Giám đốc Khối Kinh doanh kiêm Trưởng phòng Khách hàng cá nhân và Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 07/2018 – 11/2018 : Giám đốc Khối Kinh doanh kiêm Trưởng phòng Khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Nam Á

Từ 11/2018 – 10/2019 : Giám đốc Khối Kinh doanh Ngân hàng TMCP Nam Á

Từ 11/2019 – 03/2020 : Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh Ngân hàng TMCP Nam Á

Từ 11/2019 – nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 1.276 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

❖ **Ông Hà Huy Cường – Phó Tổng Giám đốc**

- Ngày tháng năm sinh: 20/06/1978
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Lô R4 - 11 Khu R-19, P. Tân Phong, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ 2001 – 2012 : Công tác tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín qua các vị trí Nhân viên tín dụng, Trưởng phòng Tín dụng, Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh.

- Từ 2012 – 2016 : Công tác tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam qua các vị trí Giám đốc Quản trị rủi ro Miền Nam, Giám đốc Vùng.
- Từ 2016 – 2018 : Công tác tại Ngân hàng TMCP An Bình với vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối doanh nghiệp vừa và nhỏ SME.
- Từ 2018 – nay : Thành viên Hội Đồng tư vấn Khởi nghiệp Quốc Gia Phía Nam.
- Từ 04/2020 – 08/2020 : Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Từ 08/2020 – nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

❖ **Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan – Kế toán trưởng**

- Ngày tháng năm sinh: 12/11/1979
- Nơi sinh : An Giang
- Số CMND : 025770254 do CA TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 24/07/2013
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 381/23A Phan Văn Trị, P.11, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Tiền tệ – Tín dụng
- Quá trình công tác:

Từ 08/2005 – 11/2008 : Kế toán viên Phòng Kế toán Hội sở Ngân hàng TMCP Nam

Á.

Từ 12/2008 – 08/2010 : Kiểm soát Kế toán Phòng Kế toán Hội sở Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 08/2010 – 06/2012 : Phó Trưởng phòng Kế toán – Phòng Kế toán Hội sở Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 06/2012 – 07/2015 : Phó Phòng phụ trách Phòng Quản trị Tài chính Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 07/2015 – 11/2015 : Phó Phòng Quản trị Tài chính Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 12/2015 – 03/2016 : Phó phòng phụ trách Phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 03/2016 – 04/2018 : Trưởng phòng Kế toán kiêm Kế toán trưởng Ngân hàng TMCP Nam Á.

Từ 04/2018 – nay : Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Nam Á.

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng TMCP Nam Á.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần Nam A Bank đang nắm giữ:
 - ✓ Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ: 11.595 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ.
 - ✓ Số cổ phần đại diện nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ.
- Số cổ phần sở hữu của người có liên quan: 1.287 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ. Bao gồm:

TT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Minh Hải	Em	381/23A Phan Văn Trị, P.11, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	1.287	0,0003%
	Tổng cộng			1.287	0.0003%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích ngân hàng: Không có.
- Các khoản nợ đối với ngân hàng: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với ngân hàng: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có.

4. Định hướng công tác quản trị năm 2020

- Định hướng quản trị theo sát các mục tiêu của Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ

xấu đến năm 2020 của Ngân hàng Nam Á đã được NHNN phê duyệt. Tiến đến xây dựng và triển khai thành công chiến lược chuyển đổi Ngân hàng Nam Á giai đoạn 2020-2024 theo hướng trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại, đa năng, hiệu quả;

- Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai chương trình hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19 theo đúng chủ trương của Chính phủ, hướng dẫn của NHNN. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp nhằm kịp thời nắm bắt tình hình kinh doanh của khách hàng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quy định;
- Chủ động rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á, quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT,... cho phù hợp với điều kiện kinh doanh thực tế. Các thành viên HĐQT sẽ phát huy tinh thần trách nhiệm và kiến thức chuyên môn của mình để chỉ đạo, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác kinh doanh;
- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến lộ trình tăng vốn điều lệ đợt 2 năm 2019 đã được ĐHCĐ thông qua. Tiếp tục tăng vốn điều lệ theo đúng mục tiêu đã đề ra trong năm 2020 đồng thời xem xét việc tìm kiếm các đối tác chiến lược uy tín trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực tài chính và năng lực quản trị điều hành;
- Hoàn thành việc niêm yết/ đăng ký giao dịch cổ phiếu Ngân hàng Nam Á trên thị trường chứng khoán theo đúng quy định của pháp luật nhằm khẳng định tính minh bạch, an toàn, bền vững và hiệu quả cho thương hiệu Ngân hàng Nam Á;
- Cùng cố và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt quan tâm đến công tác quy hoạch đội ngũ lãnh đạo chủ chốt từ cấp Khu vực, Đơn vị Kinh doanh; các Khối, Trung tâm, Phòng, Ban tại Hội sở;
- Tiếp tục khẳng định và nâng tầm thương hiệu, xây dựng bản sắc văn hóa đặc trưng của Ngân hàng Nam Á. Xây dựng môi trường, văn hóa làm việc tại Ngân hàng Nam Á thuộc top đầu các ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam;
- Hoàn thiện các quy định và xây dựng thành công hệ thống giám sát nội bộ theo quy định của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đồng thời áp dụng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro theo chuẩn quốc tế Basel II phù hợp với quy định Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tăng cường vai trò và hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT trong việc tham mưu, giám sát các lĩnh vực chuyên môn như: tín dụng, đầu tư, kinh doanh tiền tệ, quản lý rủi ro, nhân sự, công nghệ thông tin;
- Đánh giá và lựa chọn đối tác là các công ty tài chính đáp ứng về năng lực quản trị, tiềm lực tài chính, kế hoạch kinh doanh khả thi để xem xét việc thực hiện góp vốn, mua cổ phần phù hợp chiến lược phát triển của Ngân hàng Nam Á;
- Tổ chức tốt Đại hội đồng cổ đông hằng năm, các cuộc họp HĐQT định kỳ/ đột xuất;

- Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn và điều kiện, quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Người trở thành thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên trước thời điểm các luật trên có hiệu lực đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về doanh nghiệp theo từng thời kỳ.



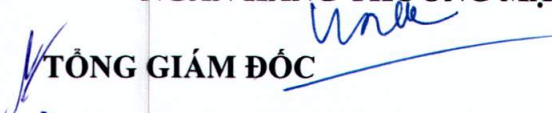
PHỤ LỤC

- ❖ Phụ lục 1: Nghị quyết của HĐQT về việc đăng ký giao dịch cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á trên hệ thống giao dịch UPCoM.
- ❖ Phụ lục 2: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (lần gần nhất).
- ❖ Phụ lục 3: Bản sao hợp lệ Điều lệ Ngân hàng Nam Á.
- ❖ Phụ lục 4: Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 của Ngân hàng Nam Á; Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2020 đã soát xét của Ngân hàng Nam Á.
- ❖ Phụ lục 5: Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Ngân hàng Nam Á ngày 23/03/2019 thông qua phương án chào bán cổ phiếu và phương án sử dụng vốn thu từ đợt chào bán ra công chúng.

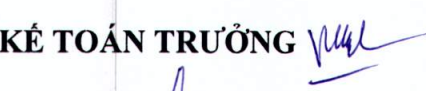
90
ĐNG
P
NG K
O M
P H
30/03/2020
N HÀNG
MAI CỎ
AM
TP. HỒ C

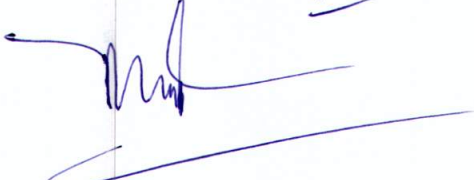
TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 09 năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á**

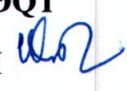

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Tâm


KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Thị Mỹ Lan

TUQ. CHỦ TỊCH HĐQT


PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngô Phúc Vũ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT


Triệu Kim Cân



**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**


TỔNG GIÁM ĐỐC




Hoàng Văn Thắng

